

Cùng quý độc giả thân mến,

Hằng năm, cứ đến ngày rằm trăng tròn tháng tư âm lịch, là ngày kỷ niệm đánh dấu đức Phật ra đời. Đây là ngày lễ thiêng liêng trọng đại có một không hai trong lịch sử nhân loại. Vì thế mà hầu hết người phật tử trên khắp năm châu bốn biển đều hướng lòng về bậc Đại Giác để thiết lễ kỷ niệm. Đó cũng còn là một lễ hội lớn tạo điều kiện thuận lợi để mọi người gặp gỡ trao đổi học hỏi trong tinh thần cầu tiến hướng thượng.

Hòa nhịp trong niềm hân hoan trân kính mừng ngày Đức Thế Tôn giáng thế, một lần nữa, Đặc San Phước Huệ xin chân thành kính chúc chư Tôn Đức Tăng, Ni và quý đồng hương phật tử lời chúc nguyện an lành, vạn sự tùy tâm mãn nguyện.

Sự kiện lâm phạm của Đức Phật nhằm mục đích chuyển mê khai ngộ cứu độ muôn loài. Dĩ nhiên, trong đó có loài người chúng ta. Vì đức Phật là một con người, cho nên Ngài rất thấu hiểu về những gì liên hệ đến đời sống con người. Ngài đã khai sáng cho con người một hướng đi mới, một lộ trình khai phóng theo chiều hướng giác ngộ giải thoát. Hơn ai hết, chính bản thân Ngài là một minh chứng hùng hồn cụ thể. Nói cách khác, Đạo Phật là nghệ thuật khai sáng con đường nội tại. Mọi hình thức bên ngoài chỉ là những phương tiện không phải là cứu cánh. Cái mà đạo Phật nhắm tới là hướng dẫn giáo dục con người trở về với cái bản thể uyên nguyên của chính mình. Đạo Phật luôn đề cao khả năng nhận thức và chuyển hóa khổ đau nơi mỗi con người. Vì Đức Phật biết rõ nơi mỗi con người ai cũng có khả năng thành Phật. Vì ai cũng sẵn có tính Phật. Đó là chánh nhân Phật tánh. Tuy nhiên, muốn cho chánh nhân Phật tánh được hiển lộ, thì mỗi người cần phải nỗ lực chuyên cần tu tập. Tức cần phải có duyên nhân Phật tánh. Duyên nhân là điều kiện làm phát triển tăng trưởng cái chánh nhân Phật tánh. Thiếu điều kiện tu tập, thì dù sẵn có cái chánh nhân, nhưng Phật tánh không thể nào hiển hiện được. Như biết rõ trong gạo sẵn có chất cơm nhưng nếu chúng ta không nấu thì muôn đời không



Là
Thư
Tòa
Soạn

thể thành cơm. Cho nên, điều kiện tu tập để chuyển hóa mọi thứ vô minh phiền não là tối ưu quan trọng. Từ đó mới có thể đạt thành quả vị Chánh Giác, tức liễu nhân Phật tánh. Đó là ba thứ Phật tánh mà người phật tử cần phải gắng công nghiên tâm tu học.

Con đường tu tập là phải mở rộng chiều sâu tâm thức. Phải quán chiếu sâu sắc vào sự vận hành của tâm thức. Đạo Phật không chấp nhận chạy theo những hiện tượng giả dối bên ngoài. Vì tất cả chỉ là duyên sinh hư huyền. Mọi hiện tượng tuy giả dối không thật, nhưng khi chưa chứng ngộ chân lý tuyệt đối thì ta cũng rất cần đến cái chân lý tương đối. Tương đối là phương tiện mà ta cần phải nương vào đó để tu tập. Nếu bỏ đi phương tiện thì làm sao có thể đạt được cứu cánh?. Cho nên giữa Tục đế và Chân đế cần phải được dung hòa và hỗ tương cho nhau. Nhưng chúng ta đừng quên cái Tục đế cũng chỉ là những hình thức biểu hiện bề ngoài. Sự có mặt của Đức Phật ở cõi đời này, điều đó không ai có thể chối cãi được. Vì đó là sự thị hiện theo Tích môn hay Tục đế chứ không phải là cái Bản môn hay Chân đế. Hiện tượng sống không thể ly khai nước mà có. Ngược lại cũng thế. Có cái nhìn thâm thấu như thế, thì ta mới không bị vướng kẹt vào những hình thức lễ nghi cúng bái theo bề mặt của niềm tin. Vì mọi thứ lễ nghi hình thức chỉ là những cái vỏ bên ngoài, tuyệt đối nó chưa phải là cái cốt lõi bên trong, mà cái cốt lõi bên trong của đạo Phật là có cả một kho tàng tuệ giác. Người học Phật bằng mọi cách phải tiếp xúc cho kỳ được cái kho tàng tuệ giác này. Đó mới đích thực là cái bản hoài của đức Phật ra đời, nhằm chỉ cho chúng ta thấy được cái thể tánh bất sanh bất diệt ẩn tàng trong mỗi cá thể. Có nhìn như thế, thì mới tương ưng phần nào sự ra

đời của đức Phật. Còn bằng không, thì tất cả cũng chỉ là những ảo tưởng phù phiếm mà thôi.

Thử nhìn vào thế giới của loài người hiện nay, có quá nhiều những biến động đau khổ từ nội tại đến ngoại tại. Nội tại, thì lòng người luôn loạn động bất an. Ngoại tại, thì thiên tai nhơn họa ác liệt dồn dập xảy đến hằng ngày. Quả chúng ta hiện đang sống trong một ngôi nhà lửa rực cháy thiêu đốt, như trong Phẩm Thí Dụ Kinh Pháp Hoa đã diễn tả. Thế mà những đứa con ngây thơ của ông trưởng giả, vẫn một bề vui chơi đùa giỡn với nhau trong căn nhà hư mục đổ nát và lửa đang cháy hừng hực dữ dội mà họ không hề hay biết. Thật là đáng thương cho thân phận của những người con đó. Ngắm lại, thân phận và thế giới loài người của chúng ta hôm nay cũng đáng xót xa thương tâm như thế!

Kỷ niệm mùa Phật đản lần thứ 2642, noi gương đức Phật, ngoài việc phô trương hình

thức cúng dường ra, mỗi người chúng ta cũng nên ý thức đến những nỗi khổ đau, tiếng kêu than trầm thống của nhơn loại mà hãy cùng nhau chuyển hóa thân tâm, kiến tạo một nền hòa bình thực sự vĩnh cửu trong tâm thức của mỗi người. Có thế, thì chúng ta mới có thể hóa giải hết mọi nội kết, mọi hận thù tranh chấp, mọi kỳ thị chủng tộc, xóa tan mọi định kiến bất đồng, để cùng nhau quyết tâm xây dựng một xã hội an bình trong tình yêu thương vạn loại như bản hoài Đức Phật ra đời. Đó mới đích thực là kỷ niệm ngày đản sanh của đức Phật vậy.

Trân trọng

Ban Biên Tập



Thiệp Mời

Đại lễ Phật Đản lần thứ 2642

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Trân trọng kính mời:

Quý Đồng hương Phật tử

Đến tham dự Đại lễ Phật Đản 2642

được tổ chức tại Tổ đình Phước Huệ

365 Victoria Street Wetherill Park NSW 2164

Điện thoại: (02) 9725 2324

Trong 2 ngày:

- * Thứ Bảy 26/05/2018:** - Viếng thăm Tịnh xứ Hòa Thượng Tông Trưởng và dự lễ Phật Đản trên Đại Tòng Lâm Phật Giáo
- * Chủ Nhật 27/05/2018:** - **Đại lễ Phật Đản tại Tổ Đình vào lúc 10:30**
 - Văn nghệ mừng Phật Đản vào lúc 13:30
 - Lễ Truyền Tam Quy Ngũ Giới vào lúc 13:30
 - Cúng thí thực thập loại cô hồn vào lúc 16:00

Sự hiện diện của quý vị sẽ góp phần vào niềm hoan hỷ chung của Phật giáo đồ Việt Nam trên đường phụng sự đạo pháp và dân tộc.

Kính nguyện kiết tường

Trân trọng

Ban Tổ Chức





Tổ đình Phước Huệ
THÔNG BẠCH
ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN 2642

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Chư tôn Hòa thượng, chư Thượng tọa, Đại đức tăng, ni,
Kính thưa Quý vị lãnh đạo tinh thần, Quý Giáo hội, Hội Phật giáo, tự viện,
Kính thưa Chư Phật tử và quý đồng hương,

Thay mặt Phước Huệ Sơn Môn Học Phái chúng tôi trân trọng kính gửi đến chư tôn Hòa thượng, chư Thượng tọa, Đại đức tăng, ni, quý vị lãnh đạo tinh thần quý Giáo hội, Hội Phật giáo, tự viện và chư Phật tử, đồng hương lời chào mừng nồng hậu trong ánh hào quang của đức Bổn sư Thế tôn.

Hôm nay toàn thể Phật giáo đồ và nhơn loại khắp nơi trên thế giới hân hoan thành kính chào mừng đức Phật giáng sanh lần thứ 2642 Phật lịch 2562 nhằm tưởng niệm và tán thán ngưỡng mộ lòng từ bi vô lượng mà Ngài đã thương xót dẫn dắt cứu vớt muôn loài. Kính ngưỡng nhơn cách giác ngộ, lời dạy nhơn bản mà đức Phật đã đem lại niềm an lạc cho nhơn loại; giáo pháp mà Ngài thuyết minh là giáo pháp được xây dựng trên sự thật để hiểu sự thật và là giáo pháp hành động bởi trí huệ.

Nhơn loại đã trải qua và đang tiếp tục gánh chịu sự xung đột, chiến tranh, khủng bố, sát hại và sự thống trị chuyên chế độc tài, áp bức bất công . . ., bởi các thế lực mạnh động bạo ngược, tham vọng hận thù; không có lòng nhơn ái, không có tình thương yêu đồng loại, không tôn trọng sự sống và quyền sống giữa đồng loại với nhau.

Nhìn thảm họa, nổi thống khổ mà con người phải chịu đựng, chiêm nghiệm thực trạng, chúng ta nhận thức rõ ràng lời Phật dạy, giáo pháp Ngài thuyết minh, và giá trị tuyệt đối của con đường giải thoát mà đức Phật là vị đạo sư mở đường hướng dẫn muôn loài vượt qua đêm dài tăm tối, nỗi khổ đau do ba độc tố tham lam, sân hận, si mê gây nên.

Trong hoàn cảnh hiểm nguy, họa hoạn mà nhơn loại phải gánh chịu ngày càng chồng chất, mỗi người trong chúng ta hãy nên mở rộng lòng thương yêu, từ bỏ hận thù, từ bỏ tham vọng, hướng vào nội tâm và nhơn cách, hướng đến nền nhơn bản; hay nói theo thuật ngữ Phật học là mỗi người trong chúng ta hãy cố gắng sống bằng tâm niệm từ bi hỉ xả và tinh thần thiếu dục tri túc, trau dồi huệ giác, làm lợi ích cho người và vật. Đây là con đường duy nhất để tự cứu lấy mình và giúp người thoát khỏi hiểm họa khôn cùng, thoát khỏi sự đắm chìm trong biển nghiệp như lời dạy của đức Phật.

Trong giờ phút trang nghiêm long trọng cử hành đại lễ khánh đản hôm nay, toàn thể pháp chúng dành một phút thành kính tưởng niệm đức cố Tông trưởng, Tổ Sư Khai Sơn Phước Huệ Sơn Môn Học Phái và Khai Tổ Phật giáo Việt nam Úc đại lợi & Tân tây lan, Thượng nhơn thượng Phước hạ Huệ Trưởng lão Hòa thượng Đại sư; đồng thời nhứt tâm cầu nguyện chư tiên linh đã bỏ mình vì những nỗi bất hạnh, sớm được tiêu diêu tự tại và người hiện tiền, an cư lạc nghiệp.

Kính nguyện đức Bổn sư Thế tôn thù từ gia hộ chư tôn đức và toàn thể liệt vị vô lượng kiết tường,

Trân trọng – Trân trọng,

Phước Huệ Sơn Môn Học Phái
Tông trưởng
Hòa thượng Thích Phước Bôn



ĐỨC

PHẬT

*dưới cái nhìn của các
nhà trí thức Đông Tây*

Dù nhìn Đức Phật dưới bất cứ góc độ nào, ai cũng phải thừa nhận đức Phật là một con người hoàn toàn giác ngộ. Bởi, ngay tên gọi của Ngài đã nói lên điều đó. Theo tiếng Phạn tên gọi của Ngài là Buddha. Người Trung Hoa phiên âm là Phật Đà. Chữ Bud có nghĩa là tỉnh thức hay giác ngộ. Chữ Dha có nghĩa là người. Nghĩa là con người giác ngộ hay tỉnh thức. Như vậy, danh từ Phật là để chỉ chung cho những ai đã đạt được trình độ giác ngộ giải thoát hoàn toàn, đều gọi vị đó là Phật. Đứng về Phật nhân thì ai cũng sẵn có tánh Phật. Vì có tánh Phật nên tu hành mới thành Phật. Cũng như vì có gạo nên nấu mới thành cơm. Thế thì chánh nhân Phật tánh mọi loài đều sẵn có, nhưng cần phải tu (duyên nhân) thì mới có thể chứng đắc (liễu nhân Phật tánh). Đó là một quá trình tu tập mà đòi hỏi hành giả cần phải chuyên tâm nỗ lực tinh cần mới có được.

Để có một cái nhìn toàn diện qua cuộc đời đức Phật, sau đây chúng tôi xin được trích dẫn một vài nhà trí thức tiêu biểu có những nhận xét sâu sắc về đức Phật. Trong cuốn Đức Phật và Phật Pháp, có đoạn Đại Đức Narada viết nguyên tác bằng tiếng Anh và ông Phạm Kim Khánh chuyển sang Việt ngữ: "Sanh ra là một con người, sống như một con người. Đức Phật thành đạt trạng thái tối thượng của sự toàn thiện, đạo quả Phật, do sự kiên trì nỗ lực cá nhân. Nhưng Ngài không dành giữ sự liễu ngộ siêu phàm cho riêng mình mà công bố trước thế gian rằng tâm có khả năng và oai lực bất khuất. Không khi nào tự hào rằng chỉ có Ngài là người duy nhất đắc quả Phật, vì đạo quả Phật không phải là ơn huệ đặc biệt dành riêng cho một cá nhân tốt phước nào đã được chọn trước. Thay vì đặt trên con người một thần linh vạn năng vô hình và cho con người một địa vị khép nép rụt rè. Ngài chứng minh rằng con

người có thể thành đạt trí tuệ cao siêu và đạo quả tối thượng, do sự cố gắng của chính mình. Và như vậy, đức Phật nâng cao phẩm giá con người. Ngài dạy rằng muốn thoát ra vòng trầm luân khổ não chính ta phải tự mình gia công cố gắng chứ không phải phục tùng tùy thuộc nơi một thần linh hay một nhơn vật nào làm trung gian giữa ta và vị thần linh ấy. Trong thế gian ngã chấp, lấy mình làm trung tâm của vũ trụ và chạy theo quyền thế, đức Phật dạy chúng ta lý tưởng cao quý của sự phục vụ bất cầu lợi. Ngài chống đối tệ đoan phân chia giai cấp trong xã hội - chỉ làm trở ngại sự tiến hóa của loài người và luôn luôn bênh vực công lý, khuyến dạy bình đẳng giữa người và người. Ngài tuyên bố rằng cánh cửa thành công và thanh vượng phải rộng mở cho tất cả mọi người, ai cũng như ai, dẫu cao thấp sang hèn đạo đức hay tội lỗi, nếu người ấy cố công cải thiện nếp sống, hướng về con đường trong sạch".

Đối với nữ giới đương thời, lúc nào Ngài cũng quan tâm nâng đỡ, vì họ luôn bị xã hội ghét bỏ khinh thường. Không những nâng cao đời sống phẩm giá đức hạnh của người phụ nữ lên tầm quan trọng, mà Ngài còn sáng lập Giáo hội đầu tiên trong lịch sử cho hàng phụ nữ. Ngài đã thu nhận cho phái nữ được phép xuất gia trong giáo đoàn. Đối với hạng cùng đinh nô lệ, những người hạ tiện thấp kém nhút trong xã hội, cũng đã được Ngài nâng đỡ và cực lực phản đối phá vỡ chế độ nô lệ.

Với tinh thần từ bi, vị tha, bình đẳng mà Đức Phật luôn chủ trương và đề cao trong khi hoằng hóa. Đồng thời Ngài cũng đã phá việc cúng tế thần linh, Để hiểu rõ hơn về tinh thần bình đẳng hóa độ này, Đại Đức Narada đã Viết: "Không bao giờ đức Phật cưỡng bách tín đồ phải làm nô lệ cho giáo lý Ngài hay cho chính Ngài. Những ai bước theo dấu chơn

Ngài đều được tự do tư tưởng. Ngài khuyên dạy hàng môn đệ không nên nhắm mắt chấp nhận những lời của Ngài vì kính nể tôn trọng, nhưng phải xem xét, nghiên cứu, suy niệm cẩn thận cũng như người trí tuệ muốn thử vàng phách "đốt", cắt và chà vào đá.

Đức Phật nâng đỡ những bà mẹ bạc phước như Patacara và Kisagotami bằng những lời khuyên lớn an ủi. Đức Phật tự tay chăm sóc những người bệnh hoạn cô đơn như Putigatta Tissa Thera. Đức Phật giúp đỡ người nghèo đói và bị bỏ rơi không nơi nương tựa như Rajjuna và Sopaka và cứu những vị này khỏi chết oan thê thảm. Đức Phật nâng cao đời sống đạo đức của hạng tội lỗi sát nhơn như Angulimala và hạng giang hồ như Ambapali. Ngài khuyến khích kẻ yếu, đoàn kết người chia rẽ, đem ánh sáng đến cho người vô minh tăm tối, dẫn dắt kẻ mê muội lầm đường, nâng đỡ người thấp kém và nâng cao phẩm giá người cao quý, người nghèo, người giàu, người lương thiện và người tội lỗi, tất cả đều quý mến Ngài như nhau. Những bậc vua chúa tàn bạo độc tài và những vị minh quân chánh trực, những hoàng tử vinh quang hiển hách và những người sống cuộc đời tối tăm, không ai biết đến, những nhà triệu phú giàu lòng quảng đại, và những vị keo kiệt bòn sẻn, những học giả khiêm tốn, và những người kiêu căng tự đắc, hạng gái giang hồ, hạng người làm nghề bán thịt, hạng sát nhơn, hạng người thường bị khinh bỉ, tất cả đều có hưởng những lời khuyên đầy trí tuệ và từ bi của Đức Phật. gương lành cao quý của Ngài là nguồn gợi cảm, là niềm khích lệ cho tất cả. Ngài là vị Đạo Sư giàu lòng bi mẫn và rộng lượng khoan dung hơn tất cả.

Ý chí sắt đá, trí tuệ cao siêu, lòng bi mẫn vô biên, đức vị tha phục vụ thoát ly chưa từng có, đời sống gương mẫu, những phương pháp toàn thiện mà Ngài đã áp dụng để truyền bá giáo lý, và sự thành công tối hậu của Ngài - tất cả những yếu tố ấy đã khiến một phần năm nhơn loại tôn kính thờ Ngài là vị giáo chủ siêu việt nhất tự cổ chí kim".

Để tỏ lòng tôn kính thâm cao của mình đối với Đức Phật, Sri Radhakrishnan viết: "Nơi đức Phật Cổ Đàm ta nhận thấy một tinh hoa toàn

thiện của người phương Đông. Ảnh hưởng Ngài trong tư tưởng và đời sống nhơn loại là một kỳ công hy hữu, cho đến nay không thua kém ảnh hưởng của bất cứ vị giáo chủ nào trong lịch sử. Mọi người đều sùng kính tôn Ngài là người đã dựng nên một hệ thống tôn giáo vô cùng thâm cao huyền diệu. Ngài thuộc về lịch sử tư tưởng thế giới. Ngài là kết tinh của người thiện trí, bởi vì, đứng về phương diện tri thức thuần túy, đạo đức trang nghiêm và tinh thần minh mẫn, chắc chắn là một trong những bậc vĩ nhân cao thượng nhất của lịch sử."

Trong quyển Three Greatest Men in History nhà học giả H.G Wells ghi nhận như sau:

"Nơi đức Phật ta thấy rõ ràng là một con người giản dị, có tâm đạo nhiệt thành, một mình tự lực phát huy ánh sáng tươi đẹp, một nhơn vật sống, một con người như mọi người chứ không phải một nhơn vật thần thoại ẩn hiện trong nhiều truyền thuyết hoang đường. Ngài cũng ban bố cho nhơn loại lời kêu gọi có tánh cách phổ thông. Bao nhiêu quan niệm của thế hệ tân thời đều tương hợp với giáo lý ấy. Đức Phật dạy rằng tất cả những gian lao sầu khổ và bất hạnh trong đời đều do lòng ích kỷ sanh ra. Trước khi có thể trở nên vắng lặng con người cần phải ngừng sống cho giác quan mình, nghĩa là cho chính mình. Rồi từ đó vượt lên trên tất cả mọi người. Ngài sống cuộc đời siêu nhơn. Năm trăm năm trước Chúa Kitô xuyên qua nhiều ngôn ngữ khác nhau, Phật giáo đã kêu gọi con người nên tự quên. Đứng về một vài phương diện giữa ta (là người Âu) và những nhu cầu của chúng ta và Phật giáo có nhiều quan điểm gần nhau. Đối với tầm quan trọng của con người trong sự phục vụ, Ngài tỏ ra sáng suốt hơn và đối với vấn đề trường tồn bất hoại của kiếp nhơn sinh, Ngài ít lúng túng trong biện thuyết mập mờ hơn Chúa Kitô".

Nhà thi sĩ Tagore tôn Ngài là bậc vĩ nhân cao quý nhất trên thế gian.

Một triết gia người Đan Mạch, ông Fausboll tán dương Đức Phật với những lời lẽ ngắn gọn súc tích như sau: "Càng hiểu biết Ngài tôi càng quý mến Ngài".

Khi đối chiếu so sánh giữa Phật học và khoa học, ông Egerton C. Baptist đã chọn thành phát biểu: *"Khoa học không thể đưa ra sự đoán quyết, nhưng Phật giáo có thể đương đầu với sự thách thức của Nguyên tử nên kiến thức siêu phàm của Phật giáo bắt đầu là chỗ kết thúc của khoa học. Như vậy đủ rõ ràng cho biết bất cứ ai nghiên cứu Phật giáo. Vì vậy, qua Thiền Định Phật giáo, những phần tử cấu tạo nguyên tử bỏ khuyết cho vấn đề đã được nhìn và cảm thấy, và sự phiền muộn, hay bất toại nguyện (hay Dukkha - khổ) hiện ra hay mất đi (tùy theo nguyên nhân) do chính chúng tạo ra với cái mà chúng ta gọi là "linh hồn" hay "atma" ảo tưởng của Sakkayaditthi nói đến trong giáo lý của Đức Phật"* (trích trong quyển Phật Giáo Dưới Mắt Các Nhà Trí Thức - Tỳ Kheo Thích Tâm Quang dịch - xuất bản 1997).

Blaise Pascal (1623 - 1662) nhà Toán học, Vật lý và Triết gia Pháp, ông là một thần đồng về toán học đã phát biểu: *"Con người vĩ đại hơn sức mạnh mù quáng của thiên nhiên vì lẽ cả đến khi nghĩ rằng con người bị hủy diệt bởi những sức mạnh ấy, con người vẫn giữ được cao cả hơn bằng sự hiểu biết các sức mạnh ấy. Lại nữa, Phật giáo mang sự thật xa hơn nữa: Phật giáo cho thấy bằng phương thức hiểu biết, con người cũng có thể kiểm soát được mọi trạng huống của mình. Con người có thể ngưng, thoát khỏi bị nghiền nát bởi sức mạnh thiên nhiên và sử dụng những luật của sức mạnh thiên nhiên để tự mình đứng lên chống đỡ"*.

Khi nêu ra vấn đề độ lượng - hòa bình và tình thương để đạt được hòa bình, vị thủ tướng đầu tiên Ấn Độ là ông Nehru đã không ngần ngại phát biểu: *"Câu hỏi tự nó nêu lên là thông điệp vĩ đại của Đức Phật có thể áp dụng được bao xa trên thế giới ngày nay? Có lẽ có thể áp dụng được, có lẽ cũng không thể áp dụng được; nhưng nếu chúng ta theo đúng những nguyên tắc do Đức Phật đề ra, tối hậu chúng ta sẽ đạt được hòa bình và an lạc cho thế giới"*.

Khi đề cập đến sức mạnh vô song phi thường của trí tuệ, một thứ trí tuệ siêu việt có công năng phá tan tất cả mọi vọng chấp vô minh,

giáo sư Bapat đã nêu rõ nhận định của mình trong quyển "2500 năm của Phật Giáo" như sau: *"Chưa có một trang lịch sử nào của Phật giáo bị xóa nhòa bởi ánh sáng của ngọn lửa tôn giáo hay bị bôi đen bởi làn khói dị giáo hay các nơi thị tứ vô tín ngưỡng nóng bỏng, hay bị nhuộm đỏ với máu của các nạn nhân vô tội vì hận thù tôn giáo. Phật giáo chỉ dùng một thanh gươm, đó là gươm Trí Tuệ, và chỉ thừa nhận một kẻ thù - đó là Vô Minh. Đó là chứng tích của lịch sử không thể chối cãi được"*.

Nếu phải trích dẫn những quan điểm, những nhận định về Đức Phật và Phật giáo của các nhà trí thức Đông Tây kim cổ, thì có lẽ ghi cả một quyển sách dày cũng không đủ. Nhân mùa Phật đản lần thứ 2642, đề dâng lên những tư tưởng thành kính cúng dường đức Thế Tôn của những nhà trí thức Đông Tây xưa nay, thiết nghĩ ngàn ấy cũng tạm đủ cho chúng ta một kết luận khiêm tốn rằng: "Đức Phật quả là một tấm gương sáng chói qua nhiều phương diện, thật đáng cho cả nhơn loại quý kính noi theo. Ngài là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành. Nếu chúng sanh đi đúng theo lộ trình chỉ dẫn của Ngài đã vạch sẵn, thì chắc chắn tất cả sẽ đạt được mục đích tối hậu như Ngài.

Thanh Trì



*N*gày Phật đản trở về trên đất Úc,
Phật giáo đồ tổ chức kỷ niệm Ngài.

*Con chí thành tưởng niệm đức Như - lai,
Cầu xin Phật cứu muôn loài khổ khổ.
Ngài là đấng cha lành của muôn thuở,
Hiện vào đời tế độ các chúng sanh.
Phá bỏ đi mọi giai cấp đấu tranh,
Khiến nhân loại sống an lành bình đẳng.
Trong cuộc sống dù gặp nhiều cay đắng,
Nhưng đã không mất hẳn chí kiên cường.
Lòng từ-bi trải khắp muôn phương,
Luôn xoa dịu những vết thương xã hội.
Kính lạy Phật con gây nhiều lầm lỗi,
Đã bao đời chìm nổi chẳng được yên.
Suốt đêm ngày chất chứa những nỗi phiền,
Cứ tham đắm tình tiền và danh lợi.
Ngày hôm nay con thành tâm sám hối,
Cầu xin Ngài chỉ lối dẫn đường con.
Kể từ đây bao nghiệp chướng không còn,
Con xin nguyện làm tròn lời Phật dạy.
Gặp những gì dù tai nghe mắt thấy,
Nhưng lòng con chẳng lấy đó phiền chi.
Nguyện từ đây dứt bỏ tham, sân si,
Buông tất cả những gì đang vướng mắc.
Sống tự tại không vương mang vật chất,*

Nguyện cầu ngày Phật Đản



*Lòng an nhiên như nhật nguyệt hư không.
Hoàn cảnh nào cũng chẳng chút bận lòng,
Đem ân nghĩa xóa đi vòng thù hận.
Đời vô thường chẳng tham cầu danh vọng,
Thân giả này cuộc sống được bao lâu?
Mỗi người đều có Phật tánh như nhau,
Không phân biệt da màu hay chủng tộc.
Con xin nguyện trọn đời theo đức Phật,
Cứu giúp người và vật được bình yên.
Gặp những người đói khát con cho,
Thấy kẻ bệnh con liền đem thuốc chữa.
Gặp chùa tháp hư hao con tu sửa,
Giúp tăng, ni mỗi bữa ẩm no.
Gặp cô nhi, già yếu chẳng ai lo,
Con cố gắng giúp cho họ hạnh phúc.
Công việc làm mỗi ngày tuy khổ cực,
Nhưng lòng con cảm thấy rất là vui.*

Đồng Minh

Ai Bảo

*Ai bảo rằng trời không có nắng
Khi đông về mây đen vần vũ
Nào biến dạng thái dương vẫn hồng
Trên trời xanh muôn đời hiện hữu.*

*Ai bảo rằng rừng khô cây chết
Vì thiên tai hạn hán nhiều năm
Đất vẫn bao dung cây ôi rể
Chờ mưa về tưới tắm phục sinh.*

*Ai bảo rằng người nay đã mất
Là vĩnh viễn rời khỏi trần gian
Tâm huyết một đời lưu hậu thế
Anh linh bằng bạc khắp không gian.*

*Ai bảo rằng nhân bản không còn
Cảnh khổ cùng sanh tồn cạnh tranh
Hát mãi ước mơ niềm hy vọng
Giữa bùn đen sen nở sáng ngời.*

*Ai bảo rằng ta bà uest độ
Chỉ cực lạc tịnh độ trang nghiêm
Uế tịnh phân biệt do ý niệm
Lìa ý niệm tự tại thanh thoi.*

Trí Lạc



Ý Nghĩa Ngày Phật Đản

Thiền sư Thích Nhất Hạnh

Có những nước Á Châu như nước Srilanka, vào ngày Phật Đản không có ai bị đói bụng hết. Tại vì nhà nào cũng để mâm cơm ở trước cửa và bất cứ ai đói bụng cũng đều được mời ăn cơm đó. Trong ngày Phật Đản không có ai bị đói vì nhà nào cũng cúng dường cơm, chùa nào cũng cúng dường cơm. Đây là một truyền thống có từ mấy ngàn năm trước, từ thời Đức Thế Tôn.

Tại thành phố Huế ở Việt Nam, vào ngày Phật Đản không ai giết một con gà, một con vịt. Ngày đó tất cả mọi người đều ăn chay, khi ra chợ những người bán hàng cũng chỉ bán đồ chay thôi. Đó là một ngày không sát sinh. Trong ngày Phật Đản và từ trước đó, nhiều người đã thả chim, thả cá tạo niềm vui và hiến dâng sự sống cho nhiều loài hữu tình. Đó là cách thực tập từ bi để báo ơn Bụt. Ngày này, chúng ta thực tập từ bi bằng nhiều cách: Không sát sinh mà lại phóng sinh, không trừng phạt mà lại tha thứ. Ngày Phật Đản là một cơ hội để cho các nhà cầm quyền có cơ hội phóng thích tù nhân.

Có một người sinh cách đây 2600 năm mà cách sống của người ấy vẫn còn ảnh hưởng sâu đậm trong xã hội loài người, người đó phải có một nhân cách rất vĩ đại. Chính vì vậy cho nên chúng ta xưng tụng người đó là Đức Từ Bi. Những người Phật tử sống ở châu Âu và châu Mỹ đã chấp nhận ngày Giáng Sinh là một ngày lễ của người Phật tử. Đối với người Phật tử thì không khó khăn gì để chấp nhận đức Kitô là một vị Bồ Tát. Vì vậy người Phật tử sẵn sàng để ăn Noel. Thay vì giết một con gà lôi (gà tây) để ăn Noel thì người Phật tử ở phương

Tây lại ăn chay để khỏi phải sát sinh. Nếu người Phật tử cứ thực tập như vậy một hồi thì ở châu Âu và châu Mỹ người ta sẽ chuyển hướng, họ cũng sẽ không giết một con gà lôi mỗi khi ngày Giáng Sinh tới.

Ở Việt Nam, ngày này Phật tử làm lễ đài rất lớn, có những xe hoa được trang hoàng công phu. Nhưng phải làm sao để đừng bị tốn kém, đừng phung phí, vì thiếu dục vốn là một truyền thống của Phật giáo. So với lễ Noel thì lễ Phật Đản ít tốn kém hơn nhiều. Nếu quý vị Phật tử ở các nước châu Âu, châu Mỹ mà làm lễ Noel cho đảng hoàng theo tinh thần Phật Đản thì sẽ gieo được những hạt giống tốt. Các thân hữu Kitô sau này cũng sẽ chịu ảnh hưởng và sẽ tôn trọng sinh mạng của các loài cầm thú và cỏ cây.

Chúng ta là những người con Bụt, đã quy y, tức là đã quay về nương tựa Bụt. Nhưng từ nhỏ tới lớn chúng ta đã có nhiều quan niệm về Bụt khác nhau, cái quan niệm về Bụt của chúng ta cứ thay đổi hoài. Khi còn là một em bé, quan niệm về Bụt của chúng ta khác. Lớn lên, tìm hiểu, đọc sách về Bụt thì quan niệm của chúng ta về Ngài lại khác hơn. Theo năm tháng, ý niệm của chúng ta về Bụt ngày một thay đổi. Nếu tu tập tinh tấn thì tới một ngày nào đó chúng ta có một ý niệm về Bụt rất gần với sự thật. Ví dụ mình tu hành sáu mươi năm, hay sáu mươi lăm năm thì mình có thể trải qua bảy mươi hay tám mươi cái quan niệm về Bụt. Nhưng nhờ sự tu chứng, mình sẽ đi qua một cái ý niệm về Bụt sát với sự thật hơn. Nếu mình có một quan niệm về Bụt thì có thể quan niệm đó chưa gần với sự thật lắm đâu. Chúng

ta phải sẵn sàng để buông bỏ cái ý niệm đó đi. Trong cơ đốc giáo cũng như Phật giáo, người ta nghĩ đến đức Kitô hay đức Thích Ca với những tư liệu mà người ta có được trong Thánh Kinh và trong Kinh Bụt, rồi dựa vào những tư liệu đó mỗi người có một ý niệm về Chúa hay về Bụt cho riêng mình.

Cái đó cũng đúng thôi, nếu chúng ta thực tập cho sâu sắc thì chúng ta biết rằng Bụt cũng vô thường mà Chúa cũng vô thường. Vô thường đây không có nghĩa là sau khi chết không còn nữa, vô thường đây có nghĩa là sau khi chết thì vẫn tiếp tục, nhưng tiếp tục dưới hình thức khác. Cho nên đi tìm Chúa, đi tìm Bụt là trách vụ của người tu học. Mà tìm Bụt ở đâu? Tìm Chúa ở đâu? Bụt và Chúa có phải là những thực tại nằm ngoài chúng ta không? Đó là vấn đề cần phải đặt ra.

Chúng ta có một hình ảnh về đức Thích Ca qua những tư liệu mà chúng ta thu nhập được từ kinh điển. Đó là hình ảnh một vị thái tử thành Ca Tỳ La Vệ, lớn lên trong nhung lụa, tới khi trưởng thành thì bỏ nhà đi xuất gia, tu khổ hạnh, sau đó thành đạo và đi thuyết pháp bốn mươi chín năm. Đó là hình ảnh về đức Thích Ca của chúng ta. Khi tạc tượng hay vẽ hình thì chúng ta căn cứ trên dữ liệu đó. Ta phải biết rằng đó chỉ là hình ảnh đầu của đức Thích Ca mà thôi, sau khi ngài nhập diệt thì hình ảnh đó trở nên khác. Cho nên mình phải thực tập như thế nào để đừng bị dính mắc vào hình ảnh của Bụt mà mình đã tạo dựng ra từ những tư liệu mà mình đã sử dụng trong kinh điển.

Ban đầu thì đó là sự thật, chúng ta cần có một hình ảnh, và những hình ảnh đó mình tìm thấy được trong kinh điển. Chúng ta cần cái hình ảnh, nhưng nếu chúng ta bị vướng mắc vào cái hình ảnh đó và nghĩ rằng Bụt bây giờ cũng vẫn như xưa thì chúng ta sai lầm. Nếu cứ tưởng rằng Bụt bây giờ vẫn giống như Bụt của hai ngàn sáu trăm năm trước. Rằng sau khi chết tướng của Ngài không thay đổi, Ngài vẫn đang ở đâu đó trên trời hay dưới biển thì chúng ta lầm to. Chúng ta bị rơi vào một cái kiến chấp gọi là thường kiến. Còn nếu nói rằng: Sau khi chết Bụt không còn nữa thì đó là rơi vào đoạn kiến. Mà rơi vào đoạn kiến hay thường kiến thì

cũng đều sai lầm cả.

Vậy thì chúng ta phải đi tìm Bụt như thế nào để thấy được Bụt, để tiếp xúc được với Bụt như là một thực tại mà không phải là một ý niệm. Nếu quý vị tới từ truyền thống Cơ Đốc Giáo thì quý vị cũng biết như vậy. Nếu mình đi tìm Bụt như thế nào thì mình cũng đi tìm Chúa như thế. Nếu mình kẹt vào ý niệm thường thì mình không tìm được Bụt được Chúa, mình kẹt vào ý niệm đoạn thì mình cũng không tìm thấy Chúa, thấy Bụt. Cái ý niệm đó nó giam hãm mình.

Trong cuốn Sám Pháp Địa Xúc, đoạn đầu chúng ta quán Bụt như một vị thái tử, có vợ, có con rồi đi xuất gia và thành đạo. Nhưng phần tiếp theo của cuốn sách, chúng ta đã đi khá hơn, chúng ta đã thấy được sự tiếp nối của Bụt sau khi thành đạo. Thấy được hình ảnh giáo đoàn của Ngài, và sau nữa thấy được hình ảnh của Bụt khi Ngài già yếu. Đó chính là một phương pháp hành trì gọi là quán Bụt, tức là nhìn sâu để thấy được Bụt. Ban đầu thì mình có thể nương vào những hình ảnh của Bụt mà mình có được từ những tư liệu trong kinh điển. Nhưng sau đó mình phải đi xa hơn. Mình phải thấy cái hình ảnh ban đầu đó nó vô thường, và mình phải tìm thấy sự tiếp nối của Bụt một cách rõ ràng, chắc chắn mà đừng nương vào những tưởng tượng.

Bụt là một con người mà không phải là một vị thần linh

Đọc kinh điển chúng ta thấy rất rõ Bụt là một con người mà không phải là một vị thần linh. Nếu chúng ta nghĩ Bụt là một vị thần linh không hề thay đổi thì chúng ta lạc vào tà kiến. Chúng ta biết rằng không phải khi hình hài của chúng ta tan rã thì chúng ta mới bắt đầu tiếp tục mà chúng ta tiếp tục ngay trong khi hình hài này còn nguyên vẹn chưa bị tan rã.

Tại Làng Mai chúng ta đã từng nghe nhiều lần câu nói: “trong từng giây phút của đời sống hằng ngày, chúng ta chế tác những tư duy, những ngôn ngữ, những hành động”. Không có giây phút nào mà chúng ta không chế tác những tư duy, những ngôn ngữ, những hành động. Những tư duy, ngôn ngữ hành động đó

mang chữ ký của chúng ta, đó là ba nghiệp. Đó là sự nối tiếp rất đích thực, rất cụ thể của mỗi chúng ta.

Bụt cũng vậy, Bụt cũng có sự tiếp nối bằng những tư duy, ngôn ngữ và hành động của Ngài. Đọc trong kinh chúng ta thấy được những tư duy của Bụt. Những tư duy của Ngài được ghi chép lại, được diễn tả bằng một cái cách nào đó, một ngôn ngữ nào đó. Nếu chúng ta thông minh một chút, chúng ta không bị mắc kẹt thì chúng ta có thể tiếp xúc được với cái tư duy của Bụt. Những tư duy của Bụt được gọi là Chánh Tư Duy. Tức là những tư duy đi theo Chánh Kiến. Chánh Kiến là tuệ giác về vô thường, vô ngã, tương tức, bất sinh bất diệt, vô khứ vô lai. Có những tư tưởng ghi chép trong kinh có thể chưa phản chiếu được cái tuệ giác thâm sâu đó (tuệ giác vô thường, vô ngã, vô khứ, vô lai, vô sinh bất diệt). Nhưng nó cũng có thể là những tư duy của Bụt tại vì tư duy cũng có nhiều cấp bậc. Có những người chưa thể đi sâu vào sự quán chiếu thì cần cái tư duy đơn giản hơn để bám víu vào mà đi tới.

Ví dụ khi chúng ta niệm Bụt thì Đức Thế Tôn là thầy của chúng ta. Là bậc đã qua tới một cách nhiệm mầu; là bậc đã hiểu thấu thế gian; là bậc nhân sĩ cao tột có khả năng điều phục con người; là bậc thầy của cả hai giới thiên và nhân; là bậc tỉnh thức toàn vẹn; là bậc đáng tôn sùng và quý trọng nhất trên đời. Đó là những quan niệm về Bụt. Đó là những đức tính của Bụt, là những danh hiệu mà người ta nói về Ngài. Nhưng nếu ta quan niệm về Bụt như vậy thì Bụt trở thành một cái ngã, một thực tại nằm ngoài ta và ta phải cầu nguyện vì ta không có những cái đó. Như thế thì chúng ta chưa đi sâu lắm. Đó chưa phải là tư duy đi đôi với tuệ giác vô thường, vô ngã và tương tức.

Trong khi chúng ta chấp tay lại quán tưởng thì chúng ta nói rằng: “Bụt ơi! Con biết rằng Ngài và con là hai thực tại, nhưng không phải riêng biệt. Con thấy rõ ràng là Ngài có trong con và con cũng có trong Ngài. Tại vì Ngài và con đều có tính cách tương tức, cho nên sự cảm thông giữa con với Ngài trở thành sâu sắc. Đó là một phép quán tưởng trước khi lạy để mình

có thể tiếp xúc được với tự thân của Bụt chứ không phải với cái ý niệm về Bụt. “Năng lễ sở lễ tính không tịch” tức là chủ thể lạy (mình) và đối tượng lạy (Bụt) bản chất đều là không. Không tức là không có một cái ngã riêng biệt mà cái này có trong cái kia, cái kia có trong cái này. Bụt có trong ta và ta có trong Bụt. Lễ Bụt như vậy sẽ đánh tan được cái ý niệm Bụt là một thực tại riêng biệt nằm ngoài mình và mình phải đi cầu xin, tìm kiếm.

Các bạn theo truyền thống Cơ Đốc Giáo cũng có thể cầu nguyện với Chúa Giêsu như vậy. Nếu các bạn thấy Chúa như là một thực tại hoàn toàn khác biệt nằm bên ngoài mình thì các bạn không tiếp xúc được với thực tại hiện tiền. Hôm trước có một vị linh mục Công Giáo đặt câu hỏi như sau:

"Tại sao trong đạo Bụt không thiết lập một biểu tượng ở ngoài mình để cầu nguyện? Cầu nguyện như vậy mới có ý nghĩa chứ."

Vị linh mục ấy đã hỏi tôi như vậy. Ý ông ta là cầu nguyện thì phải có đối tượng. Cầu nguyện phải là cầu nguyện với ai. Tôi đã trả lời rằng: Mình có thể nói chuyện với em bé 5 tuổi ở trong mình hay không? Em bé 5 tuổi cũng là mình, em bé 5 tuổi bị thương rất nặng, nhưng vì mình bận rộn quá nên không có thời gian đoái hoài tới. Bây giờ mình đã biết quay trở về để nhận diện em bé 5 tuổi trong mình. Khi mình muốn nói chuyện với em bé thì liền nói chuyện được ngay chứ sao không. Em bé đó với mình là một hay hai? Mình có thể so sánh bức ảnh của mình khi lên năm và một bức ảnh mới nhất của mình trong hiện tại và hỏi : em bé năm tuổi là tôi ấy với tôi đã trưởng thành là một hay là hai ? Theo tuệ giác của đạo Bụt thì hai con người ấy không phải một cũng không phải hai. Em bé nhỏ xíu đó không giống mình bây giờ. Em bé đó với mình không phải là một (vì không giống nhau), nhưng mà cũng không phải là hai (vì mình là sự tiếp nối của em bé). Mình có thể nói chuyện với em bé rằng: “Em bé ơi tôi biết là em bé đang còn đó, em bé đã từng bị thương tích, đã từng bị khổ đau, em bé cần tới tôi, em bé cần sự nuôi dưỡng và trị liệu. Nhưng mà tôi bận rộn quá, tôi ít có thì giờ trở về với em bé, nói chuyện với em bé.” Đó là nói chuyện, đó là một sự cầu nguyện. Em bé

đó không cần phải là một thực tại ngoài ta. Cho nên sự cầu nguyện là như vậy.

Khi cầu nguyện Bụt hay Chúa cũng vậy. Ta không hẳn phải có một đấng hoàn toàn ở ngoài ta thì mới cầu nguyện được. Vì vậy cho nên trong đạo Bụt mỗi khi mình chắp tay lạy Bụt thì phải cẩn thận. Đừng có coi Bụt là một vị thần linh có ở ngoài mình. Câu quán tưởng “năng lễ sở lễ tánh không tịch” rất là hay. Người lạy và người được lạy đều có tính cách tương tức, người này có trong người kia vì vậy cho nên sự cảm thông mới có thể có được và có một cách sâu sắc. Lạy Bụt như vậy không phải là một cái sự cầu xin, không phải là một quy lụy. Lạy Bụt như vậy là để tiếp xúc với Bụt, mà Bụt này không phải là một thực tại nằm ở ngoài mình, Bụt này cũng chính là mình.

Mỗi khi ta chế tác được một chánh tư duy, một tư tưởng mà biểu lộ được tuệ giác vô thường, vô ngã, từ bi, trí tuệ và tương tức thì ta là Bụt. Khi ta chế tác một tư tưởng hận thù, kỳ thị, hay ganh tỵ thì ta không phải là Bụt. Khi ta nói ra được lời nói có yêu thương, có tha thứ, gây được niềm tin cho người thì ta là Bụt. Khi ta nói một câu dữ dằn, ác độc, chua cay thì ta không phải là Bụt. Tại vì Bụt cũng ở trong ta mà ma cũng ở trong ta. Và sự thực tập là làm thế nào để ta có nhiều cơ hội chế tác ra chánh tư duy. Những tư duy có từ bi, có hiểu biết, có thương yêu mà không có kỳ thị, ganh tỵ; Làm sao để mỗi giây phút ta nói ra được lời thương yêu; làm sao để mỗi giây phút có được một hành động chăm sóc, bảo vệ thì mình là Bụt rồi, đi kiếm Bụt đâu nữa! Cho nên tổ Lâm Tế mới nói: “Phật và Bồ Tát hử? Phật và Bồ Tát là ai? Là các vị đây chứ ai, các vị đang ngồi đây nghe pháp chứ ai”. Khi ta chế tác ra được một chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp tức là mình đã là Bụt rồi tại sao phải đi tìm đâu xa xôi. Vì vậy cho nên Bụt tại tâm là rất đúng.

Ta thấy rõ ràng là ta tìm thấy Bụt ngay trong tự tâm của mình, mà ta cũng tìm thấy Bụt ở trong tạng thân của mình. Tạng thân của mình là gì? Tạng thân là một đoàn thể đang thực tập để có thể chế tác được chánh tư duy, chánh ngữ và chánh nghiệp. Tạng thân của ta có thể

không hoàn hảo, nó còn có lên xuống, còn khổ đau, còn hờn giận... Nhưng tất cả mọi người trong tạng thân đều có ý chí muốn tu học. Cho nên người nào tu giỏi thì có thể mỗi ngày chế tác ra được nhiều chánh tư duy, nhiều chánh ngữ và nhiều chánh nghiệp. Thì người ấy đang đại diện cho Bụt, đang tiếp nối Bụt, đang cống hiến chất Bụt cho tất cả những người khác trong tạng thân. Đó là Bụt. Những người xuất sĩ nam hay xuất sĩ nữ, những người tại gia nam hay tại gia nữ. Người nào mà thực tập chánh niệm hay chánh định; người nào mà nhìn sâu để có một cái thấy biểu lộ được tính vô thường, vô ngã, tương tức, không kỳ thị và chế tác được những tư duy có chất từ, chất bi, chất hỷ, chất xả thì người đó là một sự tiếp nối của Bụt. Bụt không ở đâu xa, Bụt rất rõ ràng và cụ thể và mình có thể tiếp xúc với Bụt bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu. Mỗi khi có những khó khăn, những buồn khổ kéo tới thì mình nói: “Bụt ơi! Con biết Ngài có đó, con muốn tiếp xúc với Ngài để cho con khỏe nhé”.

Với phương pháp theo dõi hơi thở và bước chân, ta ôm ấp được những nỗi khổ niềm đau của chính mình. Bụt cũng vậy, khi nào có những nỗi khổ niềm đau thì Ngài biết trở về với hơi thở. Và hơi thở đó giúp cho Bụt ôm ấp và lìa bỏ được những nỗi khổ niềm đau của mình.

Quý vị cũng vậy, mỗi khi quý vị có một sự bất an trong lòng, có một chướng ngại làm cho mình không có hạnh phúc thì cách hay nhất là trở về hơi thở. Hơi thở giúp mình chạm được vào nỗi khổ niềm đau, chạm được vào cái cảm giác bất an, mong lung của mình để ôm ấp và chuyển hóa. Không những mình tiếp xúc được bằng hơi thở mà mình còn có thể tiếp xúc được bằng bước chân. Rất là hay.

Bụt cũng có thể có những khó khăn, khó khăn của Bụt cũng có thể đến từ bên trong hoặc từ bên ngoài. Nhưng mỗi khi có khó khăn tới thì Bụt biết tiếp xúc với những khó khăn ấy và mỉm cười với chúng rồi tìm cách chuyển hóa chúng. Nếu khi những khổ đau tìm tới với ta mà ta biết sử dụng hơi thở và bước chân để chạm vào và xoa dịu những khổ đau ấy thì ta cũng đang là một vị Bụt. Còn nếu khổ đau tới

với ta mà ta không biết thực tập thì ta không phải là Bụt. Bụt có mặt 24 giờ đồng hồ trong một ngày.

Thế nên trong ngày lễ Phật Đản, chúng ta có cơ hội quán chiếu để thấy rằng có thể tiếp xúc với Bụt một cách rất cụ thể. Tôi nghĩ rằng nếu thấy được Bụt như vậy rồi thì Bụt không còn là một cái gì mơ hồ nữa, không còn là một đấng thần linh ở trên mây nữa. Chúng ta là đệ tử của thiền sư Lâm Tế thì chúng ta phải nhớ lời này: *“Phật và Bồ Tát hử? Phật và Bồ Tát là ai? Là các vị đây chứ ai, các vị đang ngồi đây nghe pháp chứ ai”*.

Chúng ta là sự tiếp nối của Bụt

Mỗi chúng ta đều có khả năng ôm ấp niềm đau, chuyển hóa niềm đau của mình và giúp cho người khác ôm ấp niềm đau, chuyển hóa niềm đau của họ. Chúng ta đang làm công việc của Bụt, chúng ta đang là sự tiếp nối của Bụt. Mỗi chúng ta đều có khả năng chế tác ra những tư duy lành, những ngôn ngữ lành và những hành động lành đó là chúng ta đang nối tiếp sự nghiệp của Bụt – sự nghiệp thương yêu, sự nghiệp hiểu biết, sự nghiệp từ bi. Ai trong chúng ta cũng có thể làm được điều đó.

Thông thường, Bụt ở đâu thì quốc độ của Ngài ở đó. Ngài đi tới đâu cũng mang theo quốc độ của mình. Chúng ta cũng vậy, chúng ta cũng là Bụt, chúng ta là sự tiếp nối của Ngài nên chúng ta cũng phải có cõi Bụt quanh mình. Ví dụ ta ngồi nhìn ra cửa sổ thấy mùa xuân vẫn còn đang phơi phới, cỏ cây xanh mướt, hoa đua nhau khoe sắc thắm, ta thấy những thứ đó rất màu nhiệm. Tiếp xúc được với những màu nhiệm đó thì ta thấy cuộc đời này đẹp để quá. Ta có thể ngồi trên một góc cỏ nhìn ngắm mọi thứ trong tâm trạng không có đau buồn. Ta ngắm một cái lá sen, ngắm một cái lá tre trong bình an thì lúc đó ta là Bụt.

Nếu bị giam hãm trong những cơn buồn giận, ta không tiếp xúc được với những màu nhiệm của thiên nhiên thì ta không phải là Bụt, ta đang không có cõi Bụt bao quanh. Bụt ở đâu thì cõi Bụt ở đó. Khi ta có an lạc, hạnh phúc thì quang cảnh xung quanh cũng có an lạc, hạnh phúc. Khi một sư anh, sư chị hay sư em

không dễ thương mà mình ôm được cái không dễ thương đó, mình nhìn sư anh, sư chị, sư em của mình với con mắt từ bi thì mình là Bụt và sư anh, sư chị, sư em ấy là cõi Bụt của mình. Nhìn bằng con mắt từ bi thì mình khỏe và cõi của mình trở thành cõi tịnh độ. Nhìn bằng con mắt đau buồn trách móc thì mình không phải là Bụt và cõi xung quanh của mình không phải là cõi Bụt. Đó là sự thực tập của chúng ta. Một tầng thân được thiết lập ra là để tiếp nối Bụt.

Một người thực tập cũng là sự tiếp nối của Bụt. Nhưng nếu được sống trong tầng thân, được cùng tầng thân thực tập thì chúng ta sẽ được che chở, được yểm trợ nhiều hơn. Vì vậy tu tập mà có tầng thân thì dễ dàng hơn rất nhiều. Nương vào anh, vào chị, vào em, và vào những người bạn đồng tu để mỗi giây phút mình có thể chế tác được chánh tư duy, chánh ngữ và chánh nghiệp. Khi chế tác ra được ba cái đó thì trong người mình có Bụt và xung quanh mình là cõi Bụt. Còn khi chế tác ra những chất liệu ngược lại thì trong người mình không có Bụt và xung quanh mình cũng không có cõi Bụt.

Chúng ta có thể đã từng nghĩ rằng các chương trình sinh hoạt tại Làng Mai khá dày đặc: Buổi sáng phải thức dậy sớm đi ngồi thiền, phải ăn sáng, làm việc, đi thiền hành, ăn trưa, rồi đi theo các lớp học, rồi ăn chiều, rồi lại ngồi thiền tụng kinh vào buổi tối. Vừa kết thúc khóa tu hai mươi một ngày đã sang khóa tu mùa hè, rồi đi Ý, đi Đức, đi Đông Nam Á... Giống như không có thì giờ để chơi. Chúng ta có cảm tưởng như là chúng ta bị một sức ép phải đi theo. Chúng ta cảm thấy chúng ta không có đủ không gian. Khi chúng ta cảm thấy mình bị ép theo thời khóa, chúng ta cảm thấy mình thiếu không gian, thì trong chúng ta lúc ấy không có Bụt, không có tầng thân và hoàn cảnh xung quanh ta cũng không phải là cõi Bụt.

Ở đời có những người rất thích hát. Họ không có phải là người tu nhưng buổi sáng thức dậy họ muốn hát một bài. Trong khi xả nước tắm, họ vừa tắm vừa hát. Nhưng có những người khác khi thức dậy không hát được, lúc tắm họ cũng không hát được, tại vì họ bị kéo đi bởi hàng trăm thứ lo toan, dự tính trong lòng.

Thường thì đó đều là những lo toan không đáng có như tại sao mình cứ phải dậy sớm đi làm? Không biết hôm nay ở công ty ra sao? Chết rồi, tí nữa phải nhớ đi đổ xăng v.v... Cùng thức dậy vào buổi sáng nhưng hai người này khác nhau: một người thì có niềm vui trong lòng do biết an trú, một người thì không có niềm vui do bị những lo toan kéo đi. Khi ta có niềm vui trong lòng thì thế giới xung quanh trở thành cõi Bụt. Khi có phiền não trong lòng thì thế giới xung quanh trở thành cõi Ta Bà.

Trong tu viện, mỗi sáng ta đều thức dậy đi ngồi thiền. Ngồi thiền làm cái gì? Ngồi thiền tức là khỏi làm gì hết, lúc ấy không có ai sai mình phải làm cái này hay làm cái kia. Chỉ ngồi yên thôi thì sướng biết bao nhiêu. Thử hỏi trên thế gian này có biết bao nhiêu người thức dậy được ngồi yên trong vòng nửa giờ hay một giờ? Được ngồi thiền rất yên vào buổi sáng giống như có tiếng hát trong lòng và ngồi thiền không phải là một cái áp lệnh nữa, mà là một niềm vui. Khi ngồi thiền mình có thể tiếp xúc được với Thầy, với sư anh, sư chị hoặc sư em đang ngồi chung với mình và mình được nuôi dưỡng. Cũng như có người khi thức dậy mở cửa sổ ra là có thể hát được. Ta cũng vậy. Khi thức dậy ta thấy được ngồi thiền, được đi thiền hành là một niềm vui. Ngồi thiền và đi thiền hành đó không phải là công việc, không phải là một áp lực, không phải là lao tác cực nhọc mà mình phải trả nợ như là một người công dân.

Ở bên ngoài đa phần mọi người đều rất bận rộn không có cả thời gian để ngồi yên, trong khi đó tại tu viện, mỗi ngày chúng ta đều được ngồi yên không phải làm gì cả, đó là những cơ hội rất quý. Thế nhưng có lúc ta lại cảm thấy đó là một sự lao tác mệt nhọc, cảm thấy bị ép buộc. Khi ngồi thiền hay đi thiền hành mà ta biết cách an trú trong mỗi bước chân, mỗi hơi thở thì ta có an lạc, thanh thoi. Lúc ấy ngồi thiền như là ngồi chơi, đi thiền hành như là đi chơi và xung quanh ta là cõi Bụt. Còn khi ngồi thiền hay đi thiền hành với tâm trạng bị ép uổng thì rất tội nghiệp và rất uổng.

Trong cùng một khung cảnh nhưng có người thì thanh thoi, thư thái, có người lại cảm thấy gò bó, cảm thấy không có không gian, không

có thời gian để sống cho mình. Có những người thấy rất hạnh phúc được ngồi thiền, được đi thiền hành, được nấu cơm cho đại chúng, được tổ chức và hướng dẫn khóa tu v.v... Trong khi đó lại có những người cảm thấy phải ngồi thiền, phải đi thiền hành, phải tổ chức khóa tu. Đối với những người ấy thì ngồi thiền, thiền hành không phải để sống cho mình, quét nhà, làm vườn không phải để sống cho mình. Cho nên tất cả là tùy theo cách mình nhìn. Cũng giống như ở ngoài, có những người họ rất thích đi làm vì họ yêu nghề. Lại có những người rất ngao ngán khi thức dậy thấy có một ngày làm việc trước mặt.

Thiền Sư Lâm Tế có nói với chúng ta rằng: *“Quý vị đừng có tưởng tượng quá, đừng có nghĩ rằng cung trời Đâu Suất và đức Di Lặc ở trên mây. Quý vị đừng đi tìm báo thân, pháp thân, ứng thân và cũng đừng đi tìm Tịnh Độ, mất thời gian lắm. Quý vị chính là Bụt là Bồ Tát đó, nếu quý vị nhận ra được đời sống là những cái nhiệm mầu”*.

Có sáu đạo thần quang tức là sáu thức khiến cho mình có thể tiếp xúc được với tất cả những cái mầu nhiệm đó. Cung trời Đâu Suất của đức Bụt Di Lặc, hay cõi Tịnh Độ hay tam giới có mặt hiện tiền để mình có thể tiếp xúc liền ngay được. Tam giới là tam giới của mình chứ đâu nữa? Người ta lặp đi lặp lại một cách máy móc câu: *“Tôi tu học để mau thoát khỏi tam giới”*. Tổ Lâm Tế nói: *“Đừng nói rằng quý vị đi tu là để thoát khỏi tam giới (cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc). Thoát khỏi tam giới thì quý vị đi đâu. Ở ngay trong tam giới này đã có đủ Bụt, Pháp, Tăng, có Tịnh Độ, cõi Bụt, có đủ hết”*. Khi tâm mình có ham muốn thì tức là mình đang ở trong cõi dục. Khi tâm có từ bi, hiểu biết thì mình đang ở trong cõi bồ tát, cõi Bụt.

Chúng ta đã có cơ hội được nghe những lời giảng, những lời khai thị rất nhiệm mầu của chư Tổ. Và chúng ta có cơ hội để được sống thật sâu sắc những giây phút của đời sống hằng ngày của chúng ta. Chúng ta có thể tiếp nối sự nghiệp của chư Bụt. Chư Bụt rất gần chúng ta để được tiếp nối một cách đẹp đẽ.

*Pháp thoại của Sư Ông Làng Mai,
ngày 22-05-2005.*

Thầy của Trời Người



Tải qua mấy kỳ Phật Đản, kỳ nào chư Tôn Đức trong Ban Điều Hành cũng cử tôi và Thầy Phước Viên sang Noumea (Tân Đảo) để chủ trì chứng minh cho ngày đại lễ Phật Đản. Mỗi khi vào chánh điện của ngôi chùa Nam Hải Phổ Đà, nhìn lên trên bàn Phật chính, tôi nhìn thấy phía trên có tám biển lớn bắt ngang qua trên hai tấm liễn, trong đó có bốn chữ to nổi bậc: "**Thầy Của Trời Người**". Câu này nguyên chữ Hán là "Thiên Nhơn Chi Đạo Sư". Là một câu trong bài "Tán Phật" mà người Phật tử thường hay tụng đọc vào những thời khóa lễ. Bài Tán Phật này đa số Phật tử đều thuộc nằm lòng. Bài kệ tụng gồm có tám câu như sau:

Pháp vương vô thượng tôn
Tam giới vô luân thất
Thiên nhơn chi đạo sư
Tứ sanh chi từ phụ
Ư nhứt niệm quy y
Năng diệt Tam kỳ nghiệp
Xưng dương nhược tán thán
Ức kiếp nan cùng tận...

Tạm dịch:

*Đấng Pháp vương vô thượng
Ba cõi chẳng ai bằng
Thầy dạy của trời người
Cha lành chung bốn loài
Quy y tròn một niệm
Dứt sạch nghiệp ba kỳ
Khen ngợi cùng tán thán
Ức kiếp không cùng tận...*

Chúng tôi cần thưa rõ chủ đề của bài viết này không nhằm mục đích là giải thích đi sâu qua toàn bài kệ, mà chúng tôi chỉ xin được trình bày khái quát qua hai câu: "Thầy của trời người và Cha lành chung bốn loài". Trong hai câu này vì nó có liên quan với nhau nên cần tìm hiểu, tuy nhiên, chủ yếu của đề tài vẫn là "Thầy của trời người". Mong quý độc giả hoan hỷ thông cảm cho.

"Thiên nhơn chi đạo sư", có nghĩa là đức Phật là bậc Thầy của trời người và "Cha lành chung cho bốn loài" (thai sanh, noãn sanh, thấp sanh và hóa sanh). Thầy và Cha đây là cách xưng hô trân quý theo truyền thống của người Á Đông. Tiêu biểu là người Trung Hoa. Theo truyền thống văn hóa của người Trung Hoa thời xưa gọi là "quân, sư, phụ". Trên là vua, kế là thầy và sau cùng là cha. Cách gọi này là theo thời đại quân chủ phong kiến. Vua là người đứng đầu muôn dân, cai trị đất nước. Vua có đủ quyền lực sinh sát trong tay. Vì thế, vua còn được mệnh danh là Thiên tử, tức là con của trời. Vua là người thể thiên hành đạo, thay trời chăm lo cho dân. Thần dân là những người phải nghe theo mệnh lệnh của vua sai khiến, không được chống trái lại. Hễ chống trái lại là phạm tội khi quân, phải bị hình phạt xử tội. Chính vì trọng trách chấn dân trị nước lớn lao đó, nên trở thành như là một cái đạo gọi là đạo vua tôi. Chữ đạo ở đây chớ vội hiểu lầm là đạo theo nghĩa của một tôn giáo. Chữ đạo có nghĩa là bốn phận, là phận sự gốc mà người có bốn phận phải giữ cho tròn. Vua có bốn phận của vua, tôi có bốn phận của tôi. Mỗi người phải xử sự đúng theo vị thế của mình. Vua không thể làm cái công việc của bầy tôi, ngược lại, bầy tôi cũng không thể làm cái công việc của vua. Ai có phận sự nấy. Có thế thì mới giữ được cái trật tự cương thường đạo lý. Đó là giữ đúng theo phong cách hành xử trên dưới phải có tôn ti trật tự.

Thầy là người hướng dẫn dạy dỗ nâng cao trình độ kiến thức cho học trò. Vì thế, thầy phải là người gương mẫu, như tấm gương sáng để mọi người noi theo. Vai trò trách nhiệm của vị thầy rất lớn. Trên là vua dưới là thầy. Xã hội Trung Hoa hay Việt Nam thời xưa, người ta rất coi trọng kẻ sĩ. Bởi kẻ sĩ là người có học thức cao, có địa vị danh vọng và quyền thế trong một xã hội phong kiến. Bởi vậy, mà trong xã

hội mới tạo thành ra bốn giai cấp: "Sĩ, Nông, Công, Thương". Kẻ sĩ bao giờ cũng được người ta trọng vọng và đưa lên hàng đầu.

Người con sanh ra có được hình hài là do công ơn của cha mẹ. Cha mẹ tuy rất thương con, nhưng không thể dạy dỗ như một vị thầy. Bởi lời dạy dỗ của cha mẹ không có trọng lượng tác dụng mạnh bằng lời dạy dỗ của thầy. Vì sống chung một nhà, tránh sao khỏi sự xung đột va chạm mích lòng nhau. Những hành vi ngôn ngữ của cha mẹ, cũng khó giữ gìn chu đáo trọn vẹn. Đôi khi cũng có những sự gây gổ cãi cọ xích mích làm cho con cái buồn nản. Từ đó, chúng nó đâm ra coi thường không còn kính trọng. Không kính trọng thì dạy chúng không nghe theo. Cho nên cha mẹ thật khó dạy dỗ con cái như ý muốn. Thứ hai, vì phải tất tả ngược xuôi, lo cho đời sống cơm áo gạo tiền, đâu có còn thời giờ rảnh rỗi để mà chăm lo dạy dỗ cho con cái. Mà đâu có thời giờ dạy dỗ đi chăng nữa, thì thử hỏi làm sao dạy chúng đúng theo chương trình ở học đường được? Thử hỏi việc làm này cha mẹ có đủ khả năng hay không? Giả như có đủ khả năng đi nữa, cũng không thể nào dạy được, bởi con cái thiếu môi trường cho chúng học hỏi. Chương trình, môi trường, bạn bè, tranh đua, thi cử v.v... đó là những điều mà ở nhà không thể có được. Thế thì, bắt buộc cha mẹ phải đưa con đến trường để nhờ thầy hướng dẫn chỉ dạy. Vì nhà trường là nơi đào tạo giáo dục con người trở thành những người tốt vừa có kiến thức lại vừa có những đức tánh hạnh kiểm tốt đẹp. Cho nên, hầu hết những đứa trẻ thơ đều được đưa vào nhà trường để thụ giáo. Vì thế, thầy và cha cả hai đều rất quan trọng trong việc giáo dục trẻ con.

Sở dĩ người ta tôn xưng đức Phật là "Thầy và Cha", là vì hai bậc này rất gần gũi và đáng được tôn kính. Đức Phật là một bậc Thầy, dĩ nhiên, là khác hơn vị thầy ở thế gian. Bởi vị thầy thế gian chỉ hướng dẫn giáo huấn người học trò đi theo con đường của thế gian pháp. Người học trò tôn kính thầy ngoài hơn cách mô phạm gương mẫu ra, thầy còn truyền trao kiến thức cho mình. Nhờ có kiến thức học hỏi đó mà sau này người ta mới có được công danh sự nghiệp với đời. Ngược lại, Đức Phật là



một bậc Thầy tâm linh, hướng dẫn giáo hóa con người đi đúng hướng chân lý. Nói cách khác là giáo dục con người đi về hướng giác ngộ giải thoát. Ta nên nhớ đức Phật là một con người, cho nên Ngài rất hiểu về con người. Ngài không phải là một vị thần linh. Ngài là một con người, nhưng con người giác ngộ. Chúng ta cũng là con người, nhưng con người mê muội. Còn Phật là con người hằng tỉnh thức, nên gọi Ngài là Buddha. Budd là tỉnh thức là giác ngộ. Dha là con người. Ngay từ ngữ Buddha của tiếng Phạn đã cho ta quá rõ nghĩa, không còn gì phải nghi ngờ. Ngài là một con người có lịch sử trong thế giới loài người. Ngày nay cả nhơn loại đều tôn kính vinh danh tôn thờ Ngài là vì Ngài vượt hơn con người thường ở chỗ, Ngài dám từ bỏ tất cả để một mình tìm ra chân lý giác ngộ giải thoát. Sau khi giác ngộ giải thoát, Ngài chỉ lại con đường mà chính Ngài đã thể nghiệm đi qua. Đó là cả một hệ thống kinh điển do Ngài để lại. Đạo sư là một bậc Thầy chỉ đường hay dẫn đường để cho chúng sanh khỏi bị lầm lạc. Ngài chỉ rất rõ con đường nào phải bị trầm luân đau khổ và con đường nào thoát khỏi vô minh vọng chấp để được giải thoát. Nói gọn chỉ có hai con đường: con đường đi xuống và con đường đi lên. Con đường đi xuống đó là con đường luân hồi sanh tử khổ đau. Con đường đi lên là con đường tiến lên từ phàm phu đến Phật quả. Việc chỉ đường đó là nhiệm vụ của bậc Đạo Sư, còn đi hay không đó là sự chọn lựa quyết định của mỗi người. Nếu ai nghe theo sự chỉ dẫn của Ngài và quyết tâm nỗ lực hành trì đúng theo phương pháp mà Ngài đã chỉ dẫn thì chắc chắn người đó sẽ đạt được kết quả như ý muốn. Về con đường, dĩ nhiên có rất nhiều con đường để chúng sanh chọn lựa. Tùy theo căn cơ trình độ của mỗi người mà có sự chọn lựa con đường tu tập khác nhau. Con

đường chỉ là phương tiện. Trong đạo Phật có rất nhiều pháp môn phương tiện. Tuy nhiên pháp môn nào cũng nhằm một mục đích nhắm tới duy nhất là phải đạt cho kỳ được Phật quả. Chúng ta đừng vội lầm chấp phương tiện mà cho là cứu cánh. Khác nào như người chấp ngón tay vội cho là mặt trăng. Ngón tay không phải là mặt trăng. Mặt trăng là dụ cho chân lý tuyệt đối, tức Phật quả. Còn ngón tay là dụ cho pháp môn phương tiện. Nếu chấp phương tiện thì hành giả không bao giờ đạt được cứu cánh.

Cho nên từ ngữ "Đạo Sư" ta thấy rất hay. Thứ nhất là mình định xác quyết rằng đức Phật không phải là vị thần linh. Ngài không có ban phước hay giáng họa cho ai cả. Mà Ngài chỉ là một vị Thầy chỉ đường cho người ta đi mà thôi. Nhưng người chỉ đường đó tất nhiên là phải rành đường rồi. Biết rõ con đường nào dẫn đến trầm luân đau khổ và con đường nào hướng đến giác ngộ giải thoát. Người đi đường phải tin chắc vào vị Thầy chỉ đường đó. Nếu người đi đường mà còn nghi ngờ người chỉ đường thì thử hỏi làm sao đi tới đích nhắm tới cho được? Thái độ còn nghi ngờ đó dứt khoát không bao giờ tới nơi được. Nói cách khác, đức Phật là một người Thầy vẽ bản đồ chỉ rõ hai hướng. Tuy đường thì có nhiều nhưng chỉ có hai hướng đi mà thôi. Hướng thượng thì đi theo lộ trình giác ngộ giải thoát. Hướng hạ thì đi theo con đường tạo nghiệp sa đọa trầm luân sanh tử khổ đau.

Hơn thế nữa, đức Phật không bao giờ nhận mình là người lãnh đạo. Đối với các vị đệ tử của Ngài, Ngài chưa bao giờ tuyên bố với tất cả mọi người rằng, Ngài là bậc lãnh đạo tối cao trong tăng đoàn. Ngài thừa biết vai trò lãnh đạo không phải vai trò của một người tăng sĩ. Bởi người tăng sĩ hay khất sĩ là phải buông bỏ mọi thứ danh vọng quyền lợi địa vị. Còn vướng mắc vào những thứ này là còn bị kẹt trong vòng hệ lụy tranh chấp. Đề Bà Đạt Đa khi thấy đức Phật già yếu, ông không chút ngần ngại thừa rõ cùng đức Phật: "*Bạch đức Thế Tôn, Ngài hãy yên tâm tu thiền nhập định và giao trách nhiệm lãnh đạo Giáo hội Tăng già cho tôi, tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm*". Đức Phật trả lời một cách thẳng thừng dứt khoát rõ ràng: "*Ta còn không giao trách nhiệm*

lãnh đạo Giáo hội cho Xá lợi phất và Mục kiên liên, huống nữa là cho nhà người, vừa vô trí mà nhỏ nhen tâm địa" (Vinaya, II, tr 188). Đối với Đề Bà Đạt Đa đức Phật từ chối không giao trách nhiệm lãnh đạo Giáo hội cho ông, điều này chúng ta cũng dễ hiểu, tuy nhiên, điều mà chúng ta phân vân thắc mắc là tại sao đức Phật cũng lại từ chối không giao cho hai vị Xá lợi phất và Mục kiên liên? Để giải tỏa sự phân vân thắc mắc này, cũng may là chúng ta còn đọc được những lời dạy cuối cùng của Ngài cho tôn giả A nan, vị thị giả luôn hầu cận túc trực bên Ngài. Xin trích trong Kinh Maha parinibbana (những ngày và những lời dạy cuối cùng của đức Phật tr 17- 18), để giúp trả lời sự phân vân thắc mắc của chúng ta. Ngài A nan thừa cùng đức Phật về vấn đề công việc lãnh đạo cho Giáo hội như thế nào, đã được đức Phật trả lời như sau: - "*Này Ananda, chúng tỳ kheo còn mong mỗi gì nữa ở nơi ta! Này Ananda, ta đã giảng chánh pháp, không có phân biệt trong ngoài, vì này Ananda, đối với các pháp, đức Như Lai không bao giờ là vị đạo sư còn nắm tay (multhi acarya). Này Ananda, những ai nghĩ rằng : "Ta sẽ là vị cầm đầu chúng tỳ kheo, hay chúng tỳ kheo chịu sự giáo huấn của ta, thời này Ananda, người ấy sẽ có lời di giáo cho chúng tỳ kheo. Này Ananda, Như Lai không có nghĩ rằng "Ta sẽ là vị cầm đầu chúng tỳ kheo hay chúng tỳ kheo chịu sự giáo huấn của ta, thời này Ananda, làm sao Như Lai lại có lời di giáo cho chúng tỳ kheo". (bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu) Qua đoạn kinh trên, ta thấy đức Phật đã khiêm tốn từ chối vai trò lãnh đạo của mình, và cũng không dám xem chúng tỳ kheo chịu sự giáo huấn của mình. Đây là những lời nói khẳng quyết rõ ràng. Ngài đã từ chối sự lãnh đạo, vì vai trò của Ngài chỉ là người chỉ đường mà thôi.*

Lời khuyên tiếp của đức Phật với ngài Ananda, nêu rõ đường hướng giáo dục Tăng, Ni của đức Phật, nên chúng ta cũng có thể xem đức Phật là một nhà giáo dục. "*Vậy này Ananda hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình; hãy tự mình y tựa chính mình, chứ y tựa gì khác. Dùng chánh pháp làm ngọn đèn, dùng chánh pháp làm chỗ nương tựa, chớ nương tựa một gì khác*". Này Ananda, những ai, sau khi ta

diệt độ, tự mình là ngọn đèn cho chính mình, tự mình y tựa chính mình, không y tựa một gì khác, dùng chánh pháp làm ngọn đèn, dùng chánh pháp làm chỗ nương tựa, không nương tựa vào một pháp gì khác. Những vị ấy, này Ananda, là những vị tối thượng trong hàng tỳ kheo của ta" (tr 49). Và để làm an lòng ngài Ananda, một lần nữa, đức Phật lại dạy thêm: - "Này Ananda, nếu trong các người có người nghĩ rằng: Lời nói của bậc đạo sư, này Ananda, chớ có những tư tưởng như vậy. Này Ananda, Pháp và Luật, Ta đã giảng dạy và trình bày, sau khi ta diệt độ, chính Pháp và Luật ấy sẽ là đạo sư của các người".

Như vậy, cho chúng ta thấy rõ đức Phật từ chối hẳn vai trò lãnh đạo Giáo hội của Ngài mà Ngài chỉ muốn đóng một vai trò của một nhà giáo dục hay giáo hóa mà thôi. Nói rõ hơn, Ngài chỉ muốn làm một vị thầy chỉ đường, chớ Ngài không muốn đảm nhận cái vai trò của một nhà lãnh đạo. Phận sự của người chỉ đường đã làm hết bốn phận của mình, còn lại là bốn phận của người đi đường. Người đi đường cũng không nên hoàn toàn lệ thuộc hẳn vào người chỉ đường, mà tự mình phải cố gắng nỗ lực tự mình đi cho đến đích nhắm tới. Nói cách khác là mỗi cá nhân hãy tự lãnh đạo cho chính mình. Nguyên tắc lãnh đạo, đường

hướng lãnh đạo, và đối với Giáo hội, đường hướng nguyên tắc lãnh đạo là "Chánh pháp". Nói Cha lãnh chung bốn loài là bao gồm tất cả. Cha lãnh bao giờ cũng thương nhớ đến các con. Các con không phải chỉ giới hạn trong loài thai sanh như loài người thôi, mà còn có cả các loài động vật khác như loài sanh nơi ẩm ướt (thấp sanh); loài sanh bằng trứng (như gà vịt v.v...); loài sanh tự nhiên (hóa sanh). Tất cả bốn loài này người Cha lúc nào cũng quan hoài chiếu cố đến. Chiếu cố để mà dạy dỗ giáo hóa cho họ đều thoát khỏi khổ đau. Đó là tấm lòng cao thượng của người Cha lành. Ở thế gian, cũng có người cha dữ chứ không phải cha hiền. Ác phụ chứ không phải là từ phụ. Từ phụ là cha hiền lành. Cha hiền lành tất nhiên là ông cha tốt đáng được tôn kính. Chính vì chỗ thương tưởng các con trong tinh thần bình đẳng, dù cho các con ở vào giai cấp địa vị hay lĩnh vực nào người "Cha Lành" đều quan tâm độ hết. Cha vì thương các con đều muốn cho các con không còn sống trong ngục tù đau khổ nữa. Đó là tấm lòng từ bi vị tha cao đẹp của người Cha. Đức Phật quả đúng là một đáng Cha lành tâm linh chung cho cả bốn loài.

Lê Văn

Di giáo lời vàng Phật dạy răn
Cho hàng đệ tử tiến cao thăng
Mỗi lời gói trọn niềm mong mỏi
Mỗi chữ tâm tình lệ khó ngăn
Cảnh vắng rừng cây bao tiếng khóc
Hai hàng đệ tử lệ trào lăn
Bầu trời lặng chết còn đâu nữa
Hình bóng "Cha già" bật tối tăm

Hình bóng "Cha già" bật tối tăm
Sống đời giáo hóa tám mươi năm
Sa la nhập diệt tang màu lá
Song thọ Niết bàn mắt đỏ thâm
Tiếng khóc vang trời rung động chuyển
Đau buồn lịm ngắt cõi xa xăm
Ứng thân thị hiện không còn nữa
Chỉ để cho đời Diệu pháp âm

Cảm Tác

Chỉ để cho đời Diệu pháp âm
Tổ Đình Phước Huệ trải bao năm
An cư tổ chức Tăng, Ni học
Phật tử tham gia học đạo thâm
Tăng tục trao dồi tu học mãi
Đêm ngày thức liếm cả thân tâm
Cũng nhờ ân đức người xây dựng
Đệ tử ngày nay nhớ trọng ân.

P.T



KỶ ỨC

Về những ngày Lễ Phật Đản xứ Huế



Quê Nội tôi là xứ Huế.
Cho dù không được sinh ra và nuôi lớn
bằng nước của dòng sông Hương mượt mà,
khuê các hay bằng những lời ru êm ả, ngọt
ngào:

“Cầu Trường Tiền sáu vài mươi hai nhịp
Thương nhau rồi biết gởi về mô”...

Nhưng trong kỷ ức thời thơ ấu của tôi lại đầy
ấp kỷ niệm rất Huế từ những mùa Hè về thăm
quê mà sâu đậm nhất vẫn là những ngày Lễ
Phật Đản nơi thôn Vỹ Dạ mượt xanh màu lá.

Xứ Huế, tự cái tên gọi đó đã đưa chúng ta về
với nơi thâm nghiêm cổ kính của một thời Vua
Chúa vàng son khiến ai cũng nghĩ về hay nhớ
đến khi đã một lần ghé qua!

Còn Vỹ Dạ ư? Không chỉ là Vỹ Dạ của nhà
thơ Hàn Mặc Tử:

“Sao anh không về chơi thôn Vỹ
Có nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền”...

Mà Vỹ Dạ trong tôi còn là Vỹ Dạ của những
đêm Hè, tháng Tư âm lịch, theo chân bà Nội
hoặc Cô tôi (chị của Ba tôi) lên chùa lễ Phật,
cầu Kinh.

Xứ Huế, cũng được mệnh danh là cái Nôi của
Phật Giáo.

Nơi mà Chúa Tiên - Nguyễn Hoàng - vị Chúa
đầu tiên của Đàng Trong đã xây nên ngôi chùa
linh thiêng Thiên Mụ từ năm 1601 để rồi sau
đó rất nhiều ngôi chùa được xây dựng hoặc
trùng tu theo chiếu lệnh của các vị Chúa Đàng
Trong hay các vị Vua nhà Nguyễn.

Nổi danh sau chùa Thiên Mụ là chùa Bảo
Quốc (cuối thế kỷ XVII), chùa Từ Đàm
(1695), Chùa Diệu Đế (1884) chùa Từ Hiếu
(1896)... và cho đến ngày nay xứ Huế đã có
khoảng 300 ngôi chùa từ thành phố đến các
miền ngoại ô mà trong đó có chừng 100 ngôi
cổ Tự.

Có thể nói Phật giáo không chỉ là tôn giáo của
các Vương triều Việt Nam nói chung, hay xứ
Huế nói riêng với những cuộc khẩn hoang của
Chúa Nguyễn khi tiến vào miền Nam ...mà
Phật giáo còn là Tôn giáo ăn sâu, bám rễ vào
trong lòng người dân xứ Huế từ đạo ấy!

Tuổi thơ của tôi với những mùa Phật Đản
không diễn ra nơi những ngôi chùa lừng danh
xứ Huế mà chỉ là một ngôi chùa nhỏ bé đơn sơ
gần thôn Vỹ Dạ - chùa Ba La Mật - (còn có
tên thường gọi là chùa Ba La).

Mùa Hè xứ Huế, cho dù màu xanh ngút mắt
của những khu vườn rất xưa với những hàng
cau chạy dọc hiên nhà hay những tán cây xòe
rộng của vườn mận, vườn nhãn...cũng không
che được cái nắng như thiêu đốt cùng sự phụ
họa của muôn ngàn tiếng ve trên những cành
hoa Phượng đỏ cả lối đi về thôn Vỹ.

Phía sau những dãy chè Tàu, bên trong những
ngôi nhà thâm nghiêm kín cổng cao tường ấy,
lễ Phật Đản đã được bắt đầu từ đầu tháng Tư
âm lịch, bằng công việc mà tất cả những thành
viên gia đình, từ già đến trẻ, đều có thể tham
gia được!

Và anh chị em tôi, những du khách nhỏ tuổi,
về thăm xứ Huế trong mùa Phật Đản Sanh đều
được tham dự.

Một cây tre rất lớn đã được chặt vào từ mấy
hôm trước, bác tôi và các anh chị lớn trong nhà
cô tôi đã chẻ và vót tre thành những kích cỡ
khác nhau; một rổ đựng những đoạn dây kẽm
bé tí, mềm mại để cột; một nồi bột lọc được
khua sẵn làm hồ dán; hai thúng giấy đủ màu
với loại trong veo (giấy kiếng) và loại đục
(giấy bao vở thời bấy giờ) còn nguyên chưa
cắt.

Trong căn phòng lớn, chỉ có một chiếc giường, còn lại là những chiếc đèn ngói (nhỏ như chiếc ghế trẻ em nhưng chỉ cao chừng 15cm) được đặt khắp nơi trên sàn nhà. Tùy vào công việc được giao mà mỗi thành viên sẽ có một chỗ ngồi thật thuận tiện để làm công việc chuẩn bị cho ngày Đức Phật Đản Sanh!

Chúng tôi cùng nhau làm những chiếc lồng đèn!

Vào thập niên 60 và đầu thập niên 70 (trước năm 1975) của thế kỷ 20, đây là chuyện rất bình thường nhưng không kém phần thú vị!

Chúng tôi chỉ làm hai loại lồng đèn: Lồng đèn Ngôi Sao và lồng đèn Bánh Ú .

Những que tre được vót sẵn bắt đầu được bẻ thành những khung hình ngôi sao. Cứ hai ngôi sao cột vào với nhau và chống lên ở giữa là thành một chiếc lồng đèn. Đèn bánh Ú càng dễ làm hơn nữa! cứ 3 khung vuông lồng vào nhau, cột dây ở các góc là có ngay 1 chiếc lồng đèn!

Khi các khung lồng đèn đã được làm xong khá nhiều thì các anh chị con cô tôi bắt đầu đo và cắt giấy từng mảnh cho vừa đúng để dán lên từng ô lồng đèn.

Tôi vốn khéo tay nên rất mê công việc này, làm quên cả ăn cơm!

Công việc có thể kéo dài vài ngày cho đến khi hoàn tất cả trăm chiếc lồng đèn bánh Ú nhỏ và gần 10 cái lồng đèn Ngôi Sao rất lớn.

Dán xong, chúng tôi bắt tay vào cắt dán những dây tua hoặc những cánh hoa đủ loại, đủ màu sắc ...để trang trí cho từng chiếc lồng đèn thêm xinh đẹp!

Quan trọng nhất là 1 chiếc lồng đèn Ngôi Sao lớn nhất, sẽ được treo ở chính diện ngôi nhà, dưới mái hiên, mà bất cứ ai bước lên những bậc thềm chính của nhà cô tôi thuở ấy đều phải đi qua dưới chiếc lồng đèn này và dĩ nhiên cũng đã được ngắm nó từ xa! Điểm đặc biệt nhất là trên chiếc lồng đèn này, có dán hình Đức Phật Đản Sanh.

Có lẽ bọn trẻ con chúng tôi đứa nào cũng thích thú “sáng tác” riêng cho mình 1 chiếc lồng đèn

bất chấp kích cỡ, mặc kệ hình thù! Có đứa tự làm, có đứa phải cầu cứu người lớn giúp đỡ chút chút nhưng hoàn toàn không đứa nào bị la vì bọn trẻ chỉ được làm với những que tre thừa và giấy còn dư sau khi đã được cắt đầy đủ cho những lồng đèn chính!

Thuở ấy, người dân xứ Huế nói riêng và Phật tử Việt Nam nói chung, thường kỷ niệm “Mùa Phật Đản Sanh” suốt cả tháng Tư âm lịch hay ít nhất cũng từ mùng Tám cho đến hết ngày Rằm tháng Tư âm lịch chứ không đơn sơ như ...xứ Úc của chúng ta ngày nay! Chỉ vồn vện một ngày lên chùa tham dự Lễ Phật Đản vội vội vàng vàng là xong!

Hơn nữa, ở Việt Nam, thời điểm kỷ niệm Đức Phật Đản Sanh đúng vào mùa Hè, học sinh và sinh viên được nghỉ học nên các gia đình Phật tử tha hồ cắm trại; con cháu trong nhà có rất nhiều thời gian để theo bà hay mẹ lên chùa Lễ Phật.

Khi lồng đèn đã được trang trí xong, các anh chị con cô tôi bắt đầu giăng đèn. Thường là từ mùng Tám tháng Tư cho đến 12 tháng Tư âm lịch và sẽ được tháo xuống vào những ngày cuối tháng Tư âm lịch.

Trước tiên là những lồng đèn Ngôi Sao lớn, được cân nhắc cẩn thận, treo vào những vị trí quan trọng trên hành lang, trước hiên nhà. Bọn trẻ chúng tôi không quan tâm lắm với công việc này hay nói đúng hơn, người lớn chẳng sai bảo gì!

Nhưng chúng tôi thật sự háo hức với việc cầm từng chiếc lồng đèn Bánh Ú từ trong nhà ra trước ngõ, theo lời sai biểu của các anh chị để hoàn tất việc giăng đèn suốt theo chiều ngang khu vườn rất lớn của cô tôi! Dây lồng đèn ngũ sắc trên đầu hàng rào phía trước nhà đã phá tan đi cái màu xanh cổ hủ của cây lá đồng thời cũng làm vui mắt cho bao người ngang qua!

Vẫn chưa xong, chúng tôi tiếp tục được sai vặt để tất cả số lồng đèn còn lại được giăng lên trên những cây Mai, cây Mận, cây Nhãn, cây Trứng Gà (Ô-Ma) trong khu vườn phía trước. Để rồi khi chiều xuống, anh con trai của cô tôi,

đích thân đi quanh vườn, gắm và thắp đèn cây trong từng chiếc lồng đèn. Thật sự lung linh, thật sự huyền ảo và đầy cảm xúc trong suy nghĩ non nớt của bản thân tôi thuở ấy! Hình như Đức Phật đang ở đâu đó trong không gian rất gần của khu vườn nhà cô tôi nơi thôn Vỹ Dạ của xứ Huế!

Không phải chỉ có nhà cô tôi mà là hầu hết các nhà trên đường về thôn Vỹ đều giăng đèn kết hoa để kính cẩn, trang nghiêm đón chào ngày Đức Phật Đản Sanh! Tôi không đi xem cả thành phố Huế nhưng tôi tin chắc rằng, cả xứ Huế đều giăng đèn kết hoa như nhà cô tôi, như thôn Vỹ Dạ êm đềm ngày xưa ấy!

Những ngày sau đó, theo cô tôi lên chùa Ba La Mật vào ban đêm, nhất là đúng vào ngày mùng Tám hay ngày 14, Rằm tháng Tư âm lịch; tôi thật sự thích thú vì đi đến đâu, gặp người quen của cô tôi, ai ai cũng nói tôi giống cô như đúc! (Bởi trong tất cả anh chị em ruột của mình, tôi là đứa con giống Ba tôi nhất!) (Thậm chí sau này, khi ở tuổi Trung Học, có dịp đi cùng cô lên chùa hay bất cứ nơi đâu, nếu ai đó có nhận xét về sự giống nhau của hai cô cháu, tôi đã tinh quái nghĩ thầm: “Tôi là đứa con ngoài giá thú của cô tôi, lâu lâu mới xuất hiện bên bà!!”)

Thuở ấy, phương tiện truyền thông chưa văn minh như bây giờ nên không dễ gì để xem phóng sự, phim ảnh; cũng chẳng có DVD giới thiệu muôn ngàn hoạt động Phật sự trên toàn thế giới...và những mặt hàng “dây đèn chớp” dùng để trang trí cũng rất hiếm hoi! Chỉ có những đại Lễ ở những nơi công cộng mới có được. Chính vì vậy mà được đi xem những khung cảnh về cuộc đời Đức Phật, về những thời điểm quan trọng khi Ngài Đản Sanh, lúc Ngài Xuất Gia, khi Ngài giảng bài Pháp đầu tiên, lúc Ngài Nhập Diệt... được dựng lên trong khuôn viên chùa, dưới những gốc cây Bồ Đề, giữa những chậu cây cảnh v.v... là cả một khung Trời huyền bí, kỳ diệu bắt đầu khai mở trong tâm trí ngây thơ của tôi!

Những cái tên như Thái tử Tất Đạt Đa, Vua Tịnh Phạn, Hoàng Hậu Ma Gia, Công chúa Da Du Đà La, Hoàng tử La Hầu La, người hầu Sa Nặc...đã bắt đầu đi vào trí nhớ của tôi từ dạo ấy!

Chỉ có thể là Mùa Phật Đản mới được chiêm ngưỡng vẻ đẹp của những bức tượng sống động, thánh thiện với hào quang tỏa sáng, với ánh đèn chớp lung linh trong mùi hương trầm ngào ngạt lẫn trong hương thơm của các loài hoa tự nhiên đang tỏa vào đêm.

Nắm chặt tay cô tôi cho khỏi bị lạc giữa rừng người, tôi dán mắt vào từng cánh hoa sen đang nở dưới chân Ngài, vào khuôn mặt tinh khôi của Ngài lúc Đản Sanh! Càng không thể quên được hình ảnh chú Ngựa trắng đang đứng thần thờ nhìn Ngài xuống tóc dưới ánh trăng bên dòng sông A Nô Ma...

Thuở ấy, quỳ bên cạnh cô tôi trong chánh điện chùa Ba La Mật, hình như tôi không suy nghĩ điều gì ngoài việc cầu mong Đức Phật cho tôi học thật giỏi, thể thôi!

So với lời cầu nguyện dâng lên Đức Thế Tôn từ ngày ấy cho đến nay, hình như tôi càng ngày càng tham lam hơn bởi lời nguyện cầu của tôi ngày một ...dài hơn! Cho dù hiểu biết về Phật Pháp của tôi có vẻ tiến bộ hơn ngày ấy rất nhiều!

Những năm gần đây, dù là chùa ở Việt Nam hay chùa Việt ở hải ngoại, do điều kiện xây dựng dễ dàng hơn, nên đã có rất nhiều chùa tôn tạo những cảnh trí mô tả cuộc đời Đức Phật mà bất cứ thời điểm nào trong năm, chúng ta cũng có thể chiêm bái được! Thậm chí phương tiện giao thông phát triển, thế giới như gần nhau hơn, không ít người đã đến tận Ấn Độ, Nepal để chiêm bái quê hương của Đức Phật, nơi mà ngày nay, tất cả những gì liên quan đến cuộc đời Đức Phật khi Ngài còn tại thế, đã được tôn tạo và xây dựng lại theo Kinh sách... nhưng với tôi, cho đến hôm nay, ký ức về Mùa Phật Đản của thời thơ ấu nơi Thôn Vỹ Dạ của Xứ Huế vẫn còn nguyên vẹn trong tôi - rất thiêng liêng, không dễ gì phai nhạt!

Cao Thanh Dung

Sydney, Mùa Phật Đản 2018

(Phật lịch 2562)

Đi Tìm Hạnh Phúc



Bức tranh trần thế luôn hiện hữu sống động tại đây và bây giờ... Hiện tại xảy ra trong từng sát na tạo nên khúc nhạc vô thường. Đó là cung điệu dặt dìu mắt biên giới thời gian, như những giọt sương thu long lanh đậu trên búp non hoa lá, tuy hiện diện hoang sơ nhưng khoảnh khắc an nhiên tịch tịnh đã trở thành thiên thu bất tử. Nàng gẫm lại chuỗi ngày đã lần lượt xảy ra trong đời như thể mới hôm qua.

Sinh ra và lớn lên ở Sydney. Nàng được giáo dục bởi hai nền văn minh Âu Á, tuy sống ở phương Tây với tánh sôi nổi, phóng khoáng nhưng vẫn còn lại nét kín đáo, e thẹn, nhu mì của người con gái Đông phương thuần thực. Ngay từ nhỏ, nàng thích đọc tiểu thuyết, văn thơ, bằng tiếng Việt, thời ấu thơ là những ngày thần tiên được ba mẹ nâng niu chiều chuộng. Nhưng tận cùng sâu thẳm của tâm hồn, nàng vẫn ưu tư thầm hỏi: "Hạnh phúc là gì?".

Biết bao lần ngồi trầm ngâm bên song cửa sổ, ngược lên bầu trời trong xanh mây trắng để nàng thắc mắc con người đến trần gian này với mục đích gì? Ý nghĩa thật sự của cuộc đời là gì? Cứ xoay vần từ thế hệ này sang thế hệ khác, mãi theo khuôn khổ giáo điều mà gia đình xã hội đã đặt ra cho hết kiếp người. Phải chăng để loay hoay trong vòng trói buộc, cho đó là bến bờ an vui khi lập được công danh, đắp xây hạnh phúc gia đình, sanh con đẻ cái rồi trở về cát bụi. Câu trả lời là một bí mật, là một nỗi chán chường rời rã, như hàng cây cổ thụ trăm năm già khụ, đứng im lặng cuối đầu làm nhân chứng cho những chuyến xe ngược xuôi trong đêm trừ tịch quẩn quanh sâu phố bụi. Lý tưởng chưa thành thì bóng dâu đã xé, mang theo ý niệm thành dòng chảy không ngừng, là hình ảnh sắt se của nhành liễu rũ phân ly vĩnh biệt.

"Đi tìm kiếm hạnh phúc. Phải đi tìm hạnh phúc."

Nàng bắt đầu sự kiếm tìm vô hạn giữa mịt mù hữu hạn của kiếp nhân sinh. Những năm ở Uni, nhiều lần nàng muốn bỏ ngang nửa chừng để thực hiện ước mơ. Nhưng ba mẹ muốn nàng phải hoàn tất mảnh bằng đại học.

Rồi ngày tốt nghiệp cũng tới, nàng thưa với ba mẹ:

- Con đã hoàn thành những gì ba mẹ đợi mong. Và bây giờ xin cho con thực hiện những điều con mơ ước...

- Con đã đủ lông đủ cánh. Từ đây con tự lo liệu lấy... Ba cố lấy giọng thản nhiên nói chuyện với con, trong khi mẹ quay mặt đi im lặng.

Không một lời đáp lại vì bản tính bướng bỉnh kiêu hãnh, nàng hiểu mình phải tự lập. Tốt nghiệp Đại học hạng ưu rồi được một công ty offer vô làm việc. Lao vào xã hội dành dụm được một ít tiền, nàng cùng cô bạn gái thời sinh viên thực hiện chuyến du lịch vòng quanh thế giới, để tìm cái mà từ lâu nàng ước ao gọi là "hạnh phúc"...

Họ đã dấn thân qua khá nhiều quốc gia. Để có tiền và thực hiện nhiều cuộc hành trình, đến nơi nào họ xin dạy Anh Văn nơi đó và kèm theo job partime... Cứ thế.... Nàng vẫn chưa thỏa mãn niềm mơ ước. Từng ngày trôi qua là một chiếc lá rời cành. Mỗi lần rộng mở cõi lòng nơi sở làm, biết quên mình để đóng góp cho đời, nàng chỉ nhận lại những dằng dặc túi hờn xa lạ. Nàng phải tập quen dần với một xã hội mang hai mặt xấu tốt, khen chê, tạt đổ tương phản nhau không có chỗ trung gian.

Đêm đêm nằm lắng đọng lại bao kỷ niệm hôm từ giã gia đình, mẹ đã quay mặt giấu che nước mắt, nuốt ngược lệ vào tim để cho con được

trưởng thành tự do trải nghiệm đời con. Đối diện với nỗi cô đơn khoảng trống của tâm hồn, nàng lại tìm cách lấp đầy những tạm bợ mong manh bằng cách di chuyển đến quốc gia xa lạ. Nàng ước mơ có một đại gia đình ấm cúng, tất cả thành viên là toàn thể con người trên trái đất, liên kết cùng nhau trong loại tình thương

bình đẳng đại đồng.

Nàng có biết đâu những kiếm tìm chỉ là ảo ảnh, như kẻ lạc đường đi trong sa mạc, như ngọn sóng bạc đầu mãi gặm thét vuron tay chơi vơi, quên mất lòng biển sâu thanh tịnh mênh mông mới là chân hạnh phúc vì diệu ngọt ngào. Đi hay về cùng một nghĩa như nhau. Chưa nhìn rõ mặt mình sao cứ muốn thăng hoa ước mơ về nẻo khác.

Gần 5 năm đi tìm cái bóng hạnh phúc nơi ồn ào náo động để thỏa mãn tham vọng riêng tư mà nàng cho rằng mình đang đi tìm hạnh phúc. Nàng chưa hiểu được chỉ cần nội tâm ổn định, tỉnh thức thân tâm từng phút giây động tịnh và trong sáng, không buông lung phóng dật theo bên ngoài, là chân hạnh phúc hiện ra ngay nơi không tìm kiếm, hiện ra ngay cái đang là. Hạnh phúc không có khoảng cách để đi đến nên không phải là một nơi chốn để kiếm tìm. Hạnh phúc không phải để ta phải hướng vọng về phía trước, mà chính là ở ngay nơi đó hồi đầu. Nàng đã hành động chiều theo ý muốn của mình và đã bị ràng buộc trong chính ý muốn ấy, nên nàng đã mất hạnh phúc ngay từ khởi điểm.

Quá mệt mỏi vì nhớ nhà, nhớ ba mẹ, nhớ chị nhớ em. Nàng trở về thăm nhà, dự tính nghỉ ngơi vài tuần rồi sẽ thực hiện những chuyến đi kế tiếp.

Mẹ đứng sững nhìn nàng đôi môi mấp máy run run không thốt được nửa lời! Bất chợt mỉm cười sung sướng, mẹ dang rộng đôi tay khi lệ chảy thành hàng trên khóe mắt chân chim. Con hiểu trái tim mẹ luôn theo sát gót chân con trên nẻo đường xuôi ngược, Mẹ ơi! Con thêm được khóc! Con thêm được sà vào lòng mẹ, như ngày xưa mẹ thường lau nước mắt cho con. Thời gian lưu lạc bốn phương trời, con có được gì đâu ngoài trái tim hằn sâu nhiều vết cứa! Hạnh phúc con là những tiếng thở dài theo từng bước chân qua. Con nhớ ba nhiều

lắm! Những tự đại khát khao thăm kín, con phải đi khám phá chân lý cuộc đời, đã ngăn lại những lời than vãn của con.

Mẹ nàng thường mở mp3 Pháp thoại của các vị giảng Sư để học hỏi. Nàng cũng nghe, nhưng không có sự chú tâm nên chẳng hiểu những bài Pháp thoại đó ám chỉ điều gì?

Chiều nay, nàng đang tựa cửa, từng chiếc lá vàng lìa cành nhảy múa theo cơn gió đang rung điệu nhạc rì rào, là lướt vũ khúc ngoài song trước khi nằm gọn trong vòng tay bao dung của đất. Văng vẳng bên tai: "...Lắng nghe từng cơn gió thoảng, vẻ đẹp chiếc lá vàng rơi...". Thảng thốt đến độ nàng giật run cả người: "A! Nó đây rồi!". Nàng vừa chợt nhận ra một điều gì đó mới mẻ tuyệt vời bùng bùng ngay phút giây hiện tại... Một trạng thái im lặng tuyệt đối! Ta đã chết trong khoảnh khắc mà không và thời gian mất dấu, chỉ còn lại sự sống bao la, phong phú, tịch tịnh ngập tràn chân phúc.

Chiếc lá vàng buông mình chơi trong gió

Vẫy tay chào bày tỏ cuộc tương giao

Rồi luân hồi theo điệp khúc tiêu dao

Lại nhập cuộc như thuở nào tịch tĩnh.

Nàng chợt ngộ ra "*Bình thường tâm thị đạo*"!

Vấn ung dung thoải mái sống bình thường trở về tự tánh vốn đã muôn đời thanh tịnh. Sống xả ly dứt khoát những đại mộng phi thường, bất thường và tầm thường, để an nhiên trở lại với cái bình thường. Nhưng bình thường không có nghĩa là buông xuôi để bị cuốn trôi theo dòng nghiệp mệnh. Dĩ nhiên trong cuộc sống nhiều lúc nàng phải tranh đấu để có miếng ăn. Nhưng tranh đấu không phải là tranh giành, thủ đoạn, mà chỉ là sự siêng năng cần mẫn để chịu đựng những khó khăn với lòng kiên nhẫn bao dung. Trong đôi mắt xanh nhìn đời luôn mới mẻ, thật ngạc nhiên pha lẫn nét hồn nhiên. Nàng đã hiểu vẻ đẹp ngàn đời còn nguyên vẹn đó. Vấn đề là nàng cần phải trải nghiệm, mới hòa nhập vào thế giới bình thường muôn thuở của:

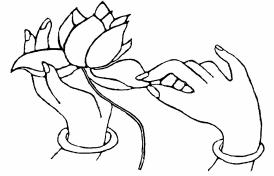
Tự do là ung dung trong ràng buộc

Hạnh phúc là tự tại giữa khổ đau (Viên Minh)

Viên Hường - Như Tuệ

Những Bí Pháp Trong Kinh Pháp Hoa

Phẩm Tín Giải Thử Tử



Tín giải là gì? Tín là tin, giải là đã hiểu một cách rõ rệt.

Vậy Tín- giải là tin tưởng và hiểu một cách rõ rệt. Phật tử mà thiếu đức tin thì không còn là Phật-tử nữa. Bởi vì những lời Phật nói ra đều là diệu dụng vô tác cả. Vô tác diệu dụng là đức Phật xử dụng được hàng trăm ngàn từ trường cùng một lúc để nghe thấy còn chúng ta chỉ xử dụng được hai hay ba từ trường từ ở lỗ tai thường để nghe và nhục nhãn để thấy thôi, cho nên chúng ta không hiểu được những lời Phật nói, do đó bắt buộc chúng ta phải tin và nếu không khéo chúng ta sẽ trở thành mê tín vậy. Trong kinh Hoa nghiêm đức Phật dạy: "Tin là nguồn đạo, mẹ công đức.

*Tin hay nuôi lớn các pháp lành ,
Tin hay nuôi lớn các pháp lành.
Tin hay vượt khỏi ba đường ma ,
Tin hay đạt được định huệ lớn ."*

Như vậy, chỉ có tín tâm hành trì lời Phật dạy con người nhờ đó mới thấy rõ chân tâm, nhận ra được Phật tánh của mình.

Trong phẩm Tín giải này, các Ngài: Tu-bồ-đề, Đại-ca-chiên-diên, Đại-ca-diếp, Đại-mục-kiền-liên, nghe Phật thọ ký cho ngài Xá-lợi-phất và mọi người đều sẽ thành Phật, nên rất vui mừng, cùng nhau sanh tín tâm và cùng nhau kể câu chuyện gã cùng tử với ông trưởng giả để ví mình là gã cùng tử, còn ông trưởng giả chính là Phật.

Trước kia ông nhà giàu và đứa con bán cùng đều ở chung một chỗ, đó là Phật độ viên giác thanh tịnh hay Phổ-quang Minh-trí. Vì vậy, không riêng gì các Ngài Tu-bồ-đề. Đại-ca-diếp mà ngay chúng ta và đức Phật đều cùng nguyên quán, tức cùng một chỗ hoàn toàn sáng suốt trong sạch, nhưng khi vô-minh bắt giác nổi lên khiến cho tâm ta vọng khởi chạy theo sắc đẹp, tham đắm bạc vàng nên bị chúng cảm dỗ bỏ nhà thanh tịnh ra đi dẫn thân vào cảnh

phàm phu, một mảnh trí tuệ quý báu cũng không có, làm đứa con hoang, như gã cùng tử bỏ cha đi lang thang suốt mấy mươi năm lưu lạc xứ người làm nghề hạ tiện để cầu sự ăn mặc, thân thể ốm o tiều tụy, rồi một hôm tình cờ đến đứng trước nhà cha mình mà không nhận ra được. Một nhà thơ cảm nhận được nỗi niềm đau xót ấy của gã cùng tử, nên viết lên những lời thơ thật thấm thía vô cùng :

*" Thuở ấy tôi từng ở với cha,
Tự tôi mê muội đến Ta Bà.
Vào sanh ra tử trong ba cõi,
Cứ mãi luân hồi chẳng thoát ra."*

Người cha nhớ thương con, nên bỏ xứ ra đi tìm con, như đức Phật xuống trần gian sống đời ngũ trược để độ chúng sanh. Nhưng lúc hai cha con gặp lại nhau thì sự cách biệt giàu nghèo quá xa. Cha thì giàu có lớn, chỉ cho Phật đầy đủ phước tướng, còn con thì quá nghèo khổ, chỉ chúng sanh tội nhiều, phước mỏng. Cha biết con mà con thì không nhận ra cha, lại tự thấy mình hèn hạ nghèo khổ không dám ngó cha. Chúng ta cũng vậy, tuy tự xưng mình là Phật tử, nhưng không dám nghĩ rằng mình là con ruột của Phật và được quyền thừa hưởng gia tài pháp bảo vô giá đó của Phật. Một thiện sư ví Phật như bậc cha lành thân vàng cao quý còn mình thì nghiệp chướng thấp hèn không gặp được, chẳng khác nào gã cùng tử bỏ cha đi hoang sống đời đau khổ, nên tủi thân than thở:

*"Phật tại thế thời ngã trầm luân,
Kim đắc nhơn thân Phật diệt độ.
Áo nào thử thân đa nghiệp chướng,
Bất kiến Như Lai kim sắc thân."*

nghĩa là:

*Phật tại thế, con còn luân hồi,
Khi Phật nhập diệt con thời sinh ra,
Xót thân nghiệp chướng xấu xa.
Nên không thấy được Phật Đà Kim thân.
(Đồng Minh dịch)*

Người con thấy thể lực của cha mà sợ đến nỗi ngã lăn bất tỉnh, chẳng khác chi người đời khi nghe Phật nói: Tất cả mọi người đều sẽ thành Phật là hoảng sợ té xỉu. Ông cha biết con mình ý chí hạ liệt sống đời nghèo khổ, quen với nếp sống hạ tiện nên không thể đột ngột thay đổi khuynh hướng được. Ông bèn dùng kế cho hai người dân thường tức là Thanh-văn và Duyên-giác đến rủ con ông vào nhà ông tức ngôi nhà Phật để làm việc ty tiện hốt phân, không xứng với địa vị chơn thật là con Phật, đồng thời ông trả công gấp đôi và cho các vật dụng khác. Con ông rất thích làm công việc dơ bẩn thấp hèn này cũng như chúng sanh thích nghe những giáo pháp thấp kém ở trời, người và bốn quả thánh rồi theo đó tu tập không dám nghĩ đến cái cao hơn. Người cha thấy con mình ý chí kém cỏi ham sống thấp hèn, nên ông cải trang thành kẻ ăn mày bình thường đến gần con dạy dỗ dần dần dần dần hồi, rồi khuyến khích nó cố gắng làm việc và hứa ban thưởng thật xứng đáng, dụ cho đức Phật dùng phương tiện quyền xảo hạ thấp tri kiến mình để nói bày theo cái hiểu cạn cợt của chúng sanh và ban cho Niết-bàn an lạc. Nhưng đứa con ông vẫn cứ ôm giữ cái ý tưởng hèn kém của một kẻ ở đợ ngủ nơi nhà kho, tức Thanh-văn và Duyên-giác, dù đã trải qua 20 năm ra vào nhà cha tức nhà Như lai, làm việc hốt rác, thu dọn phân dơ hôi thúi.

Rồi người cha có bệnh biết mình sắp chết liền gọi đứa con lại giao gia tài của ông cho con quản lý, nhưng con ông không có ý muốn dùng chi cả, giống như đức Phật đã đem tri- kiến của Phật ra lần hồi dạy bảo cho chúng sanh tu tập, thế mà chúng sanh cứ mãi hoài nghi về khả năng thành phật của mình. Sở dĩ chúng không dám tin chắc như vậy là do năm yếu tố sau đây:

- 1- Không hợp với sở kiến chúng ta tức cái biết còn hạn hẹp.
- 2- Hiện tượng kỳ lạ chưa bao giờ thấy.
- 3- Không hợp với sở tu học.
- 4- Không hợp với sở trí.
- 5- Những diệu dụng không thể nghĩ bàn được.

Một khi chúng ta tin rằng trong ta đã có sẵn Phật tánh và đã tin chắc chắn rồi thì chúng ta mới nghe kinh Pháp Hoa được, còn như cứ tin thân ngũ uẩn này là thật thì không thể nào

nghe, hiểu kinh Pháp Hoa và không bao giờ sống trong Pháp Hoa được. Vậy thì khi chúng ta lạy Phật càng chí thành thì giác tánh chúng ta càng hiển lộ và thấy được giác tính của chư Phật hằng hà ở cùng khắp trong trần gian này. Do đó, hôm nay chúng ta ngồi đây đã có Phật và chúng ta đã thành Phật một ít rồi, nghĩa là chỗ nào tâm chúng ta thanh tịnh thì chỗ ấy chính là Phật hay nói cách khác là lúc tâm ta thanh tịnh là Phật tánh đã hiển lộ và khi tâm ta tham lam, sân hận thì lúc ấy sanh tử hiển lộ. Như thế thì chúng ta vừa là Phật vừa là sanh tử.

Cảo thiên sư có bài kệ cũng nói lên ý đó như sau:

*"Thân, miệng, ý, trong sạch rồi,
Tức là đức Phật ra đời vui thay!
Thân, miệng, ý, xấu mỗi ngày,
Tức là đức Phật Nhập ngay niết-bàn.
Tâm tức Phật thật rõ ràng,
Kẻ mê tìm Phật lang thang ngoài đời.
Lòng giác ngộ tức Phật rồi,
Như rửa chân sạch lên nơi đầu thuyền.
(Đồng Minh dịch)*

Trước khi xuôi tay nhắm mắt, Ông trưởng giả cho hội họp các thân tộc lại rồi tuyên bố với mọi người gã cùng tử này chính là con ruột của ông và được thừa hưởng gia tài ông có, chẳng khác nào đức Phật sắp nhập diệt mở hội Pháp Hoa và thọ ký cho đệ tử hay tất cả chúng sanh đều sẽ thành Phật, đó là một việc mà mọi người không cầu tự nhiên lại được:

*"Chúng con ngày hôm nay,
Được pháp chưa từng có.
Chẳng phải chỗ trước mong.
Mà nay tự nhiên được.
Như gã cùng tử kia,
Được vô lượng của báu."*

Như vậy, các vị Thanh văn tự mình thật lòng nói ra những lỗi lầm là từ trước đến giờ chỉ ôm giữ pháp tiểu thừa và không có ý mong cầu pháp đại thừa. Ngày nay nghe Phật thọ ký cho hàng Thanh văn nên sanh tín tâm hướng về đại thừa.

Ý nghĩa phẩm kinh là như vậy và trong đó có những bí pháp như sau:

1- Chuyển Hóa Tánh Tự Ty

Tự tôn là tự cho mình hơn kẻ khác, còn tự ty là tự cho mình thấp hèn, không bằng người. Trong phẩm phương tiện có năm ngàn người rời bỏ pháp hội, đó là chuyển hóa tánh tự tôn, còn ở phẩm Tín giải này bốn vị thánh tăng tự cho mình là gã cùng tử hèn hạ làm nghề hốt phân tức là chuyển hóa tánh tự ty. Đạo Phật không phải là đạo tự tôn hay tự ty mà là đạo tự tại. Có tự tại mới giải thoát được mọi phiền não khổ đau của cuộc đời. Có được tự tại con người không còn vướng bận vào các thứ tài, sắc, danh, thực, thụ. Vì tham tài háo lợi nên luôn nô lệ vật chất, làm mất đạo tâm sẵn có của mình, cho nên cụ Nguyễn Công Trứ cho rằng đồng tiền vốn dơ bẩn nhưng con người rất ưa thích nó và nhiều người vì đồng tiền mà bán rẻ cả lương tâm, làm hoen ố cả gia tộc:

*"Hồi tanh nào thú vị gì,
Thế mà cũng lăm kẻ vì người yêu."*

Vì háo sắc nên chạy theo hình dáng bề ngoài giả dối mà không thấy được thật tướng của nó, cho nên bị nó làm cho khổ sở. Đắm chìm trong suối tình bể ái không thoát ra được, đó là: "Sắc bắt ba đào dị nịch như", nghĩa là sắc không phải là sóng lớn nhưng dễ nhận chìm người. Xưa vua Trụ nhà Thương mê sắc đẹp nàng Đắc Kỷ và vua Kiệt nhà Hạ say đắm sắc đẹp của nàng Bao Tự mà phải nước mất nhà tan, cho nên Xuyên Thiên sư khuyên chúng ta không nên đắm say sắc đẹp và tiếng tốt, dễ lung lạc lòng người:

*"Mắt trông thấy sắc rồi thôi,
Tai nghe thấy tiếng, nghe rồi lại không.
Trơ trơ lẳng lẳng cõi lòng,
Nhẹ nhàng ta bước ra vòng trần ai."*

Vì tham danh, tham ăn, tham ngủ, nên phải chịu vào luồn ra cúi, mất hết phẩm giá con người. Nhiều người vì một chút công danh để được giàu sang, mà phải giết vợ như Ngô Khởi bên Tàu, hoặc như Trường Chinh ở nước ta muốn tỏ lòng trung thành với đảng đã đem cha mình ra tố khổ trong việc cải cách ruộng đất, chẳng chút xót thương, cho nên ca dao ta có câu:

*"Miếng mồi danh lợi con con,
Kẻ trông ra khỏi, người mong bước vào..."*

2- Chuyển Hóa Tâm Cùng Tử.

Bốn vị thánh tăng nêu ẩn dụ gã cùng tử bỏ nhà ra đi ngụ ý nói chúng sanh đều là con Phật, đã tự bỏ bỏ tâm, chạy đi tìm ảo ảnh, may gặp được Phật pháp nhưng lại hoảng sợ, không dám phát nguyện tu hành cầu thành Phật, mà chỉ cầu quả Thịnh Văn thấp kém, như gã cùng tử kia chỉ cầu đủ cơm ăn áo mặc và làm nhiệm vụ thấp hèn hốt phân. Phân là thứ hôi thúi, dơ bẩn chẳng có ai ưa thích cả. Người tu hành chỉ chạy theo giả pháp thì chẳng khác nào gã cùng tử trải qua nhiều năm chỉ lo việc hốt phân. Ông trưởng giả giàu có chỉ cho đức Phật phải phương tiện cải trang thành lão bộc hốt phân để gần gũi gã cùng tử và dẫn dụ gã về sống kế cận rồi giao gia sản và nhận làm con. Mặc dù bây giờ được làm con nuôi ông nhà giàu trông coi hết gia tài nhưng tâm ý gã vẫn tự cho mình là nghèo hèn, ti tiện. Người cha thấy con mình chí ý hạ liệt nên ông dùng đủ mọi cách để khai hóa và chuyển đổi tâm ý khiến người con được khai ngộ. Người cha vui mừng họp các thân tộc lại tuyên bố: "Gã cùng tử này chính là con tôi, gia sản của tôi thuộc về nó."

Nhưng vì sao bốn vị thánh tăng này lại ví mình như gã cùng tử nghèo hèn làm nghề hốt phân? Đó là các Ngài tự hạ thấp mình để trừ đi cái bệnh ngã mạn cống cao mà người tu hành bị mắc phải. Các Ngài cũng mạnh dạn phơi bày hết sự thật về mình. Bởi vì dù là thánh đi nữa, cũng chỉ quanh quẩn mãi trong phần cận bã của ngôn ngữ, danh từ mà thôi. Chúng ta cứ chấp lời nói, chấp văn tự, chấp bất cứ thứ gì do thức và trí phân tích đều là cận bã cả! Điều là phân hôi thúi cả! Các Ngài dù chứng đắc thánh quả nhưng còn phân biệt có ta có người có phạm có thánh là còn nhị nguyên và còn mắc kẹt mãi trong vòng lẩn quẩn, cố ôm giữ mớ cận bã thì còn là gã hốt phân vậy.

Sở dĩ đức Phật bảo rằng kinh Pháp Hoa là mẹ đẻ các kinh, là vì nó thâm tóm tắt cả các bộ kinh về một và chỉ rõ pháp chơn thật, chỉ rõ thực pháp của các pháp. Vì vậy, khi nào còn dùng văn tự, lời nói, tư duy, phân tích, suy lường, định nghĩa này, phân lý nọ là còn giả pháp đều là những thứ phân dơ. Hơn nữa các pháp vốn như vậy, mà cũng chẳng phải một thứ vậy nào cả. Các pháp vốn chơn không mà

chẳng phải nằm ở chỗ không nào cả. Không đây là không sanh, không diệt, không dơ, không sạch. Nó là như vậy, chẳng mất chẳng còn, chẳng thêm chẳng bớt, liễu ngộ chứng đắc đến đó mới gọi là Như, Như vậy, Như Lai. Khi đã biết các pháp đều là như vậy thì còn bon chen hốt nhiều tấn phân chả ích lợi gì cho sự tu hành. Do đó sự tu học không bắt buộc phải thông cả Tam tạng kinh điển hoặc quán triệt tám muôn bốn ngàn pháp môn mà chỉ xin toàn triệt một chữ Như tức là các pháp vốn nó là Như vậy, vốn nó hằng còn, kể cả pháp thế gian vốn nó vẫn thường trú, như một thiền sư đã nói:

*"Phật pháp lưu truyền tám vạn tư,
Học hành không thiếu cũng không dư.
Hôm nay tính lại đã quên hết,
Chỉ nhớ trên đầu một chữ Như."*

3- Xây Dựng Hôn Nhân Theo Tình Cảm Và Lý Trí.

Phẩm Tín Giải, tín là tin thuộc về tình cảm, giải là lý thức nhận biết chính xác thuộc về lý trí. Việc kết hợp hôn nhân phải dựa vào hai yếu tố tình cảm và lý trí thì cuộc hôn nhân ấy mới hạnh phúc lâu dài, cho nên không thể kết hợp hôn nhân nặng về lý trí hoặc về tình cảm quá nhiều thì sẽ bị gãy đổ hoặc đau khổ suốt đời, đó là:

*"Gia đình là cái chi chi,
Chẳng nơi hỏa ngục cũng thì cùm gông,"*

Vậy thế nào là hôn nhân theo lý trí? Đó là hôn nhân do cha mẹ đặt để, hoặc theo hủ tục "môn đăng hộ đối", hoặc do mai mối mà hai người lấy nhau. Chúng ta hãy nghe tiếng kêu bi thương của cô gái bị bà mẹ nhận lễ vật ép con lấy chồng, người mà cô không thương yêu, không mấy gì tương xứng:

*"Mẹ tôi tham thúng xôi dền,
Tham con lợn béo, tham tiền cảnh hưng.
Tôi đã bảo mẹ rằng đừng,
Mẹ hậm, mẹ hực, mẹ bùng đi vào.
Bây giờ chồng thấp vợ cao,
Như đôi đũa lệch làm sao hời trời?"*

Còn hôn nhân tình cảm thì sao? Đó là hai người mới gặp nhau, chưa nói lời nào chỉ nhìn qua ánh mắt đã yêu nhau, rồi lấy nhau, bắt

chấp lời khuyên can của gia đình và không cần tìm hiểu gì về người mình yêu. Trường hợp kết hôn theo tình cảm thì một khi tình cảm bị sút mẻ dễ bị gãy đổ khó sống đời được lâu dài. Chúng ta hãy nghe người con gái tâm sự lúc hôn nhân tan vỡ:

*"Anh đi đường anh, tôi đường tôi,
Tình nghĩa đôi ta chỉ thế thôi
Đã biết duyên xưa không trọn vẹn,
Bận lòng chi nữa lúc chia phôi."*

Ngoài việc hôn nhân ra, chúng ta còn phải biết áp dụng tín giải vào đời sống giao tiếp hằng ngày. Đừng vì tình cảm dễ tin người qua sáu giác quan: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Như vì tình cảm cho bạn mượn tiền, nhưng phải dùng lý trí bắt bạn làm giấy thiếu nợ có đầy đủ chữ ký chớ không thể nói miệng, không có giấy tờ. Như vậy sẽ tránh được mọi sự phiền phức về sau. Nếu bạn đồng ý làm giấy nợ thì cho, còn không chịu làm giấy thì thôi, chớ để tình cảm lấn áp lý trí thì không được vậy.

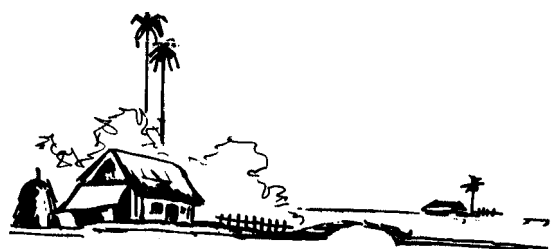
4- Lễ Nghi.

Ở phẩm này bốn vị thánh tăng quý gồi chấp tay, trích bày vai hữu, chiêm bái đức Phật rồi mới bạch Phật. Như thế là muốn nhắc chúng ta phải biết cách dạy con, cháu trong nhà cho có lễ phép "đi thưa, về trình", biết tôn ti trật tự, tùy theo từng người trong gia đình mà chào hỏi, lễ phép với người lớn tuổi hơn mình, không nên đưa mắt nhìn rồi thôi.

Xin mượn bài kệ của thiền sư Hương Hải để kết luận cho bài này:

*"Tìm trâu, tìm dấu chân trâu
Dấu còn, trâu chẳng mất đâu bao giờ.
Những người học đạo chớ ngờ,
Vô tâm thì đạo có cơ dễ tìm."*

Đồng Minh



Vài Nét Về Mảnh Đất Cairnlea



Ai cũng biết, trong những tháng ngày qua, công cuộc vận động gây quỹ tài chánh và thi công cho công trình xây cất một Trung tâm Giáo hội Phật giáo Úc Châu tại Cairnlea, rất sôi động phần khởi nhiệt tình. Vì đó là một cơ sở mới mang tính cách biệt lập của Giáo hội. Có thể nói, kể từ khi Giáo hội được thành lập cho đến nay (1981 - 2018) trải qua gần ba thập niên ở Úc, Giáo hội chưa bao giờ có được một trụ sở khang trang mỹ quan biệt lập như thế. Được thế, phải chăng cũng nhờ sự quan tâm nỗ lực tích cực ủng hộ đóng góp tài vật chung của tất cả mọi người, mọi giới. Nhưng người có trách nhiệm đứng ra kêu gọi đôn đốc thúc đẩy cho công việc vận động gây quỹ tài chánh có đủ chi phí để trang trải qua từng giai đoạn xây cất, phải công tâm mà nói đó là nhờ công lao vận động gây quỹ tích cực của Ban vận động gây quỹ tài chánh mà vị trưởng ban là bác sĩ Phạm Phúc Nhân. Điều này, cứ nhìn vào những bản báo cáo tài chánh với những số tiền thu được qua từng thời điểm cũng đủ để chứng minh cho chúng ta thấy rất rõ điều đó. Khi chúng tôi viết bài này, thì hiện công trình xây cất vẫn đang được tiếp tục tiến hành. Có thể nói, công trình đã đi qua được hơn phân nửa đoạn đường, với tổng số kinh phí trong 8 tháng qua có trên 2 triệu dollars Úc. Tuy nhiên, phần còn lại, công trình xây cất hiện đang gặp phải trở ngại khó khăn về mặt tài chánh. Do đó, nên Ban vận động gây quỹ tài chánh luôn cố gắng tiếp tục ráo riết vận động gây quỹ bằng cách cho phát hành vé số và tổ chức các buổi đại nhạc hội ở những tụ điểm khác nhau. Theo chỗ chúng tôi được biết, thì thời gian đã được Ban tổ chức quyết định sẽ cho xổ số vào ngày 29/7/DL 2018 tại Chùa Quang Minh, với các giải thưởng như chiếc xe BMW trị giá 63.000 Úc kim và vàng. Đồng thời, các buổi đại nhạc hội cũng sẽ được tổ chức ở các địa điểm: Chùa Hoa Nghiêm - Melbourne và Chùa Phước Huệ - Sydney, với

sự góp mặt của hai danh ca nổi tiếng: Mai Thiên Vân, Trường Vũ và MC Việt Thảo.

Mong sao với những thời điểm gây quỹ như thế tin rằng sẽ được quý đồng hương Phật tử tích cực ủng hộ nồng nhiệt để cho công cuộc xây dựng Trung tâm Giáo hội Phật giáo nói trên sớm được hoàn thành viên mãn tốt đẹp như ý nguyện.

Điều mà ai cũng muốn biết lý do nào mà Giáo hội lại có được một mảnh đất lý tưởng như thế. Chính tôi cũng được nghe một vài người hay thắc mắc về vấn đề đó. Theo tôi, việc này ngoài hai Thầy Thiện Tâm và Thầy Phước Tấn ra, còn có một người rất am tường ngay từ buổi sơ khai tạo mãi đất đai, người đó không ai khác hơn là Kiến trúc sư Lê Đình Châu. Thật vậy, anh Châu là người trực tiếp phụ trách phân vụ của miếng đất từ trước tới nay. Khi được hỏi về nguyên ủy của miếng đất, anh Châu không ngần ngại hoan hỷ cho chúng tôi biết: "Phải thành thật mà nói quả đây là một duyên lành rất lớn cho Giáo hội chúng ta khi có được miếng đất này. Có thể nói nội vụ được khởi đầu từ năm 2008, lúc đó bác Quản đang làm hội trưởng Hội Cao Niên và Trung tâm dưỡng lão Mekong. Bác giao phó cho chúng tôi nghiên cứu thiết kế quy hoạch trên mảnh đất hiện nay tính chung khoảng 3 hecta, mà chánh phủ đã rao bán, dưới sự giám định của Vic Urban. Trước đó khoảng hai hoặc ba năm, bác Quản có gởi thư xin chính quyền tiểu bang, lúc đó ông Steven Brack đang làm thủ hiến tiểu bang Victoria. Sau khi được chính quyền duyệt xét, may mắn là "Hội Mê Kông" đã được lựa chọn cho tham gia dự thầu miếng đất cùng với một vài công ty và các tổ chức khác. Tuy nhiên, có điều là không giống như những việc mua bán đất đai bình thường khác,

nghĩa là chính quyền đòi hỏi chúng ta phải đệ trình hồ sơ thiết kế đồ án quy hoạch những gì mà chúng ta muốn xây cất trên miếng đất để cho Vic Urban duyệt xét trước. Nhờ có nhiều kinh nghiệm về loại thiết kế này, và sở nguyện của Hội là xây 1 Aged Care, nên đất còn lại sẽ thiết kế thành một làng người già (Retirement Village), và may mắn trong phần hướng dẫn của Vic Urban, họ cũng đề nghị ngay góc đường Furlong road và Cairnlea Drive có thể là một Religion Centre, (Trung tâm tín ngưỡng tôn giáo) để tạo thành một 'gateway' (cổng vào) điểm nhấn cho lối vào thành phố Cairnlea, nên hồ sơ thiết kế chúng tôi đệ trình bao gồm một ngôi Chùa của chúng ta ở đây, một trung tâm dưỡng lão và 46 căn nhà cho người trọng tuổi hưu trí.

Anh Châu cho biết thêm, mọi thủ tục đầu vào đó, thì khoảng vài tháng sau, bác Quản báo tin vui, chúng ta đã được lựa chọn vào vòng hai, vòng này còn lại 3 nhóm, có nghĩa là hoạch định các hạng mục công trình của chúng ta đã được duyệt xét và chúng ta phải đệ trình giá đất. Giá chúng ta bỏ là 2 triệu. Lúc này bác Quản có mời ông Sam Ty để lo phần đất nhà cho người già, và chúng tôi mời Thầy Thiện Tâm và Thầy Phước Tấn lo phần đất của chùa. Một hai tháng sau, chúng ta đã được Vic Urban gọi yêu cầu tu chỉnh giá cả, vì giá chúng ta quá thấp, lúc này Hội có mời ông Thi Tran, con trai bác Quản để góp ý trên vấn đề giá cả, giá chúng ta được tăng lên thành 2.5 triệu. Và kết quả cuối cùng chúng ta đã thắng. Vui mừng thay! Hội Mê Kông đã có được miếng đất cho một Trung tâm dưỡng lão, và chúng ta có một lô đất cho Trung tâm Giáo hội Phật giáo Úc Châu hôm nay. Rất tiếc là sau đó công ty thiết kế kiến trúc của chúng tôi chỉ tiếp tục vẽ và xin giấy phép quy hoạch (town planning) cho chùa và bảo tháp, còn Age Care và khu nhà cho người già thì lại được giao cho các công ty khác thiết kế.

Sau đó, chúng tôi tiếp tục thiết kế đồ án và nộp hồ sơ quy hoạch vào Hội Đồng Thành Phố Brimbank, tức chính quyền địa phương vào năm 2010. Kéo dài mãi đến tháng 8 năm 2012, chúng tôi mới có trong tay giấy phép chấp thuận để xây dựng một Trung tâm Giáo hội

Phật giáo trên mảnh đất rộng 4500m² bao gồm: "Trung tâm hành chánh Giáo hội Trung ương để điều hành các công việc Phật sự tại Úc Châu; khu Phật học dành cho chư Tăng Ni và Phật tử thảo luận và nghiên cứu Phật pháp; Hội trường đa dụng là nơi các tổ chức các sự kiện lễ hội cho Giáo hội cũng như sinh hoạt các đoàn thể Phật tử địa phương. Bên cạnh đó, công trình còn có khu tịnh dưỡng cho chư Tăng, Ni cao tuổi sau khi phụng sự đạo pháp, đến tuổi già có nơi an dưỡng". Đặc biệt còn có cái Bảo Tháp cao 24m, ngay tại góc đường Cairnlea drive và Furlong Road, một vị trí rất thuận lợi về mọi phương diện, xung quanh cảnh trí quang đảnh, sân thể thao đối diện, trung tâm thương mại bên kia đường, trường đại học, xe lửa, xe buýt đều nằm trong khoảng cách mà chúng ta có thể đi bộ trong vòng 20 hoặc 30 phút. Và quan trọng hơn nữa Trung tâm Giáo hội Phật giáo Cairnlea như một công trình 'landmark', một 'gateway' một công trình mang sắc thái theo lối kiến trúc mỹ thuật của nền văn hóa Phật giáo Việt Nam dẫn vào thành phố Cairnlea".

Trên đây, chúng tôi dẫn lời đại khái những gì mà anh Châu cho chúng tôi biết về nguyên ủy của việc mua đất và thiết kế. Cần nói thêm, lúc đầu là hai chùa Quang Minh và Hoa Nghiêm đứng ra mua và sau đó thì hai chùa đồng ý là xin nhượng lại phần đất này cho Giáo hội. Trong bức tâm thư kêu gọi sự hỗ trợ đóng góp tài vật của quý đồng hương Phật tử do hai Thầy Thiện Tâm và Thầy Phước Tấn thay mặt Giáo hội ký tên, trong đó có nêu rõ mục đích chính như sau:

- Liên hợp các tự viện để điều hành các Phật sự nhằm phát triển Phật giáo tại Úc Châu.
- Tạo nơi hội họp sinh hoạt lợi ích cho cộng đồng như: giáo dục, từ thiện, xã hội, y tế và thể thao.
- Xây dựng bảo tháp nhằm nuôi dưỡng đời sống tâm linh như: cầu nguyện, thiền định, tụng niệm, giảng dạy và tu học.
- Xây dựng mái nhà chung cho chư Tăng Ni có nơi an dưỡng khi tuổi già sức yếu.

Đó là mục đích nhằm minh họa một đường hướng chung cụ thể trong sự sinh hoạt tại cơ

sở này. Điều mà không ai lại không vui mừng khi nhìn thấy khu đất này đã trở thành một mảnh đất linh thiêng đầy hứa hẹn để mọi người quy hướng tu học. Trong bức thư kêu gọi, có đoạn nêu rõ cái chủ đích mà Giáo hội nhắm tới: *"Đây là cơ sở hành chánh, giáo dục, cũng là nơi tu học, là môi trường ứng dụng, hành trì các pháp môn trong đạo Phật cho cộng đồng Phật tử Úc Châu. Sự thành tựu công trình xây cất này không những góp phần tạo dựng một quần thể kiến trúc văn hóa Phật giáo để lại cho con cháu đời sau, mà còn là môi trường cho Phật tử tại gia, xuất gia trau dồi đầy đủ: hạnh đức, tâm đức và tuệ đức để phục vụ cho đạo pháp và chúng sinh"*.

Nhìn chung, ta thấy hoạch định đường hướng hoạt động của Giáo hội luôn đặt nặng về các vấn đề chủ yếu then chốt: văn hóa, hành chánh, giáo dục và xã hội... Đó là chủ trương hoạt động của Giáo hội trước sau như một. Còn phần lễ nghi cúng bái tụng niệm thuộc phạm vi tín ngưỡng thông thường, thì được coi là phần thứ yếu. Vì đó không phải là phần chủ yếu của sự sinh hoạt mà Giáo hội nhắm tới.

Nếu không như thế, thì nơi đây cũng sẽ trở thành một ngôi chùa phục vụ tín ngưỡng giống như các ngôi chùa khác. Và như thế, thì không còn sinh thức thuần túy độc đáo đặc sắc của một Trung tâm văn hóa giáo dục Phật giáo, nhất là về mặt tương quan hành chánh của Giáo hội. Có thể thì mới đúng với ý nghĩa danh xưng đặc thù trong chiều hướng tâm linh mà không đặt nặng về vấn đề hình thức của một tôn giáo. Bởi đạo Phật là con đường đưa nhơn sinh đến phương trời giác ngộ giải thoát. Vì đạo Phật có cả một kho tàng tuệ giác. Còn hình thức tín ngưỡng chỉ là cái vỏ bề ngoài của đạo Phật. Đó không phải là bản chất của đạo Phật. Vì thế, hy vọng những sinh hoạt của Giáo hội nơi đây sẽ tạo nên một sinh khí mới, một vận hội mới, một đường hướng mới thiết thực hơn trong vấn đề giải quyết đời sống tâm linh theo chiều sâu của một nền văn hóa giáo dục Phật giáo. Nói rõ hơn là phải cắm sâu gốc rễ vào mảnh đất tâm linh bằng những pháp môn tu tập thực tiễn theo tinh thần giác ngộ và giải thoát của đạo Phật vậy.

Tịnh Đức

Bớt

Đi!

Thanh Trì

*Bớt đi lắm chuyện nhiều lời
Ráp tâm nói xấu hại đời người ta
Bớt đi "nổ lớn" ba hoa
Khoe tài, khoe của thêm mà hại thân
Bớt đi nóng nảy tham sân
Để tâm thiền quán mê lầm tiêu tan
Bớt đi phách lối ngang tàng
Khiêm cung lễ độ an nhàn tẩm thân
Bớt đi tham những hại dân
Của tiền phi nghĩa mòn dần tiêu hao
Bớt đi tâm loạn động dao
Giữ tâm an định mới mau đạo thành
Bớt đi tham lợi tham danh
Phù du mộng ảo tranh giành làm chi!
Bớt đi bàn luận thị phi
Chỉ thêm phiền muộn ích gì mà tranh
Bớt đi lời nói chua chanh
Giữ tâm thanh tịnh an lành mọi nơi*



(tiếp theo)

19. Khi nghe pháp tay vẫn lần chuỗi niệm Phật có lỗi không?

100

Câu hỏi Phật pháp

Tập 2

PHƯỚC THÁI

Hỏi: Kính bạch thầy, trong lúc nghe pháp, con thấy có một vài vị tay vẫn lần chuỗi. Như thế có được không? Và có lỗi gì không?

Đáp: Theo tôi, điều này dĩ nhiên là có lỗi rồi. Lỗi ở đây không phải là lỗi ở nơi tay lần chuỗi mà lỗi ở nơi phân tâm. Khi nghe pháp, thì ta nên tập trung tâm ý vào những gì mà vị giảng sư đang thuyết giảng trình bày. Nếu như vừa nghe mà vừa lần chuỗi, như vậy tâm nào theo dõi để nghe và tâm nào để vào việc niệm Phật lần chuỗi? Nếu như chỉ lần chuỗi cho có lệ không cần niệm Phật, thì đó là mắc phải cái lỗi chỉ biết lần chuỗi theo thói quen thôi, kỳ thật thì không có tha thiết chú tâm vào việc niệm Phật chi cả. Như thế, đủ chứng minh rằng, vị đó chỉ thích lần chuỗi cho những hạt chuỗi của mình mau được bóng láng cho đẹp, để khoe với thiên hạ là mình chuyên niệm Phật nhiều nên chuỗi mình mới lóng lánh như vậy. Đây là mắc phải cái lỗi cầu danh tướng.

Lỗi thứ hai, là khi lần chuỗi, tất nhiên là mình sẽ gây tiếng động, dù chỉ là tiếng động rất nhỏ cũng làm cho người ngồi kế bên họ bị phân tâm bức mình khó chịu. Như thế, thì mắc thêm cái tội là làm động tâm niệm của người khác. Nếu những Phật tử nào đã mắc phải lỗi lầm như thế, thì tôi thành thật khuyên Phật tử nên chừa bỏ. Vì lần chuỗi là cốt để niệm Phật. Công dụng của chuỗi là như thế. Đàng này, lần chuỗi không phải để nhiếp tâm niệm Phật mà chỉ lần chuỗi theo thói quen thôi. Đây là điều không thể chấp nhận được. Vì lần chuỗi như thế làm sao có lợi ích?

Giả như, khi lần chuỗi mà mình có niệm Phật đi chẳng nữa, thì cũng mắc phải cái lỗi lầm là khinh pháp. Vì hiện tại là giờ nghe pháp chứ đâu phải là giờ lần chuỗi niệm Phật. Như thế, chứng tỏ rằng, mình không quan tâm gì đến thời pháp thoại cả. Không quan tâm theo dõi thì thử hỏi làm sao mình có thể lãnh hội lời Phật Tổ chỉ dạy cho được. Thầy giảng sư là người thay Phật tuyên dương chánh pháp.

Thầy chẳng qua cũng chỉ là trình bày lại những gì mà trong kinh điển đã nói. Nếu như khi nghe pháp mà ta không chú tâm, thì mắc phải cái lỗi lớn là xem thường lời Phật Tổ chỉ dạy.

Lần chuỗi trong khi nghe pháp là mắc thêm một cái lỗi nữa là lần chuỗi phi thời. Khi nghe pháp thì lại lần chuỗi, rồi lúc niệm Phật thì lại để tâm thích nghe chạy theo thanh trần. Việc làm đó được đánh giá là không có ngăn nắp trật tự. Người làm việc có ngăn nắp, thì giờ nào ra giờ đó. Không thể lộn xộn xà ngầu được. Hơn nữa, một người mà làm hai việc cùng một lúc, thì người đời thường nói, đó là kẻ bắt cá hai tay. Rốt lại, chỉ thêm một sức chớ không được lợi lạc chi cả!

Tóm lại, khi chúng ta làm một việc gì, thì phải để tâm chú ý vào việc đó. Kinh nói: “*Chế tâm nhưt xứ vô sự bất biện*”. Nghĩa là chú tâm vào một chỗ, thì không việc gì chẳng xong. Do đó, không nên vừa làm việc này lại nghĩ đến việc khác. Như thế, thì ta sẽ không thể nào có kết quả tốt đẹp được.

20. Niệm Phật chưa được nhưt tâm bất loạn, có được vãng sanh không?

Hỏi: Trong Kinh A Di Đà Phật dạy, người niệm Phật được nhưt tâm bất loạn, thì khi lâm chung Phật và Thánh chúng mới tiếp dẫn người đó về Cực lạc. Nếu chúng con niệm Phật chưa được nhưt tâm, thì khi chết chúng con có được vãng sanh hay không?

Đáp: Trong Kinh Di Đà Phật dạy, nếu hành giả nào chí tâm niệm Phật miên mật tương tục không gián đoạn, từ một ngày cho đến bảy ngày, thì người đó sẽ được nhưt tâm bất loạn và khi lâm chung sẽ được Đức Phật A Di Đà cùng chư Thánh chúng phóng quang tiếp dẫn về Cực lạc. Đồng thời, người đó sẽ lên ngay Thượng phẩm thượng sanh. Trường hợp nếu

như Phật tử niệm Phật chưa được nhứt tâm, thì cũng vẫn được vãng sanh. Tuy nhiên, với điều kiện là Phật tử phải có đầy đủ tín tâm và nguyện lực tha thiết mới được. Còn đạt được phẩm cao hay thấp, điều đó còn tùy theo sự nỗ lực chuyên cần công phu niệm Phật của Phật tử. Nếu Phật tử chuyên nhứt niệm Phật như trong Kinh Di Đà nói, thì chắc chắn Phật tử sẽ được vãng sanh ở vào phẩm vị cao.

Nhân đây, chúng tôi cũng xin được trích dẫn những lời chư Tổ chỉ dạy rai rác trong các Kinh điển Tịnh độ để chứng minh. Đồng thời cũng để cho Phật tử có thêm niềm tin vững chắc về pháp môn niệm Phật mà Phật tử đang hành trì.

Trong quyển Hương Quê Cực Lạc do cố Hòa Thượng Thích Thiên Tâm dịch, có nêu ra những lời khuyên bảo của các bậc cổ đức về việc niệm Phật cầu vãng sanh như sau.

Đại Sư Trí Giả nói: “Muốn quyết định được sanh về Tây phương cần phải đủ hai hạnh: *“yếm ly và hân nguyện”*”.

Thế nào là hạnh yếm ly?

Hành giả phải quán sát thân này đầy đủ sự nhơ nhớp, chịu nhiều nỗi đau khổ, không có chi là vui mà sanh lòng nhàm chán muốn thoát ly. Nghĩ tưởng như thế thì lửa dâm dục phiền não lần lần giảm bớt. Lại phát nguyện cầu được vĩnh viễn xa lìa cõi trần khổ lụy, không còn thọ cái nghiệp thân nam nữ, máu mủ tanh hôi, đắm mê theo ngũ dục, cầu được mau về Tịnh độ chứng thân pháp tánh trong sạch quang minh. Đó là hạnh yếm ly.

Thế nào là hạnh hân nguyện?

1. Nên nghĩ chúng sanh chìm trong biển khổ, mình là phàm phu không đủ sức cứu độ. Nay tha thiết muốn về Cực lạc, gần gũi với Phật tu hành chứng quả vô sanh, để độ thoát lấy mình, báo đáp bốn ân, cứu chúng sanh khổ não. Đó là mục đích cầu sanh.

2. Duyên tướng báo thân của Phật sắc vàng sáng rỡ. có 84.000 tướng, mỗi tướng có 84.000 vẻ đẹp, mỗi vẻ đẹp phóng ra 84.000 tia sáng, soi khắp pháp giới nhiếp lấy những chúng sanh niệm Phật. Lại quán tưởng cõi Cực lạc bảy báu trang nghiêm, đầy đủ sự an vui màu nhiệm mà sanh lòng ưa thích. Do đó, gắng sức bố thí, trì

giới, niệm Phật, tu các hạnh lành, rồi đem hồi hướng, nguyện mình cùng tất cả chúng sanh đều được sanh về Tịnh độ. Làm như thế thì quyết định vãng sanh, và đây là hạnh hân nguyện”.

Hoài Cảm Đại Sư dạy: “Chí tâm niệm Phật tức là ý nghiệp làm lành, xưng danh hiệu Phật là khẩu nghiệp làm lành, chấp tay lễ bái là thân nghiệp làm lành. Do ba nghiệp ấy làm lành, nên có thể diệt tội nặng sanh tử trong tám mươi ức kiếp, nhờ hạnh nguyện nương nhau, quyết định được vãng sanh”.

Không Cốc Đại Sư dạy: “Một môn niệm Phật là đường lối tu hành thẳng tắt. Hành giả phải xét rõ thân này giả dối, việc thế như chiêm bao, duy cõi Tịnh độ là đáng nương về, cầu niệm Phật là có thể nhờ cậy. Rồi tùy phận mà niệm Phật hoặc mau, hoặc chậm, hoặc tiếng thấp, tiếng cao, đều không câu ngại. Chỉ nên để cho thân tâm nhàn đạm, thâm nhớ chẳng quên, khi huờn, gấp, động, tịnh, vẫn một niệm không khác. Niệm như thế, ngày kia xúc cảnh chạm duyên, bỗng nhiên tỉnh ngộ. Chừng ấy mới biết cõi Tịch Quang Tịnh Độ không rời nơi đây, Phật A Di Đà chẳng rời tâm mình. Nếu lập tâm muốn cầu tỏ ngộ thì trở lại thành chướng ngại, nên chỉ lấy lòng tin làm căn bản, chẳng tùy theo tạp niệm mà thôi. Hành trì như thế, dù không tỏ ngộ, khi chết cũng được sanh về Tây phương, theo giai cấp mà tiền tu, không còn lo thôi chuyển”.

Tóm lại, qua những lời dẫn chứng của chư Tổ dạy trên, thì chúng ta chỉ cần lấy việc trì danh niệm Phật làm chánh hạnh và cố gắng tu các trợ hạnh lành khác, có bao nhiêu phước đức đều hồi hướng về Cực lạc. Đồng thời, chúng ta cũng phải có niềm tin vững chắc và lập nguyện thiết tha cầu sanh Cực lạc. Bởi người tu theo pháp môn Tịnh độ, điều kiện tiên quyết muốn được vãng sanh Cực lạc là phải hội đủ hai yếu tố căn bản: Tín và Nguyện. Tín sâu, nguyện thiết, còn việc thật hành niệm Phật hoặc tu các hạnh lành, điều đó còn tùy thuộc vào sự chuyên cần hay không.

Nếu hành giả niệm Phật chuyên cần, thì sẽ đạt được phẩm cao. Còn nếu không được tinh chuyên lắm, thì sẽ vãng sanh ngạ tọa ở phẩm thấp hơn. Chín phẩm liên hoa ở cõi Cực lạc là để phẩm định người hành trì niệm Phật ở cõi

này. Đó là để đánh giá sự hơn kém cao thấp trong việc niệm Phật chuyên cần hay giải đãi mà thôi. Còn như người niệm Phật được “*nhứt tâm tam muội*”, thừa thật với Phật tử đối với căn cơ thời mạt pháp hiện nay, thì muôn người không dễ có một. Phật tử cứ y theo lời Phật Tổ chỉ dạy mà giữ vững tín tâm nỗ lực hành trì. Được thế, thì lo gì không được vãng sanh. Đó là điều quyết chắc không còn gì phải nghi ngờ nữa cả.

21. Sau khi chết, rảy tro cốt xuống biển hoặc làm phân cho cây cỏ có lỗi gì không?

Hỏi: *Kính bạch thầy, con có một câu hỏi, xin thầy hoan hỷ giải đáp. Sau khi chết qua 49 ngày, con muốn người nhà đem tro cốt của con rảy xuống biển hoặc chôn làm phân cho cây cỏ. Như thế, xin hỏi con có lỗi gì không?*

Đáp: Xin thưa, việc làm đó quyết không có lỗi chi cả. Chẳng những không có lỗi mà nó còn rất phù hợp với chánh lý nữa. Bởi thân này là do bốn đại: đất, nước, gió, lửa, kết hợp tạo thành. Khi còn đủ duyên thì nó còn hoạt động, nhưng khi hết duyên thì nó tự tan rã thế thôi. Như vậy, cái mà mình gọi là sống đó, chẳng qua là do duyên sống, duyên tan. Kỳ thật, thì không có gì là thật mình cả. Đạo Phật nói đó là vô ngã. Tức không có cái ta chủ thể cố định. Xác thân này chỉ là vô thường giả huyễn.

Lúc còn sống, thì mình nuông chiều cung phụng cho nó đủ mọi thứ trên đời. Nghĩa là, chúng ta phải đáp ứng đúng theo mọi nhu cầu đòi hỏi của nó. Ba thứ nhu cầu tối thiết yếu của nó là : “ăn, mặc, ở”. Bởi do phục vụ làm nô lệ cho nó, nên cả đời chúng ta phải chịu nhiều điều khổ lụy vì nó. Nhưng dù cho chúng ta có cung phụng nuông chiều nó đến đâu đi nữa, cuối cùng rồi, thì nó cũng phản bội bỏ chúng ta mà ra đi thôi. Bởi thực chất của nó là thứ giả dối tạm bợ. Chúng ta dù có làm đủ mọi cách để duy trì kéo dài mạng sống, nhưng nó nào có tuân hành làm theo ý muốn mệnh lệnh của ta đâu!

Có người, lúc sống thì phục vụ cho nó tối đa không dám làm điều gì trái ý nó. Đến khi xuôi tay nhắm mắt rồi, mà họ cũng vẫn còn luyến tiếc cái thân xác hôi thúi này. Họ tìm đủ mọi cách để cất giấu che giấu nó cho thật kỹ lưỡng.

Người giàu có thì họ làm mồ xây mả cho thật đẹp. Họ nghĩ rằng, làm như thế cho người mất có chỗ sang trọng để ở khỏi phải tủi thân. Đây là theo quan niệm của Nho giáo xem “ Sự tử như sự sanh”. Lúc còn sống xử sự như thế nào, thì sau khi chết cũng phải như thế đó. Đây là biểu lộ tấm lòng tình cảm giữa người còn sống và người đã chết. Việc làm này, theo một phương diện nào đó, ít ra, cũng nằm trong lãnh vực văn hóa.

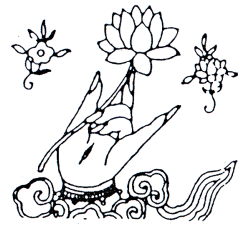
Còn người không có khả năng tiền bạc dồi dào, thì họ mua cái hũ nhỏ bỏ tro cốt vào đó để thờ. Người có tiền khá giả một chút, thì họ đem vô nhập tháp ở trong chùa. Còn không, thì họ để ở nhà thờ. Nhưng ít có ai thờ tro cốt ở nhà. Thật ra, việc làm đó một phần, là vì người Phật tử chưa thấu hiểu Phật pháp. Phần khác, là họ chỉ làm theo tục lệ xưa bày nay bắt chước mà thôi. Điều đó, thiết nghĩ, cũng không có gì là sai trái cả.

Còn như Phật tử đã hiểu được đạo lý Phật dạy rồi, thì sau khi chết, di chúc lại cho con cháu: “*sau khi thiêu xong, nên đem tro cốt rảy xuống biển, hoặc chôn vào gốc cây để làm phân bón cho cây cỏ*”. Thiết nghĩ, như vậy còn có lợi ích hơn. Vì thân này là chúng ta tạm vay mượn của tứ đại, khi không còn xài được nữa, thì phải trả trở về nguyên quán của nó. Như thế, thì mới hợp tình hợp lý. Và như thế, mới đúng theo luật nhân quả là hễ có vay mượn thì phải có trả.

Đồng thời, Phật tử được cái lợi thực tế nữa là khỏi phải tốn kém tiền bạc của mình hoặc của con cháu. Thay vì sử dụng đồng tiền cho việc làm mả mồ tốn kém, hoặc đem vào thờ ở trong tháp, thì chúng ta nên đem đồng tiền đó để bố thí cứu giúp cho những người không may, họ đang lâm vào hoàn cảnh đau khổ ngút ngàn như tàn tật, đau ốm, đói khát v.v... Như vậy, thật là có ích lợi vô cùng. Tuy nhiên, ở đây, chúng tôi cũng xin thưa rõ, chúng tôi chỉ dựa theo quan điểm của Phật giáo mà trả lời theo câu hỏi của Phật tử đã nêu ra. Chớ tuyệt đối, chúng tôi không dám có cái ý kích bác hay chống đối bất cứ việc làm của ai trong vấn đề này. Vì chúng tôi luôn tôn trọng niềm tin và quan niệm của mỗi người.

(còn tiếp)

Ai Tu? Ai Giác Ngộ



Trên cao, mây vẽ những mảng chập chùng giữa tầng không một màu lam bạc, trời Sydney vẫn chưa tỉnh giấc nhưng âm thanh xe cộ ngược xuôi đã đánh thức một bình minh của tập nập mưu sinh. Vy tản bộ cùng làn gió sớm mơn man dịu dàng thanh khiết. Cần khôn bưng vớ trong nòng từng lỗ chân lông, vũ trụ đang thở sâu mùi tinh khôi bát ngát trọn vẹn nét nguyên sơ tĩnh lặng. Khoảnh khắc ấy, không còn biên giới cách ngăn giữa Vy với vạn loài, giữa Vy và người trong thế giới tương giao vĩnh hằng lấp lánh một loại tình thương toàn chân mỹ thiện.

*

Là một đứa bé lớn lên nơi xứ người mang ít nhiều nền giáo dục phóng khoáng tây phương, những năm ở đại học nàng thường được nghe những vị Thiền sư đến trường giảng Pháp. Sau khi tốt nghiệp, nàng và các bạn rủ nhau qua trường Thiền Miến Điện dự khóa tu mười ngày. Sau khóa tu, nàng nói với các bạn: "Mẫu bạn trai lý tưởng của mình là người phải biết Thiền".

Bạn bè cười nhạo về sự ngây ngô của nàng, nhưng sau đó các bạn phải lo kiếm việc và đi làm trở lại đời thường, còn nàng lại tiếp tục đăng ký những khóa khác kéo dài một tháng. Sau khóa tu lần hai, nàng tự nhủ: "Bạn trai của mình phải là người Thiền giỏi và phải đạt quả Dự Lưu."

Vy kể Ngọc nghe cách suy nghĩ tìm chồng giữa chốn Thiền môn. Ngọc chăm chú nhìn Vy, Vy rất đẹp! Một gương mặt dịu dàng thanh tao thu hút như vậy, sẽ có biết bao chàng động lòng ái mộ. Bỗng Ngọc lặn xuống ghé ôm bụng cười nắc nẻ, chưa bao giờ Ngọc nghe chuyện lạ đời đến thế, đi dự khóa tu để kiếm người vào dòng thánh làm chồng! Nhưng Ngọc bỗng ngưng cười khi thấy nét mặt ngây thơ thánh thiện, cặp mắt to đen lay láy của Vy đang chăm chú nhìn mình, Vy không hiểu tại sao Ngọc cười khi nàng có ý định tìm một

người chồng ần tình huynh muội, chàng sẽ không bao giờ thôi thất tâm bồ đề, chàng sẽ là áng mây hồng che bóng mát mái hiên nàng. Nàng nghĩ rằng nếu có được một người chân tu luôn luôn sát cánh sách tấn bên nhau thì mới có thể lợi ngược dòng và không bị nước cuốn phăng trở lại.

Sau những khóa tu thiền đó, Vy vẫn chưa có tiến triển nào bởi nàng lắc đầu mỗi khi Ngọc muốn đề cập đến vấn đề này. Nên cả hai người bạn thân chỉ sẽ chia nhau những buồn vui trong nghề nghiệp.

Qua vài lần đến xứ người tu tập, khi trở về cuộc đời thường nhật, nàng vẫn còn hoài man mác lên đèn trong những lúc trái lòng.

Quyết định ra đi lần cuối, Vy tôi luyện cho nàng một sức chịu đựng vững vàng mạnh mẽ bên trong hơn. Vy không còn ý nghĩ muốn lấy chồng thuộc dòng thánh mà quyết tâm muốn tự mình chứng thánh.

Khóa tu lần này, do quá nỗ lực tu tập mà nàng bị một cơn bạo bệnh đành phải bỏ cuộc. Trong lúc nằm dưỡng bệnh, Vy tự hỏi tại sao ta phải ngồi thiền? Ai tu đây? Tại sao phải tham cầu giác ngộ? Ai giác ngộ đây? Ai sống? Và ai chết?

Vy không còn tham dự bất cứ khóa tu nào, vì sức khỏe không cho phép. Nàng trở về với đời sống cư sĩ tại gia, tự bản thân giữ giới chỉnh chu từng hành động hiền thiện ích lợi đến tha nhân. Bạn bè khen Vy đang làm chủ một gia tài vô giá mà không ai có thể cướp đoạt được, chỉ có Vy mới nhận ra nàng chưa thật sự bình an nhưng nàng không biết tại sao, những câu hỏi ngày nào cứ lớn dần mãi không vơi. Năm 2009 đang trong giờ làm việc, đầu dây bên kia tiếng Ngọc vồn vã reo mừng: - Vy à, có vị sư tu theo hệ phái Nguyên Thủy ở Việt Nam sắp qua Sydney giảng Pháp, nghe

nói Sư dạy Thiền hay lắm đó, em có muốn gặp Sư không?

Lần đầu được diện kiến Thầy, Vy vô cùng xúc động, không biết căn duyên từ kiếp nào, mà nàng cảm thấy rất thân thuộc, cử chỉ ung dung tự tại cùng lời dạy giản dị uyên thâm, trong lòng nàng càng thêm tôn kính. Nàng biết từ đây sẽ không còn tìm kiếm vị Thầy nào khác. Những câu hỏi của Phật Tử dù có khó khăn mấy Thầy đều giải bày với sự hoan hỷ của mọi người. Nhưng nàng vẫn còn mong mỗi khao khát chứng đạt cái gì đó vĩ đại hơn. Thời gian trôi như sóng âm ỉ vỗ mạn thuyền, Vy hiểu nàng vẫn lênh đênh thăm lặng còn cách bến bờ một vạn trùng xa thẳm.

Đêm nay, nằm trên giường thân thể bị rêm đau kịch liệt, chỉ có cơn đau đang hoành hành chứ không phải tôi đau, không hề đối kháng, một sự buông xả hoàn toàn...

Nàng cảm thấy mình không còn sợ hãi cái chết, không còn lo lắng về tái sanh, vì tái sinh là chuyện của pháp. Còn luân hồi sinh tử là ở thái độ tâm của mình, những hồi tưởng quá khứ gọi là luân hồi, bị trói buộc trong những ảo vọng tương lai gọi là sinh tử. Thấy ra được sự sai lầm này gọi là giác ngộ, không còn bị những sai lầm này trói buộc gọi là giải thoát. Ôi! Nghiệp báo vô cùng giá trị vì chúng ta biết nhận nó làm bài học cho sự giác ngộ trần gian. Nếu đời mà tuyệt đối hoàn hảo thì sẽ không còn là hành trình khám phá đầy bất ngờ và thú vị nữa đâu!

*Nếu mai một còn vào ra sinh tử
Bước thẳng trăm đầu sá kể nguy nan
Nếu giờ đây vẫy tay chào cuộc lữ
Cát bụi này xin trả lại trần gian.* (Viên Minh)

Văng vẳng bên tai nàng, lời Thầy dạy "làm tất cả mà như không làm gì cả", không có ai làm, không có ai tu, không có ai chứng, không có ai chết, không có ai sống... Tánh biết bất sanh bất diệt hiện hữu mọi lúc mọi nơi, tùy ứng khi Pháp đến, tùy không khi pháp đi và chân lý ngay đây trong thực tại hiện tiền!

Khi thái độ tâm rỗng lạng trong sáng, không

còn ảo tưởng "ta" và "của ta" mới thực là thái độ vô ngã. Tất cả Pháp đều vô ngã, vậy ngoài việc sống tùy duyên thuận pháp, lấy cái ngã nào để tu đây? Bất kỳ tư thế đi, đứng, ngồi, nằm đều thư giãn buông xả hoàn toàn để trả tâm về tánh không rỗng lạng trong sáng của nó, vì chẳng có năng lượng nào có thể hơn được sức mạnh của tánh không tịch tịnh tự nhiên. Thiền không lệ thuộc vào những nguyên tắc, những quy định, những phương pháp hoặc giờ giấc. Nếu ép thân ngồi thiền miên mật, điều này đức Phật gọi là vẫn còn "tư niệm, tư lường, tham ý" đưa đến thức có chỗ trú, còn trụ tướng nên còn sinh tử.

*Khi mê cứ tưởng ta tu
Tỉnh ra mới biết pháp tu một mình
Cái Ta ảo tưởng vô hình
Lặng xặng tạo tác tử sinh luân hồi.*
(Viên Minh)

Phương Huynh



Khóa tu mùa thu 2018

CHÙA HOA NGHIÊM



Chúng con có duyên lành được dự khóa tu mùa thu 3 ngày tại chùa Hoa Nghiêm năm 2018. Khóa tu được tổ chức dưới hall để tu sinh không bị phân tâm bởi những Phật tử bên ngoài đến chùa lễ Phật. Sáng sớm thứ sáu, Phật tử đã tề tựu chính thức 40 người, sang ngày thứ bảy và chủ nhật có nhiều Phật tử đến chung tu dự thính.

Bàn thờ đức Bổn Sư được kính cẩn trang hoàng, đèn ngời ngời tỏa sáng, trái cây tươi tốt bên những bình hoa tỏa hương thơm ngát bởi bàn tay hoan hỷ của các tu sinh. Những chiếc khăn mới may do sư cô Huệ Thanh mang vào được trải lên bàn, những chiếc khăn tinh khôi như vạn vật quanh đây đang vẫy chào một khóa tu mùa thu khai mạc.

Phòng thọ trai có bàn thờ Phật A Di Đà cũng không kém phần trang nghiêm với những chậu lan nhu mì thangka hoa vẻ đẹp, như để nhắc nhở tu sinh luôn gọn gàng, trang nghiêm, chánh niệm trong từng lời nói, chánh niệm từng bước đi cũng như từng hành động, như có Phật đang chứng giám và nhìn các con của mình đang trên đường về cội nguồn giác ngộ.

Năm nay thầy trụ trì dạy tu những gì trực diện trong đời sống, để hiểu thế nào là sống trong tỉnh thức hiện tiền. Đọc kinh, ngồi thiền, lạy sám hối, ngồi tĩnh tâm, đi kinh hành, thiền hành, trả lời những câu hỏi về Phật pháp và đời sống, ăn trong chánh niệm. Tất cả mọi việc đều từ tốn khoan thai nhẹ nhàng, im lặng trở lại chính mình.

Thầy dạy tu thế nào như mình đang nắm tay Phật rong chơi, thanh thoi không gò bó, mỗi bước đi an nhiên nhẹ nhàng thì mặt đất cũng tương giao với từng gót chân trở về thực tại. Nói trong chánh niệm là ngôn từ tuôn ra với lòng từ pha trí tuệ, an lạc chính mình thì miệng mới ngân lời chánh ngữ.

Thầy giảng bản môn là cốt lõi tinh túy, là giáo pháp, là nguyên lý của vũ trụ trình nguyên, là

tánh

Pháp thân không sanh không diệt.

Tích môn là Phật sanh thân, có sinh diệt theo định luật vô thường.

Quét sân cho chúng con trải nghiệm cuộc đời. Những chiếc lá rơi trên sân như kiếp người vô thường sinh diệt.

Trong tứ oai nghi, vọng tưởng nổi lên là thấy liền chứ không bị lặn hụp chìm sâu.

Người tu xem thức ăn là dược thực để nuôi dưỡng thân này, nên ăn thông thả vui chơi từng phút giây chánh niệm.

Trong thời tụng kinh, tất cả phải hòa đồng nhịp nhàng theo tiếng mõ chuông, sau thời kinh thân tâm vô cùng an lạc.

Tự quy y là trở về với bản tâm thanh tịnh của chính mình, tỉnh thoảng nghe ba tiếng chuông để trở về thực tại.

Ngồi thiền là hoàn toàn buông xả thoải mái thân tâm và theo dõi từng hơi thở, thở ra biết đang thở ra, hít vào biết đang hít vào, chánh niệm là sáng suốt biết hơi thở ra vào thì tâm sẽ thoát khỏi tham, sân, si tam độc.

Khi hai ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên nhập niết bàn, các đệ tử còn lại của Phật u buồn vì không còn điểm tựa. Phật mới giảng không có thầy thì các con hãy trở về chính mình, đời là vô thường, các con phải tự thấp đuốc lên mà đi.

Cuộc đời có hai tài sản là tiền tài và pháp tài, tức là vật chất và điểm tựa tinh thần. Nhưng khi đã giác ngộ thì tất cả ở trong ta như đất bao la hàm chứa vô cùng, ta có thể vận dụng trí tuệ làm ra nhiều việc. Những gì mình trân quý hôm nay, đến một ngày sẽ phải buông bỏ chia lìa, chỉ còn lại hải đảo chánh pháp mà thôi.

Mỗi trưa thọ trai xong là đi kinh hành ở dưới

Hall. Buổi chiều sau khi được thực, thầy dẫn tất cả tu sinh ra Park sát chùa đi thiền hành, bãi cỏ nhờ mấy cơn mưa vừa rồi nên đã mơn mơn hồi sinh. Gió thu mát rượi trong nguồn năng lực đất trời, bước đi chánh niệm nghe cỏ thở dưới chân mình.

Tu ngoài trời là để tu sinh tiếp xúc với thiên nhiên, hòa mình cùng trời xanh hoa lá, hít thở không khí trong lành của mùa thu xứ Úc tuyệt vời. Thầy dẫn đầu, đoàn tu sinh đi hàng một theo từng bước chân tự tại trên con đường rợp bóng của hai hàng dương châu đầu vào nhau. Những cánh chim đủ màu sắc trên cành cây bên đường cất tiếng líu lo, như mừng đón đoàn thiền hành đang đến, tất cả hòa hợp giữa đất trời như nhiên bình đẳng.

Giữa lúc các tu sinh đang trải lòng cùng không gian thanh thoát, Thầy cho dừng lại đứng gần nhau và cô Huệ Thanh đọc những câu hỏi chung vui.

Đến ngôi nhà mát trong Braeside Park, mọi người đều ngồi đối mặt nhau, các tu sinh lặng im bày nhiều thức ăn chơi và nước uống để

Thầy giảng về kinh Phước Đức, Phật đã nói cho Thiên nhân nghe vào một đêm trong vườn Cấp Cô Độc ngày xưa.

Khoá tu 3 ngày đã hoàn thành viên mãn, chúng con tiến thêm một bước trên con đường tỉnh thức trong bàn tay bi mẫn dắt dìu của quý Thầy quý Cô. Với công đức vô biên vô lượng này, chúng con xin thành kính tri ân đánh lễ và nguyện hồng ân Tam Bảo gia hộ quý Thầy quý Cô pháp thể khinh an, đạo thọ miên trường, huệ đăng thường chiếu.

Chúng con cũng xin chân thành tri ân quý Cô, các vị Phật tử nội ngoại phát tâm hỗ trợ tâm lực, vật lực để cho khoá tu được thành tựu tốt đẹp và kính chúc Đạo Tràn vô lượng an lạc kiết tường.

Diệu Ngọc



*Hôm nay ngày Phật đản,
Ngoài trời vừa hừng sáng.
Tôi thức dậy đi chùa,
Trong lòng vui vô hạn.*

*

*Ngôi chùa rất đẹp xinh,
Phong cảnh thật hữu tình.
Tôi vào chùa lễ Phật,
Quỳ nghe Thầy tụng kinh.*

*

*Chuông chùa chậm chậm ngân,
Lòng tôi thấy lâng lâng,
Ngước nhìn lên Đức Phật,
Như dứt sạch bụi trần.*

*

*Thân Phật tợ lưu ly,
Tâm Phật rất từ bi.
Trí Phật thật sáng suốt,
Không còn tham, sân, si.*

*Nhìn Phật then thân tôi,
Nhiều kiếp mãi luân hồi.
Đầu thai trong bụng mẹ,
Mang thân đầy thúai hồi.*

*

*Thân này được sinh ra,
Khác nào bãi tha ma.
Chứa xác động, thực vật,
Mồ hôi tiết thối tha!*

*

*Đừng tham luyến thân này,
Mượn nó tu mỗi ngày.
Một lòng giữ chánh niệm,
Công đức sẽ tròn đầy.*

*

*Phật đản lại trở về,
Khiến tôi tỉnh cơn mê.
Nguyện dứt trừ ngã chấp,
Phát tâm đại bồ đề.*



Kính

Mừng

Phật

Đản

Văn Thân

Đường về cõi Phật A Di Đà



Trong kinh Pháp Hoa đức Phật đã dạy: "Ta ra đời vì một sự nhân duyên lớn là mở bày chỉ cho chúng sanh nhận biết được Phật tính của mình". Như vậy, Ngài ra đời là để mở ra một kỷ nguyên mới cho nhân loại, đó là kỷ nguyên của từ bi và trí tuệ. Con người vì thiếu từ bi và không có trí tuệ, nên sống mãi trong vô minh đen tối hận thù, chiến tranh chém giết tàn hại lẫn nhau, tạo ra không biết bao nhiêu là khổ đau cho đồng loại.

Con người phải sống trong một thế giới đầy dẫy sự tranh chấp, tị hiềm, ích kỷ, lừa đảo, giành giật từng miếng ăn tấc đất và nhiều hiểm nạn, chẳng khác nào đang ở trong một ngôi nhà lửa hực cháy. Ngọn lửa tham, sân, si ngày đêm ngùn ngụt bốc khói, khiến chúng sanh mù mịt không thấy được lối để thoát ra. Lòng chấp chặt vào bốn tướng ngày một sâu nặng như con rắn hổ mù tự cắn vào đuôi của mình, càng cắn càng đau, khiến con người đắm chìm trong biển mộng tưởng, đảo điên, tham luyến thân mạng, ham thích ngũ dục, ái dục, để lục căn đua giỡn với lục trần trôi theo ba nghiệp: thân, khẩu, ý sinh ra vô số phiền não làm cho con người chịu rất nhiều khổ lụy, bị thương.

Trong bài "Bể thăm", nhà thơ Đoàn Như Khuê đã diễn tả đời người dù nghèo hay giàu đêm ngày cứ lặn hụp trong bể khổ vui chơi mà không hề hay biết:

*"Bể thăm mênh mông sóng lựt trời,
Khách trần chèo một chiếc thuyền chơi.
Thuyền ai ngược gió, ai xuôi gió,
Coi lại cùng trong bể thăm thôi!"*

Đức từ phụ Thích Ca thương xót chúng sanh thị hiện ra đời, dùng phương tiện thuyết pháp suốt 49 năm độ đủ tất cả hạng người. Ngài thuyết giảng hết những khám phá của Ngài về vũ trụ và đời sống thực tế của con người, đưa chúng sanh thoát ra khỏi ngôi nhà lửa đến chỗ giác ngộ yên vui, bằng nhiều pháp môn, tùy

theo căn cơ họ có.

Ngài thấy trong thời kỳ mạt pháp, chúng sanh thì đầy dẫy nghiệp chướng, căn cơ thấp kém khó lãnh hội được những phương pháp cao siêu, khó tỏ ngộ được đạo mâu, nên Ngài phương tiện mở ra pháp môn tu Tịnh Độ, niệm Phật A Di Đà và cầu sanh về thế giới Cực lạc ở Tây phương.

Pháp môn Tịnh Độ là pháp môn tu tắt như con mọt trong ống tre đục ngang hông ống tre chui ra ngoài mà không cần phải đục từng đốt một mới ra được. Pháp môn này được các Tổ xưa cho là pháp môn tối thắng dễ tu và dễ đắc, mười người tu thì mười người được đắc không có sai lạc.

Vậy chúng ta hãy tìm hiểu về thế giới Cực lạc của đức Phật Di Đà và Ngài, rồi từ đó gắng thực hành niệm Phật cầu sanh Cực lạc vậy.

A. CA NGỢI THẾ GIỚI CỰC LẠC

Thế giới Cực lạc của đức Phật A Di Đà còn gọi là cõi Tịnh Độ. Theo lời đức Phật Thích Ca nói trong kinh A Di Đà thì cõi này không có sự khổ ở lục đạo, không có người nữ và không có năm thứ ô trược mà chúng ta đang chịu ở cõi Ta bà này.

Sở dĩ ở cõi này bằng bảy thứ báu và toàn những sự vui không bị hoại diệt là do lòng bi nguyện của đức Phật A Di Đà lúc còn tu hạnh Bồ tát tên Pháp Tạng tạo nên. Cõi Cực lạc ở về phương Tây cách cõi Ta bà của chúng ta đang ở là 10 muôn ức cõi Phật. Tà Linh Vận một thi sĩ đời Tấn bên Trung Hoa đã làm bài thơ "Tán Tịnh Độ" ca ngợi Ngài Pháp Tạng đã bỏ ngôi, bỏ nước đi tu lập ra 48 lời nguyện và cõi Cực lạc để tiếp độ chúng sanh, ông khuyên người đời nên niệm Phật cầu sanh về Tịnh Độ để có đời sống yên vui:

"Pháp Tạng sống vương cung,
Vì đạo bỏ nước thành.
Nguyên lớn bốn mươi tám,
Dẫn dắt cả quần sanh.
Cõi tịnh thật nhiệm mầu,
Người đến toàn tinh anh.
Muốn có đời an ổn,
Niệm Phật quả viên thành."
(Những Cánh Sen Hồng số 1)

Trong bài "Một niềm tin", Ngài Huru Huru Tử đã ca ngợi cõi Cực lạc thật rực rỡ, huy hoàng an vui sung sướng bất tận, hơn cả cảnh tiên ở cõi Bồng lai. Hoa sen bốn mùa đua nở trong ao báu, suối ngọc, đất vàng và bảy lớp báu giảng. Hoa trời rải cả ngày đêm, mùi hương thơm ngát, có chim nói pháp nhiệm mầu, người nghe sẽ tỏ ngộ được Phật tánh, cố gắng niệm sáu chữ Di Đà để được vãng sanh về Cực lạc vậy:

"...Nghe nói Tây phương cảnh tuyệt trần,
Bồng lai Tiên cảnh kém mười phân.
Hoa sen ao báu bốn màu điểm,
Suối ngọc đất vàng bảy lớp giảng,
Hương ngát hoa vàng tung rưới mãi.
Chim vang lời pháp diễn chân thân,
Sen vàng lớp lớp đua khoe sắc,
Sáu chữ Di Đà ấy bảo trân."
(Những Cánh Sen Hồng số 3)

Thiền sư Minh Bồn suốt bao năm lặn lội trong rừng thiền, cuối cùng nhận thấy con đường thiền đầy dẫy chông gai thật khó mà đạt đến chỗ giác ngộ nhanh được, nên sớm quay về với pháp môn Tịnh Độ. Trong bài "Khổ vui" Ngài đã diễn tả cảnh Cực lạc vui sướng không gì hơn được và khuyên mọi người niệm Phật A Di Đà, cầu sanh Tây phương Cực lạc, bởi vì ở đây không có sự khổ của ba đường dữ, khí hậu an lành trong sạch, nhạc trời, tiếng pháp làm cho người nghe tâm tư rộng mở thư thái, thọ mạng vô lượng, ăn mặc tự nhiên, ở nơi lầu vàng gác ngọc đẹp đẽ vô cùng:

"Tây phương vui lắm ai ơi,
Làm sao nói hết những lời tán dương.
Không hề có chuyện đau thương,
Người cùng cõi nước trăm đường hân hoan.
Tuyệt không thời tiết ôn hoàn,
Cùng ba đường dữ hoàn toàn vắng tên.
Hoa sen ao báu mông mênh,
Không còn đau khổ xuống lên cõi trần."

Pháp âm thiên nhạc vang rân,
Lầu vàng gác ngọc muôn phần tốt tươi.
Cơm ăn áo mặc tự nhiên,
Sống lâu vô lượng oan khiên chẳng còn.
Cha lành chờ đợi mỗi mòn,
Sao không chuyên niệm lòng son một bề.
Mau mau quay gót về quê!"
(Những Cánh Sen Hồng số 4)

Trong bài sám Di Đà cũng ca tụng cảnh giới Cực lạc cực kỳ trang nghiêm, thanh tịnh suốt cả ngày đêm toàn sự vui sướng hơn cả các cõi Phật trong mười phương:

"Mở ao chín phẩm sen vàng,
Xây thành bát bửu đồ giàn thất trân.
Lưu ly quả đất sáng ngần,
Lầu châu gác ngọc mười phần trang nghiêm.
Hoa trời rưới cả ngày đêm,
Có cây rất báu có chim rất kỳ.
Lạ lùng cái cảnh phương Tây,
Mười phương cõi Phật cảnh nào cũng thua.
Phong quang vui vẻ bốn mùa,
Nước reo pháp Phật gió khua nhạc trời..."

Gần đây một nhà thơ cũng đã làm bài thơ khuyên người niệm Phật A Di Đà cầu sanh về cõi Cực lạc, nơi đây sung sướng, không còn sự khổ sở, sanh tử luân hồi:

"Hoa tươi đua nở bốn mùa,
Nước reo pháp Phật, gió khua nhạc lành.
Cực lạc có bảy lớp thành,
Bảy hàng cây báu, bảy màn lưới châu.
Ăn mặc đẹp ngủ nhà lầu,
Cuộc đời sung sướng ở đâu tùy mình.
Khuyên người niệm Phật vãng sanh,
Gặp thời mạt pháp tu hành gắng lên!"

B. CA NGỢI ĐỨC PHẬT A DI ĐÀ

Đức Phật A Di Đà lúc còn tu hạnh Bồ tát đã phát 48 lời nguyện để mở ra cõi Cực lạc tiếp độ chúng sanh. Khi thành Phật, trong thân tâm Ngài có đủ vô lượng công đức, vô lượng thọ, vô lượng quang. Vì vậy các vị Tổ sư xưa thường làm kệ để ca tụng Ngài. Một trong những bài tán hay nhất là bài "Tán Phật Di Đà" được dịch ra như sau:

"Chúng Thích tử kiền thiền xưng tán,
Đức Di Đà vô hạn lợi sanh.
Bốn mươi tám nguyện viên thành,
Hiện ra tướng tốt sắc thân tuyệt vời."

Kim sắc tướng muôn ngàn công đức,
Khắp mười phương chẳng bức sánh bằng.
Bạch hào hiển hiện phóng quang,
Xoay vần chiếu sáng Vi San năm tòa.
Cặp thanh nhãn thấy xa vô ngại,
Sáng trong ngần tứ đại hải dương.
Hào quang hóa Phật không lường,
Hóa chúng Bồ tát số đương hằng hà.
Độ chúng sanh liên hoa chín phẩm,
Nước Lạc bang là cảnh Tây phương.
Chí thành thập niệm chiêu chương,
Hiện tiền thánh chúng dẫn đường Lạc bang.
(Trích trong cuốn Kinh Vu Lan Nghĩa)

Trong bài "Niệm Phật ngẫu hứng" pháp sư Cổ Hồn đã ca ngợi đức Phật Di Đà và cho biết Ngài cao một trượng sáu, ngồi trên hoa sen thật trang nghiêm đẹp đẽ. Nếu chúng ta được sanh về Cực lạc sẽ thấy được Ngài và Ngài là Cha lành muôn thuở, cũng là ông chủ cũ của chúng ta vậy:

*"Trượng sáu Di Đà hiện rõ thân,
Trang nghiêm vơi vơi ngự hoa sen.
Được về nước ấy mới thực thấy,
Tì phụ chính là cựu chủ nhân."
(Những Cánh Sen Hồng số 3)*

Thiền sư Tông Bồn Viên Chiếu, trong bài "Tây phương bách vịnh" đã ca ngợi đức Phật Di Đà là vị giáo chủ cõi Tây phương có lòng từ bi vô hạn, tiếp dẫn các loài chúng sanh lên bờ giác và không thối chuyển đạo vô thượng Bồ đề:

*"Tây phương giáo chủ rất từ bi,
Tiếp dẫn chúng sanh đại đạo sư.
Chín bậc hàm linh lên cõi giác,
Hằng không thối chuyển chứng Bồ đề,"
(Những Cánh Sen Hồng số 5)*

Rồi Ngài xác định với mọi người có thật đức Phật Di Đà ở Tây phương thường cứu độ chúng sanh thoát ra khỏi con sông ái và bốn mươi tám lời nguyện được chia làm chín phẩm sen cho chúng sanh, khuyên người nên tin tưởng và cầu sanh về cõi Cực lạc, chớ do dự nghi ngờ:

*"Tây phương có Phật hiệu Di Đà,
Độ hết chúng sanh khỏi ái hà.
Bốn tám nguyện vương chia chín phẩm,
Mọi người mau đến chớ dằn dề."
(Những Cánh Sen Hồng số 5)*

Đức Phật A Di Đà không chỉ tiếp độ các chúng sanh lúc sống thường niệm danh hiệu Ngài mà ngay cả những chúng sanh ở cõi âm biết hướng về Ngài cũng được Ngài tiếp độ sanh về Cực lạc. Trong bài cúng tiền linh, ca ngợi đức Phật Di Đà, nguyện vọng linh hướng về Ngài để được hóa sanh trong hoa sen nơi cõi Cực lạc:

*"Tử kim nghiêm tướng diệu nan lường,
Vĩnh kiếp thường cư cực lạc bang.
Thất bảo dương chi tiêu nhiệt não,
Bát công đức thủy mộc thanh lương.
Quang lưu xừ xừ u minh thất,
Ảnh hóa phân thân tọa đạo tràng.
Nguyện độ vong hồn quy bốn quốc,
Cửu liên đài thượng lễ Như lai."*

Nghĩa là:

*Thân Phật vàng ròng đẹp khó lường,
Ngài thường ở Cực lạc Tây phương.
Cảnh dương bảy báu tiêu phiền não,
Nước đức tắm vào mát lạ thường.
Ánh sáng Ngài soi nơi cõi tối,
Đạo tràng, hóa Phật hiện mười phương.
Dẫn hồn trở lại lạc bang cũ,
Trên chín đài sen lễ Pháp vương."
Đồng Minh dịch*

C. ĐƯỜNG VỀ CỰC LẠC

Theo trong Kinh A Di Đà thì người nào muốn sanh về cõi Cực lạc của đức Phật Di Đà phải thực hành pháp niệm Phật và phát nguyện cầu sanh về Cực lạc. Khi niệm Phật cần phải nhứt tâm, không được khởi vọng niệm nghĩa là khi chúng ta niệm Phật không được nhớ tưởng đến việc khác. Chúng ta có thể niệm từ một cho đến mười lần hoặc từ một ngày cho đến bảy ngày với tấm lòng tha thiết muốn được sanh về Cực lạc gặp Phật như đứa con cách xa ngày đêm mong muốn gặp mẹ mình. Có bốn cách niệm Phật:

1- Thật tướng niệm Phật: niệm Phật bằng cách khế hợp với chơn tâm của mình, nghĩa là không khởi vọng chấp để tâm mình thanh tịnh hòa với tâm Phật làm một.

Trong bài "Chỉ niệm A Di Đà Phật" Sở Thạch thiền sư khuyên người niệm Phật nên để tâm mình hòa nhập tâm Phật làm một, được như thế thì đám mây đen vô minh nhiều đời sẽ tan

biển, lúc ấy Phật tánh sẽ hiện ra như mặt trời tỏ rạng, cảnh Cực lạc cũng ở ngay trước mặt:

*"Tâm này mỗi niệm là Phật,
Ngoài Phật không có tâm riêng.
Ngoài tâm không còn Phật khác,
Gió tan mây đen ngàn dặm.
Kim ô xuất hiện huy hoàng,
Cây báu ao vàng trước mặt,
Lời nào ghi hết hân hoan."*

Chúng ta hãy nghe Ngài Mộng Đông đã cùng quan điểm đó trong bài "Tự tánh Di Đà" về thật tướng niệm Phật nghĩa là niệm Phật là niệm cái tâm của mình, một khi thấy được tâm là Phật Di Đà thì cảnh Cực lạc sẽ cũng ở ngay trong tâm ta vậy:

*"Tánh vốn ở trong Phật,
Phật không ở ngoài tánh.
Tự nó đã viên dung,
Làm sao có ngăn cách.
Cực lạc vốn là tâm,
Tâm vốn là Cực lạc.
Bỏ cõi lại nói tâm,
Tự nhiên bị sai khác..."*

2- Quán tưởng niệm Phật: niệm Phật bằng cách tưởng tượng lại những tướng hảo của Phật mà mình đã thấy, đã chiêm ngưỡng. Sở Thạch thiền sư trong bài "Thập lục quán", ở phép quán thứ chín tưởng tới đức Phật Di Đà có thân cao lớn, mày xanh như núi, ánh sáng soi khắp ba ngàn cõi, mắt xanh như nước biển nhìn thấu suốt cả mười phương, có nhiều Bồ tát thường hầu hạ. Lòng từ bi của Phật vô lượng không vương bụi trần vậy:

*"Thứ chín quán thân Phật tỏ tường,
Phật thân cao lớn, khó đo lường.
Non mây, sáng tỏ ba ngàn cõi,
Biển mắt, chiếu ngời khắp thập phương.
Bồ tát hằng sa làm thị giả,
Hóa thân vô số đứng soi đường.
Lòng từ vốn thực Di Đà thể,
Chẳng động mây trần ấy pháp vương."
(Những Cánh Sen Hồng số 2)*

3- Quán tượng niệm Phật: niệm Phật bằng cách chiêm ngưỡng tượng Phật, nhìn rõ từng nét, từng phần vào các tướng hảo của Phật. Đôi mắt phải nhìn chăm chú và trong trí cứ nghĩ như mình đang đứng trước báo thân của

Phật, hết lòng cung kính, tin nguyện.

Trong bài "Thập lục quán" ở phép quán thứ mười ba. Ngài Sở Thạch thiền sư có nói về phép quán tượng Phật, quán đức Phật Di Đà cao một trượng sáu, thân bằng vàng ròng bền chắc, bên trái có Bồ tát Quan Âm và Bồ tát Thế Chí bên hữu hầu cận đức Phật Di Đà. Tượng của Phật và Bồ tát không nhỏ, có thể biến khắp cả mười phương, không thêm, cũng không bớt:

*"Tạp quán mười ba nên tán Phật,
Thân vàng trượng sáu thực không hư.
Trái có Quan Âm hầu cận thận,
Hữu còn Thế Chí, giữ khư khư.
Đừng lo tượng nhỏ trong đời tạm,
Dầu Ngài toàn thân khắp thái hư.
Biến hiện mười phương đều tự tại,
Xưa nay không thiếu cũng không dư."
(Những Cánh Sen Hồng số 2)*

Chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay, phần nhiều chưa thấy được chân thân của Phật, chỉ thấy hình tượng, nên Phật dạy pháp môn quán tượng Phật. Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, đức Phật dạy: "Chư Phật Như Lai là chân pháp giới vào trong tất cả tâm tướng chúng sanh. Cho nên khi tâm các người tưởng Phật, tâm ấy chính là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, tâm ấy là Phật."

4- Trì danh niệm Phật: niệm Phật bằng cách đọc danh hiệu Phật như niệm Nam Mô A Di Đà Phật, hoặc A Di Đà Phật. Trong bốn cách niệm Phật thì cách trì danh là dễ hơn hết. Chúng ta có thể niệm lớn, niệm thầm lần chuỗi trong lúc đi đứng nằm ngồi và bất cứ nơi nào lúc nào, như đi tắm, đi cầu, chạy giặc, ở chiến trường, nơi bàn tiệc đều được cả.

Bạch Cư Dị, một nhà thơ nổi tiếng thời xưa ở Trung Hoa suốt bao năm lẫn lộn với đời, khi về già hết lòng niệm Phật Di Đà cầu sanh Cực lạc và khuyên người đời cố gắng thực hành pháp môn trì danh niệm Phật, cầu vãng sanh Tây phương. Trong bài "Một lời khuyên" ông đã viết:

*"Năm nay bảy mươi tuổi,
Không hơi sức ngâm nga.
Xem kinh lao nhàn lực,*

*Làm phước sợ bốn ba.
Lấy gì yên tâm mắt,
Chỉ một câu Di Đà..."*
(Những Cánh Sen Hồng số 2)

Trong bài "Tán trì" pháp sư Cổ Hồn cũng ca ngợi sự trì danh niệm Phật được công đức không thể lường như trong kinh Pháp Hoa: dù người tâm tán loạn, đi vào nơi tháp miếu chỉ niệm tên Phật thì người đó đã thành tựu được Phật đạo:

*"Tán niệm trì danh, có đại công,
Pháp Hoa nêu rõ, lý viên dung.
Chỉ xưng mô Phật sẽ thành Phật,
Niệm nhiều công đức lớn vô cùng."*
(Những Cánh Sen Hồng số 2)

Theo trong kinh A Di Đà, muốn niệm Phật có kết quả được vãng sanh về thế giới Cực lạc, cần phải có đủ ba món tư lương. Tư lương là những gì có thể giúp đỡ đời sống của con người hằng ngày. Ba món tư lương đó là: TÍN, HẠNH, NGUYỆN.

1) **TÍN** nghĩa là tin, nó là đầu mối và bước hành trình trước tiên đi vào đạo. Tin là nơi phát sinh ra nhiều công đức, trong kinh Hoa Nghiêm Phật dạy: "Tin là nguồn của đạo, là mẹ đẻ các công đức. Tin có thể thêm lớn căn lành, có thể thành tựu đạo quả chánh giác." Vậy thì người đệ tử Phật tu theo pháp môn Tịnh Độ trước hết phải có lòng tin chơn chánh, ý chí cương quyết, không mê tín dị đoan, không cố chấp lý thuyết nghĩa là chúng ta tin có Phật Di Đà và thế giới Cực lạc ở phương Tây. Lòng tin đó phải có đủ: Tự tin, Tin tha, Tin nhơn, Tin quả, Tin sự, Tin lý...

Trong bài "Phát nguyện thọ trì" pháp sư Cổ Hồn khuyên người niệm Phật tin lời Phật Thích Ca nói về thế giới Cực Lạc Tây phương của Phật Di Đà là sự thật và phát nguyện sanh về, vì nơi đó là quê hương xưa của mình:

*"Tây phương Cực lạc vốn quê hương,
Nhiều kiếp nổi trôi thật đáng thương.
May được Bổn sư khuyên trở lại,
Tin sâu nguyện thiết sẵn tư lương."*
(Những Cánh Sen Hồng số 2)

Đại sư Nhất Ngươn trong bài "Mỗi mồn đời"

cũng đã khuyên như người đời tin tưởng đức Phật Di Đà ở Tây phương, cố gắng niệm Phật tu hành cầu sanh Cực lạc, con quỷ vô thường không hẹn mà đến, đã biết bao đầu lâu nằm sâu trong lòng đất:

*"Tây phương tin chắc chớ sanh nghi,
Niệm Phật tu hành phải kịp thì.
Tác bóng quang âm mau sớm liễu,
Khô lâu đầy đất mấy người ghi..."*
(Những Cánh Sen Hồng số 3)

2) **NGUYỆN** nghĩa là thể quyết làm việc gì được kết quả mới thôi. Vậy nguyện là sức mạnh để chứng thực lòng tin của mình trước kia chắc chắn. Nguyện có công năng kích động sự thực hành và còn làm bánh lái đẩy con thuyền nghiệp chướng của chúng ta đi thẳng về hướng cõi Tịnh mà không sai lệch. Trong kinh Hoa Nghiêm, Bồ tát Phổ Hiền và chư Bồ tát đồng nguyện sanh về Cực lạc của Phật Di Đà ở phương Tây. Pháp sư Cổ Hồn trong bài "Kinh lộ sách tán" cho thấy bản thân Ngài tha thiết niệm Phật và lúc nào cũng cầu sanh Tịnh Độ:

*"Một câu A Di Đà,
Triệt để lòng từ bi.
Nghe rồi tìm pháp khó,
Nguyện về nước ấy đi!"*
(Những Cánh Sen Hồng số 1)

Trong bài "Nhớ Tịnh Độ", pháp sư Trung Phong khuyên chúng ta muốn niệm Phật được kết quả tốt, cần phải có tin, nguyện chí thành thì vọng niệm sẽ dứt sẽ được sanh về Cực lạc sung sướng không còn sự khổ ở cõi Ta bà:

*"Niệm Phật rất cần tin nguyện sâu,
Chí thành vọng niệm chẳng còn đâu!
Ta bà bể khổ bao giờ hết,
Về được lạc bang dứt khổ sâu."*
(Những Cánh Sen Hồng số 2)

3) **HẠNH** nghĩa là thật hành, áp dụng theo lời nguyện. Tu theo pháp môn Tịnh Độ, nếu chỉ có TÍN, NGUYỆN thì chỉ y lại vào tha lực chẳng khác nào mấy ông thầy pháp dựa vào thần lực của các vị thần rồi bắt ấn, niệm chú để trừ tà đuổi quỷ. Một khi ấn, chú không còn linh nghiệm thì mình trở thành vô dụng như chiếc thuyền có mũi, có lái mà không có chèo và người chèo. Vì vậy người niệm Phật muốn

cầu vãng sanh Cực lạc thì phải thực hành theo lòng tin và lời nguyện của mình, cũng như muốn đi thuyền từ chỗ này đến chỗ khác mình phải ra tay chèo chong mới được, nghĩa là ta phải niệm Phật luôn mỗi ngày đêm. Trong bài "Niệm Phật" Triệt Ngộ đại sư dạy mỗi người niệm Phật cần phải liên tục, nghĩa là niệm trước niệm sau phải khấn khít, được như thế chắc chắn sẽ vãng sanh về cõi Phật Di Đà:

*"Một câu hiệu Phật, một hoa sen,
Mỗi tiếng từ tâm tiếp nối luôn.
Niệm trước niệm sau duyên khấn khít,
Lo gì không được đến Tây thiên."
(Những Cánh Sen Hồng số 1)*

Đối với Ngài Mộng Đông thì niệm Phật bằng cách thực hành phép trì danh cần phải hết lòng tin tưởng và nguyện tha thiết thì ở trong đời này sẽ được vãng sanh về Cực lạc. Trong bài "Tự tánh Di Đà" Ngài đã dạy rõ ràng cho người tu niệm Phật như sau:

*"Thấy nghe đều vui vẻ,
Tín, nguyện và trì danh.
Công nhiều như khoáng kiếp,
Một đời được vãng sanh."
(Những Cánh Sen Hồng số 3)*

Một văn sĩ nổi tiếng đời Tống là Tô Đông Pha đã trình bày sở ngộ của mình về pháp niệm Phật. Trong bài "Tâm Phật" cho thấy niệm Phật chính là niệm cái tâm của mình, một khi khởi lên vọng niệm tạo thành cái nghiệp và từ đó dẫn dắt ta đi luân hồi sinh tử. Vì vậy niệm Phật là để diệt đi vọng niệm, nhờ đó tâm ta với Phật là một:

*"Phật từ chiếu khắp mười phương,
Dắt dịu nhân loại khỏi đường trầm luân.
Riêng ta điên đảo băng khuâng,
Vào sanh ra tử bao lần xuống lên.
Chỉ cần hiệu Phật không quên,
Quan Âm, Thế Chí rước lên bảo trì.
Ngàn xưa theo nghiệp lời đi,
Từ nơi một niệm tham si tạo thành.
Đã từ một niệm chuyển sanh,
Cũng từ một niệm diệt nhanh sợ gì.
Sanh, diệt hết, chẳng còn chi,
Tâm ta với Phật A Di vẫn đồng."
(Những Cánh Sen Hồng số 1)*

Đời người ngắn ngủi, một khi con quỷ vô thường nó đến thì dù tài cao, sức mạnh, văn hay, võ giỏi, có nhiều thê thiếp đi nữa cũng không ngăn chặn được, chỉ có niệm Phật Di Đà nhất tâm mới mong giải thoát về Cực lạc. Trong bài "Mâu nhiệm", đại sư Độ Môn đã nhắc nhở chúng ta phải lo niệm Phật và sự mâu nhiệm niệm Phật không thể nghĩ bàn được:

*"Tài cao, sức mạnh trí phi thường,
Thần chết đến rồi khó cự đương.
Ngăn gió, che mưa, tay kiếm giỏi,
Rồng bay, phụng múa bút văn chương.
Ái tình tai họa lòng mau dứt,
Đạo hạnh chuyên cần phải chủ trương.
Sáu chữ Di Đà mâu nhiệm lắm,
Nhất tâm sẽ được gặp Từ vương."
(Những Cánh Sen Hồng số 4)*

Song song với việc niệm Phật, hằng ngày chúng ta còn phải tu thập thiện hay làm mười điều lành: không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không nói thêu dệt, không nói lưỡi đôi chiều, không nói lời hung ác, không tham, không sân, không si. Và quy y Tam Bảo: Phật, Pháp, Tăng; giữ gìn năm giới cấm: Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu.

Nhất là phải biết tu hành nhẫn nhục, làm phước bố thí. Các hạnh lành này sẽ trợ giúp cho pháp tu niệm Phật có kết quả mau chóng, cũng như chúng ta ngồi trên một chiếc thuyền máy hơn là đi trên một chiếc thuyền buồm của hàng ngàn năm về trước. Trong bài "Khuyên tu" Liên Trì đại sư khuyên người niệm Phật cần phải tạo thêm phước nhờ đó chứng được ngôi cao:

*"Làm phước không niệm Phật,
Phước hết chịu luân hồi.
Niệm Phật không làm phước,
Vào đạo thực khó ôi!
Không phước không niệm Phật,
Ba đường chịu nổi trôi.
Niệm Phật và làm phước,
Chắc chứng được cao ngôi..."
(Những Cánh Sen Hồng số 1)*

Nhưng niệm Phật cần phải sự lý viên dung,

nghĩa là trong sự niệm Phật có lý và trong lý niệm Phật có sự.

1.- Trong sự niệm Phật đã có sẵn lý: người niệm Phật chỉ tin có Phật Di Đà ở Tây phương thực sự, chưa hiểu suốt được thể nào tâm mình chính là Phật Di Đà, nên cố quyết tâm niệm Phật, cầu sanh Cực lạc cho đến khi được nhất tâm bất loạn thì Phật tánh Di Đà sẽ hiện ra và cảnh Cực lạc cũng ở ngay trước mắt. Trong bài "Tự tánh Di Đà", Ngài Mộng Đông đã nói rõ như sau:

*"Di Đà là tự tánh,
Tự tánh vốn Di Đà."*

và:
*"Cực lạc vốn là tâm,
Tâm vốn là Cực lạc."*
(Những Cánh Sen Hồng số 3)

2.- Trong lý niệm Phật đã có sẵn sự: người niệm Phật tin rằng Phật Di Đà ở Tây phương là Phật đã sẵn có trong tâm mình thì mình lấy ngay cái danh hiệu Phật đó làm cảnh giới buộc tâm mình vào đây, khiến cho nhất tâm bất loạn vậy. Trung Phong thiền sư cũng đã nói lên ý đó trong bài: "Nhớ khổ hướng về" như sau:

*"Tự tâm có sẵn Phật Di Đà,
Nhiều kiếp chẳng cần liếc mắt qua.
Ngày tối chạy theo thanh với sắc,
Làm sao thoát khỏi cảnh oan gia."*

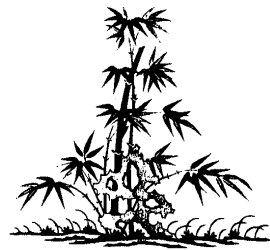
Và:
*"Bản tính Di Đà không khứng niệm,
Làm sao địch nổi với vô thường?"*
(Những Cánh Sen Hồng số 3)

Người niệm Phật dù sự hay lý khi đã đạt đến chỗ nhất tâm bất loạn thì chắc được giải thoát ngay. Xưa các vị Tổ sư đã tu theo pháp môn niệm Phật tuy đơn giản, nhưng mang lại kết quả thật lớn lao. Ngày nay nhiều người tu tự cho mình trí thức, văn minh khinh thường pháp môn niệm Phật, nên coi trọng việc tu thiền hoặc Mật tông và họ cho rằng đó là pháp môn tu cao nhất, hay nhất. Nhưng họ có biết đâu mục đích của sự giải thoát là biến phiền não thành Bồ đề hoặc từ nơi tối ra chỗ sáng, chỉ có pháp môn niệm Phật mới đủ sức làm được việc đó dễ hơn, vì pháp môn này có đủ cả tha lực và tự lực; còn việc tu thiền định chỉ dựa vào tự lực và Mật tông thì nhờ vào tha lực nhiều hơn. Hơn nữa pháp môn niệm Phật là pháp môn tu tắt

như con mọt trong ống tre đục ngang hông ống tre mà chui ra ngoài, không cần phải đục từng đốt một mới đi ra được. Vậy thì pháp môn tu niệm Phật rất dễ và già trẻ, nam nữ, người ngu, kẻ trí đều tu được cả. Mười người tu thì mười người đắc quả. Vì vậy chúng ta cố gắng niệm Phật cầu vãng sanh về nước Cực lạc, chớ nên do dự nghi ngờ. Cổ đức đã có câu:

*"Di Đà sáu chữ niệm luôn,
Móng tay không khảy, Tây phương cũng về."*

Đồng Minh



Tịnh Nghiệp

Phước Huệ đạo tràng vui lắm thay!

Cùng nhau tu học suốt ba ngày

Công phu bái sám luôn gìn giữ

Tịnh Nghiệp chuyên cần dạ chẳng phai

Kiên quyết một lòng không nản chí

Tâm thành niệm Phật chẳng hề sai

Khóa tu viên mãn người vui vẻ

Hẹn gặp năm sau tay nắm tay

Tịnh Đức





Ngày 18 /04/2018: Chùa Nam Hải Phổ Đà Tân Calédonie được hân hạnh đón tiếp Thượng tọa Thích Phước Tấn, Phó Ban điều hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Úc Đại Lợi - Tân Tây Lan.

Chúng con được biết: mặc dù Thượng tọa với trách nhiệm và công việc đa đoan, đã dành một thời gian quý báu một tuần lễ cho chùa Nam Hải Phổ Đà để chứng minh lễ Khánh thọ cho 8 cụ từ 80 tuổi đến 98 tuổi. Tám cụ đều là Phật tử của chùa Nam Hải Phổ Đà và đã rất gần gũi với cổ Hòa Thượng thượng Phước hạ Huệ. Sự có mặt của Thượng tọa Thích Phước Tấn đã bù đắp lại sự thiếu vắng hình bóng của cổ Đại Lão Hòa Thượng Tông trưởng Phước Huệ Sơn Môn Học Phái. Thật là sự an ủi rất lớn cho các bậc cao niên.

Tại sân bay Tontouta, chúng con được biết Thầy Thích Phước Tấn không được khỏe. Thầy bị đau họng, chúng con rất lo lắng. Nhưng vài ngày sau, Thầy đã khỏe lại nhờ khí hậu ôn hòa ở Tân Calédonie và sự chăm sóc của một số Phật tử. Chúng con thỉnh Thầy đi tham quan một số đảo nhưng Thầy từ chối, Thầy muốn giành thời gian cho chùa Thầy thật là giản dị và gần gũi. Thầy đi tham quan chợ và thành phố cùng Phật tử Phổ Thành, Tâm Minh, Viên Tường và Nhuận Hương, Thầy đã mua kem chiêu đãi các Phật tử đi cùng Thầy.

Thứ Bảy ngày 21/04/2018: Thầy đã làm lễ treo bản hiệu tên Hội Trường "Hoa Thiền Chân Đăng" và Thầy đã ban Đạo từ giải thích ý nghĩa của tên "Hoa Thiền Chân Đăng".

Tên "Hoa Thiền Chân Đăng" do chính Thầy đặt tên cho hội trường. Vừa rồi trên mạng Internet, có một người sống tại Việt Nam đã phát biểu: "Hoanh nghênh anh chị em đã tìm được một cái tên hội trường có một không hai trên thế giới". Chúng con còn nhớ rất rõ rằng nhờ sự quyết định sáng suốt của Thầy mà chúng con có một hội trường khang trang đẹp đẽ như ngày nay chúng con vô cùng biết ơn Thầy. Vào ngày lễ treo bản hiệu hội trường "Hoa Thiền Chân Đăng" Thầy đã ban đạo từ giải nghĩa chữ Hoa Thiền Chân Đăng. Mọi người khi đã hiểu rõ ý nghĩa của tên Hoa Thiền Chân Đăng đều trầm trồ khen ngợi.

Ngày Chủ Nhật 22/04/2018: Chùa Nam Hải Phổ Đà tổ chức lễ Khánh thọ cho 8 cụ từ 80 tuổi đến 98 tuổi với sự chứng minh của Thượng tọa Thích Phước Tấn. Nhờ vậy mà buổi lễ Khánh thọ diễn ra trang nghiêm, vui vẻ và rất ấm cúng: Thầy đã giao tận tay bằng Khen Khánh thọ và tặng phẩm cho 8 cụ. Thầy đã ban Đạo từ về đức hiếu thảo trong đạo Phật: Uống nước nhớ nguồn. Chúng con vô cùng cung kính tiếp thu những lời dạy bảo quý giá đó và kiên quyết giữ lễ Khánh thọ hàng năm cho các cụ cao niên. Sau đó Thầy dùng cơm chay cùng 8 cụ. Buổi lễ Khánh thọ thành công rực rỡ.

Ngày thứ Hai 23/04/2018: Thầy họp cùng Ban Trị sự của chùa.

Với sự sáng suốt và giàu kinh nghiệm, Thầy đã đóng góp nhiều ý kiến rất hay và thiết thực cho Ban Trị sự. Với con mắt phong thủy Thầy đã cho ý kiến về việc sửa chữa chánh điện, về việc di chuyển các tôn tượng. Ban Trị sự chúng con vô cùng phấn khởi và quyết tâm thực hiện lời chỉ bảo của Thầy. Chúng con chân thành biết ơn Thầy

Tối thứ Ba 24/04/2018: Chùa Nam Hải Phổ Đà tổ chức liên hoan văn nghệ để ngày mai Thầy trở về Úc.

Cụ Tư năm nay đã 88 tuổi hát tặng Thầy một bài hát.

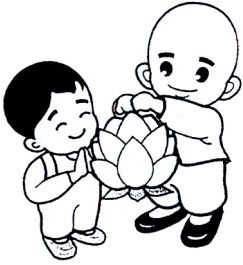
Các Phật tử thay phiên nhau lên hát. Cây nhà lá vườn rất là vui vẻ và ấm cúng.

Một tuần lễ đã trôi qua quá mau chóng nhưng đã để lại trong tâm trí chúng con: Hình ảnh của một vị minh sư, chúng con sẽ không bao giờ quên tác phong khoan thai tự tại, sự từ bi thoát ra trong lời ăn tiếng nói, ánh mắt nhân từ hiền hậu, lời nói giản dị nhưng sâu sắc. Thầy rất dễ gần gũi, cảm thông. Có Thầy ở chùa chúng con thấy mình hạnh phúc, ấm cúng như một ngôi nhà có một người cha trở về.

Chúng con chỉ cầu mong sao có được nhiều dịp để đón tiếp Thầy về chùa Nam Hải Phổ Đà.

Chúng con xin kính nguyện Tam Bảo thù từ gia hộ chư tôn Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni pháp thể khinh an, Phật sự viên thành; quý đồng hương Phật tử thân tâm thường lạc, vạn sự kiết tường, pháp giới nhơn thiên đồng thành Phật quả.

Tâm Chơn



Cháu Ngoại

Viết cho Khánh Hòa

Con rề điện thoại báo tin vợ mới sanh bé gái, tôi mừng chảy nước mắt, lần đầu tiên vợ chồng chúng tôi có cháu.

Chúng tôi ở Melbourne, tiểu bang Victoria, một ngày có 4 mùa nóng, lạnh, mưa, gió bất thường, nên vào tháng 10 mà diện vest đi máy bay qua Queensland để thăm cháu. Hai tiếng sau đến nơi, vừa bước ra khỏi máy bay nóng oi là nóng, con rề đã chờ sẵn để chờ chúng tôi đến ngay bệnh viện sản khoa.

Nhà hộ sanh ở đây sang quá, sản phụ nằm phòng riêng có đủ phòng tắm, toilet tiện nghi.

Đứa cháu nằm sấp nên chỉ thấy một bên mặt, đang ở trong lòng ấp vì sanh thiếu tháng, có 1 ký 8 thôi. Thương vô cùng! Nhìn nhưng không được bế ẵm hay rờ ôm gì hết. Cháu mỏng manh quá, tôi chỉ còn biết âm thầm đem hết tình thương trao tràn chở che bảo bọc cháu. Cháu được đặt tên là Khánh Hòa, quê hương yêu quý của tôi, nơi có rất nhiều trung tâm huấn luyện, đào tạo những anh hùng hào kiệt vì tổ quốc vong thân. Khánh Hòa là một vùng biển nổi tiếng đẹp của miền Trung, có Nha Trang hiền hòa thơ mộng.

Con gái vừa nhìn thấy ba mẹ đến nước mắt tuôn trào, tôi ôm con gái vào lòng dỗ dành như ngày nào con còn bé. Thời gian qua mau quá, mới ngày nào con sống trong nhung lụa, rồi năm 75, con không được đi học vì cha mẹ là phe thua cuộc, chức quyền, giàu sang, tư sản dân tộc v.v...

Rồi vượt biên ở trại tị nạn, đôi bàn tay nhỏ xíu phải làm mướn đan thuê những đôi tất, chiếc mũ kiếm tiền. Qua Úc vừa học lại, vừa làm thêm, ra trường làm việc ở Singapore. Bây giờ là mẹ, được hưởng những giây phút thiêng liêng tình mẫu tử, con gái đã thật sự trưởng thành.

Năm 2002 chúng tôi cũng đã nghỉ hưu nên đến mùa đông lên Queensland thăm cháu ngoại và trốn lạnh luôn nơi đó.

Tám tháng sau gặp lại, cháu được cha mẹ bế ra sân bay đón ông bà ngoại. Ôi cháu tôi! Mập và đẹp quá! Lúc này tôi tha hồ ôm cháu, cháu khỏe nên lúc nào cũng cười, hai đồng điệu bên khoe miệng thật duyên dáng đáng yêu.

Lần đầu được giữ cháu mấy tiếng đồng hồ, ông bà ngoại thật mừng, nhưng vì da cháu mỏng, mà móng tay bà ngoại lại vừa dài vừa nhọn nên đụng vào cái đùi ù khi thay tã, dù có sự trợ giúp của ông ngoại vẫn bị mấy vết xước trầy.

Bây giờ cháu đã biết đi biết nói, mỗi sáng đều chạy qua phòng ông bà để được nằm giữa, được thương yêu. Ông bà bắt đầu dạy cháu đọc chữ chương. Cháu thuộc rất nhanh, sau mỗi lần trả bài phần thưởng là dạy cháu đánh vần tiếng Việt, kể chuyện lịch sử Bà Trưng, Bà Triệu, Trọng Thủy Mỹ Châu, Đinh Bộ Lĩnh v.v...

Cháu được nghe nhiều về tỉnh miền Trung Khánh Hòa như tên của cháu và cháu đã thuộc ca dao:

*Cá không ăn muối cá ươn,
Con cãi cha mẹ trăm đường con hư.
Công thầy, áo mẹ, cơm cha.
Nhỏ mà không học lớn mò sao ra.*

Hay

Tiên học lễ, hậu học văn. v.v.v...

Ba tuổi, cháu đến vườn trẻ, những hình vẽ đầu đời có cháu và ông bà Ngoại.

Năm tuổi, cháu về ở cùng ông bà ngoại 1 tháng là những ngày chứa chan hạnh phúc của tuổi xé chiều. Mỗi hoàng hôn, cháu đi chùa cùng ông bà và đọc Kinh trời chảy nên ai thấy cũng thương. Cháu học giỏi tất cả các môn,

nhất là toán. Cháu là niềm vui và hạnh diện của ông bà.

Khánh Hòa và Đăng Tâm, hai đứa cháu Ngoại, Nội của chúng tôi. Hai chị em thương nhau và những ngày hè chúng luôn gặp mặt. Bây giờ, bà ngoại thường đi chơi chung với hai cháu hơn, những hôm 3 bà cháu đi tắm biển, vào buổi trưa hè đi từng gian hàng chọn lựa thức ăn. Chị Khánh Hòa ăn món gì là em Đăng Tâm tập ăn theo chị. Ba bà cháu khi thì nằm dài trên bãi cát, lúc thì nằm lẩn ở thảm cỏ xanh, hạnh phúc dâng tràn! Tối chiều 3 bà cháu mới trở lại nhà. Tối nào cũng nằm cùng ông nội vui đùa, rồi 3 bà cháu lại rút về phòng riêng, bà nằm chính giữa, 2 cháu nội, ngoại nằm 2 bên, bà kể chuyện ngày xưa, chuyện cổ tích, chuyện cười ...v...v...

Nghe tiếng bước chân của ông Nội là cả ba im re giả bộ ngủ, vì ông Nội bắt ngủ sớm. Đăng Tâm ngây thơ thấy ông Nội mở cửa phòng nhìn vào, cháu sợ bị la nên lên tiếng:

- Ông nội ơi, bà nội, chị và con ngủ lâu rồi.
- Ha ha ha

Những buổi sáng ba bà cháu còn nằm nướng kể chuyện và cười rít rít mãi, ông Nội phải

vào kêu dậy ăn sáng vì cả nhà đang chờ đợi.

Cháu ngoại, một hôm xem tin tức biết được nước Tàu đánh chiếm Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam, còn đánh chìm tàu của dân đánh cá người Việt, cháu khóc, nhìn những giọt nước mắt của cháu mới có 10 tuổi sanh ở Úc, tim chúng tôi tan nát, cháu chưa một lần về để biết Việt Nam.

Ở trường, giờ học sinh tự do phát biểu, cháu nói về nước Việt Nam quê hương của cha mẹ cháu nay bị nước lớn hiếp đáp, sao nước Úc và các nước láng giềng không lên tiếng bênh vực, cháu làm cả lớp đều chảy nước mắt. Hôm đó cô giáo kể lại cho mẹ cháu nghe, cô khen cháu có lòng yêu nước và bản tánh muốn công bình tự do cho quốc gia nhỏ bé của mình.

Cảm ơn cuộc đời đã cho chúng tôi có những đứa cháu đáng yêu, đó là món quà quý nhất mà từ trước đến nay chúng tôi nhận được, cảm ơn các cháu đã đem đến cho tuổi già đầy ý nghĩa, hương vị, ông bà ngoại rất hạnh diện về con.

Trương Kim Báu

GIA CHÁNH

Cháo Nấm Rơm



Tâm Hòa soạn

1. Vật Liệu:

- 1cup gạo thơm
- 150gr nấm rơm búp
- 1cây mì căn
- 2 miếng đậu hũ chiên
- 50g củ kiệu tươi
- 1/2 kg củ sắn xắt sợi nấu lấy độ 2 lít nước lèo
- Tiêu, muối, đường, bột ngọt, nước tương, dầu ăn, ngò.

2. Cách làm:

* Chuẩn bị

- Gạo: vo sạch, để ráo nước. Rang gạo với chút dầu cho hơi vàng
- Nấm rơm: gọt rửa sạch với nước có pha chút muối, nấm to chẻ đôi để ráo nước.
- Đậu hũ: xắt ra từng miếng mỏng, mì căn: xắt xéo mỏng, chiên với dầu đã khử chút củ kiệu tươi băm nhỏ cho thơm, nêm chút tiêu, nước tương, bột ngọt cho vừa ăn.

- Xào nấm rơm: bắc chảo dầu nóng, cho kiệu tươi băm nhỏ vào xào cho thơm, cho nấm rơm vào xào, nêm chút tiêu, nước tương, bột ngọt cho vừa ăn.

* Nấu cháo

- Cho nước lèo vào gạo, nấu thành cháo. Khi cháo nhừ, cho nấm rơm, nêm chút muối, tiêu, bột ngọt cho vừa ăn, cho đậu hũ chiên vào, nhắc xuống.

3. Trình bày

Múc cháo ra tô, cho mì căn lên mặt, rắc thêm tiêu, ngò cho thơm, dùng nóng.

Dạy Cháu

Viết cho cháu nội Đăng Tâm.



Thời kỳ được nghỉ hưu là thời kỳ tuổi già thân tiên nhất sau mấy chục năm đi làm, sáng không còn bận tâm giờ giấc, tiếng chuông báo thức buổi sáng chẳng cần, mùa Thu hay Đông lạnh rét khỏi phải lo. Buổi sáng cứ nằm nường nghe tiếng chim ca hót véo von ở vườn nhà, ánh nắng chiếu rực sáng khắp phòng. Vợ chồng già không còn bận tâm thời gian, từ từ nhắc đến những kỷ niệm xưa ngày mới quen, cưới, xa cách, vận nước, tù tội, vượt biên... Đến Úc đúng 1 tháng đi làm, lo chu toàn tất cả cho cha mẹ, anh chị em, các con, bè bạn.

Bây giờ mới có nhiều ngày giờ lo cho nhau, làm những gì mình muốn, dịch Kinh, đi chùa, làm công quả, làm vườn, shopping, ngắm cảnh v.v.

Chiều nay đi chùa ra ghé thăm gia đình con trai, thấy hai vợ chồng con đã hơn 8 giờ đêm chưa ăn cơm tối, còn lo cho cháu nội 3 tháng tuổi, để sáng mai sớm đem gởi cháu ở nhà trẻ vì ngày mai con dấu hết phép nghỉ hộ sản.

Nhìn cháu nội, chúng tôi muốn được gần và xin được săn sóc, ban đầu bọn trẻ không muốn chúng tôi giữ cháu, viện nhiều lý do như cha mẹ đã già, cả đời cơ cực vì chiến tranh, lo cho 2 bên gia đình nội ngoại, lo cho các con, v.v.v...

Chúng tôi cũng đưa ra nhiều lý do, tình thương, gia đình, và nhất là để cháu rõ nguồn gốc, quê hương, dân tộc v.v...

Mấy chục năm rồi, nay ôm ru cháu ngủ tôi quên các câu hò, ca dao ngày xưa mẹ ru. Tôi đề nghị với chồng:

- Anh ơi ! Bây giờ chúng mình phải kêu nhau bằng ông Nội, bà Nội như ngày xưa khi mình có đứa con đầu lòng, đã bỏ tiếng anh em mà

xung hô bằng Ba, Me để con bắt chước.

- Đúng, Đúng.

- Và lâu quá bà nội quên các câu hò ru em rồi.

- Có ngay. Ông Nội bấm Google in ra liền.

Ngày đầu ru cháu, Bà Nội hát bài Tình Ca Tiếng Nước Tôi.

"Tôi yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời, người ơi

Mẹ hiền ru những câu xa vời.

À à ơi! Tiếng ru muôn đời.

Tiếng nước tôi! Bốn ngàn năm rồng rã buồn vui.

Khóc cười theo mệnh nước nổi trôi, nước ơi

Tiếng nước tôi! Tiếng mẹ sinh từ lúc nằm nôi

Thoắt nghìn năm thành tiếng lòng tôi, nước ơi.

.....

Tôi yêu biết bao người

Lý, Lê, Trần. Và còn ai nữa

Những anh hùng của thời xa xưa

Những anh hùng của một ngày mai".

..... (nhạc Phạm Duy)

Được ôm trong đôi tay của bà Nội, với cả tình thương bao la của ông Nội ngồi bên, cháu nhếch miệng cười, lời hát những điệp khúc yêu nước của một dân tộc đưa cháu vào giấc ngủ thân tiên.

Ngày xưa chúng tôi không có ngày giờ lo cho các con nhiều, thời đất nước chinh chiến mỗi ngày anh phải đi bay, một phi công phản lực phải bảo vệ đất nước quê hương, tôi mỗi ngày cũng phải điền đầu cùng các con số vì với ngân hàng, con số hàng xu hay hàng triệu đều là con số, phải đúng 100 %, lúc đó không có máy móc hiện đại như ngày nay.

Cháu biết lật, biết bò, tập đi, chúng tôi mua

một cái khung gỗ để cháu vào đó, có một tivi vừa tầm nhìn của cháu, cho vào những đĩa CD đặc biệt dạy con nít tập nói và biết nhận ra mặt chữ. Ông bà nội luôn kề bên để phụ giúp. Đi, nói, đọc chữ, tự nhiên rõ ràng khi cháu mới 2 tuổi.

Một hôm chồng tôi đưa một bài vừa copy, đó là bài hát Hội Nghị Diên Hồng:

- Bà nội hát cho cháu nghe bài này phải không?

- Không phải, chúng mình và cháu nội đóng kịch.

- Ô, chắc vui lắm!

Cháu nội hai tay nhỏ xíu đưa lên làm loa.

- Toàn dân! Nghe chẳng? Sơn hà nguy biến!

Hận thù đấng đấng! Biên thù rung chuyển!

Ông nội phụ thêm:

- Toàn dân Tiên Long! Sơn hà nguy biến!

Hận thù đấng đấng! Nên hòa hay chiến?

Bà nội:

- Quyết chiến.

Cháu nội:

- Trước nhục nước nên hoà hay nên chiến?

Ông nội:

- Quyết chiến

- Quyết chiến luôn

Cứu nước nhà

Nổi chí dân hùng anh.

Cháu nội:

- Thế nước yếu lấy gì lo chiến chinh?

Ông bà nội:

- Hy sinh.

Thề liêu thân cho sông núi

Muôn năm lừng uy. (Lưu Hữu Phước)

Hôm ấy cả ba người đều vui và cười ngả nghiêng, một chú bé nhỏ xíu với hai người già tóc đã bạc cùng nhau đóng kịch, sống lại thời còn đi học, nay hòa đồng cùng nhau. Biết cháu chưa hiểu những lời yêu nước sâu xa nhưng trong lòng ông nội cũng đã mãn nguyện, vì lòng yêu nước đã in sâu vào tim dù là nay đã già và sống ở Châu Úc xa xôi cách quê hương một bờ đại dương.

Tôi hiểu anh, người Phi công ngày nào trên vai, trên ngực đều mang những dấu hiệu Tổ Quốc, Không Gian, trách nhiệm, bổn phận. Những buổi chiều đi chùa, cháu và bà nội thì

nhau đọc các chữ bên đường, ai đọc trước và đọc đúng là thắng, rồi thi nhau đọc cửu chương. Ông nội là trọng tài, trọng tài này lúc nào cũng thiên vị, nên bà nội luôn thua.

Vào chùa ông nội trước, cháu sau, lễ lạy theo sát và bắt chước y khuôn.

Ông nội mặt thật tươi khi thấy cô Huệ Nghiêm đến ngồi gần để nghe cháu mình đọc kinh Pháp Hoa.

Những sáng đưa cháu nội đến vườn trẻ và chờ đón về đó là những niềm vui của ông bà. Bữa ăn trưa như vui hơn, rộn ràng hơn khi có cháu dự vào. Cháu nói, đọc tiếng Việt thông thạo, nay lại chỉ từng món ăn, trái cây nói qua tiếng anh, và vẽ hình, trong tám hình nào cũng có ông bà nội và cháu, dán đầy vách phòng ăn.

Vườn hoa nở nhiều và đẹp hơn khi cả ba đều ra làm vườn, hoa cũng thích tiếng cười của ông bà và cháu nội.

Một hôm đến bác sĩ Tuấn chích ngừa, cháu nội nói cùng bác sĩ tên ông bà nội, tên cha mẹ và tên cháu, và còn khoe cùng bác sĩ cháu là người Việt Nam.

Tuổi già thật đầy đủ, sung sướng, chúng tôi đã trải qua những ngày thần tiên bên nhau, cảm ơn đấng cháu nội của chúng tôi đã làm cho cuộc sống chúng tôi tuyệt vời và ý nghĩa hơn.

Trương Kim Báu



Tách Trà Xanh



áng nay phải dành chút thời giờ thưởng thức một tách trà xanh. Ý làm chủ, sai khiến thân hành động. Cầm lấy ấm nấu nước, mở nắp, mở vòi nước. Nước chảy đầy ấm. Tắt vòi nước, đậy nắp, để ấm nước lên trên để nấu nước. Mở công tắc điện, mở công tắc trên ấm nước. Trong khi chờ nước sôi, chuẩn bị bình trà, tách trà và hộp trà xanh.

Lắng nghe tiếng nước sôi reo. Công tắc tự động tắt khi nước đã sôi đúng độ. Trước đây ấm nấu nước trống không, bây giờ đã đầy nước. Trước đây nước lạnh, bây giờ là nước nóng. Nước nóng là do duyên điện gây nhiệt. Không có, có không, duyên khởi, duyên hợp, duyên sanh. Ý và điện là pháp vô sắc tướng. Thân, nước và ấm nước là pháp hữu sắc tướng. Nhờ duyên hợp các pháp này lại mới có được một ấm nước nóng.

Nếu ấm nước đã đầy thì không thể nào chứa được thêm nước. Cũng thế, học đạo thì phải học với cái tâm trống rỗng thì mới có thể hấp thu trọn vẹn ý nghĩa chân lý của đạo. Nếu học đạo với tâm kiến thủ, ngã mạn, tự cho là mình đã học qua rồi, đã biết rồi, đã hiểu rồi thì sẽ vĩnh viễn cả đời tâm thức bị đóng khung, bị giới hạn, sẽ chẳng bao giờ thấu triệt chân lý của đạo. Cũng một lối mòn hàng ngày thường đi. Nếu đi với những bước chân cố định cứng nhắc, với một cái tâm định kiến thì lối mòn muôn đời vẫn là một lối mòn cũ kỹ, nhàm chán. Mỗi bước chân lặp đi lặp lại một tiết điệu cô đơn lạc lõng. Thế nhưng, nếu đi với những bước chân an nhiên, với cái tâm rộng mở tỉnh thức, thì sẽ nhận thấy lối mòn mỗi ngày mỗi mới. Tiếng chim hót của ngày hôm nay nào giống tiếng chim hót của ngày hôm qua. Chiều hướng và tốc độ của gió hôm nay chắc chắn là khác với ngày hôm qua. Cách đây không lâu, lối mòn xác xơ tiêu điều, mà bây giờ cỏ xanh mượt mơn mớn, một vài nơi hoa điểm sắc trắng sắc vàng. Hãy quán vô thường để chuyển hóa thăng hoa thân tâm.

Dùng nước sôi tráng bình trà và tách trà. Xong múc ba muỗng cà phê trà xanh bỏ vào bình.

Chế nước sôi vào. Chờ rót nước trà vào tách trà. Nước trà màu xanh nhạt, có mùi thơm dịu dễ chịu. Nhìn nước trà xanh trong tách, thấy cả các pháp hiển hiện: khổ, vô thường, trùng trùng duyên khởi duyên hợp duyên sanh, vô ngã và không. Một là tất cả, tất cả là một.

Nhìn nước trà xanh, quán nỗi khổ của chúng sanh. Thấy nỗi khổ của công nhân đồn điền trà, dầm mưa dãi nắng chăm sóc vườn trà, hái lá trà.v.v... Thấy cảnh khổ của người nghèo khó, vì sinh kế phải lao lực lao tâm. Dù không khỏe cũng phải đi làm, vì nghỉ một ngày thì một ngày thiếu miếng cơm manh áo. Ban quản lý phải dẫn đo suy tính sắp xếp công nhân, sắp đặt công việc sao cho được ổn thỏa suôn sẻ theo đúng kế hoạch đã đề ra để thu hoạch được kết quả tốt đẹp. Còn chủ đồn điền thì sao? Đêm nằm trăn trở thao thức cầu nguyện cho mưa thuận gió hòa; cầu cho thu hoạch năm nay được nhiều hơn năm ngoái; cầu nguyện cho các hợp đồng giờ cuối đừng thay đổi.v.v... Mỗi cầu mỗi nguyện là một nỗi lo. Người nghèo có cái lo của người nghèo. Người giàu có nỗi lo của người giàu. Tùy theo hoàn cảnh và vị trí mà có nỗi lo riêng. Ai cũng khổ.

Trong trà có nỗi khổ của chúng sanh. Vậy khi thưởng thức trà, chẳng lẽ lại đi thưởng thức nỗi khổ của chúng sanh? Chẳng ai làm vậy bao giờ. Thưởng thức hương vị của trà, quán và chiêm nghiệm nỗi khổ để từ đó nhận chân niềm an lạc và hạnh phúc.

Nhìn nước trà xanh, quán vô thường. Thấy sự thay đổi của thời gian bốn mùa Xuân Hạ Thu Đông. Thấy sự biến chuyển của thời tiết, khi mưa lúc nắng. Khi thì nắng ấm áp chan hòa, lúc thì sương mù giá lạnh bao phủ, mưa trút tầm tã. Thấy xúc thọ của cây trà theo hoàn cảnh môi trường xung quanh mà phát triển trưởng thành. Thấy đợt trà non xanh mơn mớn tươi tốt khoe sắc thắm cho vụ thu đầu mùa. Đợt non trên cây trà đã không còn sau khi được thu hoạch. Pháp sanh, pháp diệt. Biến đổi vô

thường. Nếu không có vô thường thì Thái tử Tất Đạt Đa đã không rời bỏ ngai vàng điện ngọc, vợ đẹp con thơ xuất gia cắt tóc tầm đạo. Và đời này cũng chẳng có người dũng mãnh phát tâm bồ đề cắt ái ly gia cầu đạo giải thoát. Nếu không có vô thường thì cây không thể lớn phát triển trưởng thành, hoa không thể nở khoe sắc màu tươi thắm. Nhờ có vô thường, người bệnh mới hết bệnh, em bé biết đi, người điên hoá tỉnh, người mê thành giác. Nhờ có vô thường, người mới nhận thức liễu tri pháp vốn là huyền là ảo, sắc tướng danh giả, từ đó tập buông xả bớt lòng tham, bớt chấp niệm cõi bỏ ràng buộc, thênh thang sống giữa cuộc đời đầy hệ lụy khổ đau. Không có thủ thì chẳng có hữu; hữu không có có chi sanh; sanh còn không có, nào có chi lão tử. Giữa trời đất mênh mông rộng lớn, sống tự tại và chết tự tại. Nhìn nước trà xanh, quán trùng trùng duyên khởi duyên hợp duyên sanh. Để có được trà cho người pha trà thực tập thiền trà, trà đạo, phải nhờ biết bao nhiêu duyên khởi duyên hợp. Duyên nhân dụng như nhân công, quản lý, chủ, thương gia.v.v...; duyên vật liệu như phân bón, thuốc trừ sâu; duyên đất nước gió lửa, duyên phương tiện như gùi tre, xe vận tải, đường xá, cơ xưởng, tàu thuyền, máy bay.v.v.. . Không có đất thì không thể trồng trà được.

Trà muốn được tươi tốt thì phải nhờ vào tâm lực của người, nhờ vào phân bón và thuốc trừ sâu bọ. Thu hoạch thì phải cần gùi tre để chứa; di chuyển trà từ đồn điền đến cơ xưởng thì phải nhờ đến xe vận tải cùng đường xá. Trà chế biến tại cơ xưởng xong thì phải đóng hộp, đóng gói, đóng bịch. Sau đó cần vận chuyển đi khắp nơi. Vậy thì phải nhờ đến xe hơi, máy bay, tàu thuyền tùy theo nơi chốn và số lượng ít hay nhiều. Người do đất nước gió lửa và thức tạo thành. Phân bón và thuốc trừ sâu do tâm thức của người mà có, phải qua tiến trình chế biến từ chất hữu cơ và vô cơ. Gùi tre từ cây tre mà có. Nhưng phải có người chặt tre đem về chuốt tre rồi đan thành gùi. Duyên nào hợp sanh ra tre? Người dùng dao hay rửa để đốn tre. Vậy duyên nào hợp tạo thành dao và rửa?

Xe vận tải là một pháp do tâm thức biến hiện, nhờ vào rất nhiều duyên kết hợp mà thành như sườn xe, bánh xe, máy, ghế, dây điện,

son,.v.v... Xưởng chế tạo xe không chế tạo từng bộ phận của xe, mà chỉ ráp những bộ phận này lại thành chiếc xe. Những bộ phận khác nhau này do từng cơ xưởng riêng chế tạo. Mỗi một cơ xưởng là một pháp do nhiều duyên kết hợp. Sườn xe và máy xe làm từ hỗn hợp kim loại. Bánh xe và ghế xe làm từ hỗn hợp cao su. Kim loại từ đâu mà có? Cao su từ đâu mà có? Cứ thế lý giải thì xe vận tải tự nó không thể tự thành mà phải do rất nhiều, rất nhiều duyên kết hợp.

Tiếp tục lý giải như thế với cơ xưởng chế biến trà, đường xá, tàu thuyền, máy bay,.v.v... để thấy trong trà có vô số duyên, vô số pháp. Trong duyên có duyên có pháp, trong pháp có pháp có duyên. Cái này có nên cái kia có, cái kia có nên cái nọ có. Cái này không còn thì cái kia không còn, cái kia không còn thì cái nọ cũng không còn. Đây chính là chân lý vi diệu của trùng trùng duyên khởi, duyên hợp, duyên sanh, duyên diệt.

Trà, tự nó không thể có, phải do duyên hợp mới thành. Do đó, nó vốn vô ngã và tự tánh của nó là không. Tất cả các pháp đều đó tâm thức biến hiện, do duyên khởi kết hợp mà sanh ra. Thế nên, các pháp đều vô ngã và tự tánh của chúng là không. Pháp từng duyên sanh, pháp tùy duyên diệt. Không có pháp nào thoát ra ngoài quy luật bốn giai kỳ Thành Trụ Hoại Không.

Trà khô, do rất nhiều, rất nhiều duyên khởi kết hợp mà thành. Trà được đóng hộp, đóng gói bày bán khắp nơi cho đến khi được người mua về dùng. Trong thời gian trà còn trong hộp trong gói là trụ. Duyên đầy đủ, trà hợp với nước sôi cho ra nước trà thơm ngon. Sau khi thưởng thức xong nước trà, xác trà được đem đổ ở một góc sân nào đó trong vườn và từ từ mục rã. Đó là hoại. Cuối cùng trà tan biến hoàn toàn không còn gì cả. Không lại hoàn không.

Châm chậm thông thả thưởng thức hương vị của trà, của đời và của đạo. Mai này lại về không.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Tịnh An

Cúng tôi trân trọng cảm ơn quý Thầy, quý Sư cô, quý thiện hữu tri thức, các học giả, văn nhân thi sĩ đã đóng góp bài vở phong phú cho số báo mừng Phật Đản này. Trân trọng cảm ơn các vị mạnh thường quân, các cơ sở thương mại đã đăng quảng cáo và giúp đỡ tịnh tài cho việc phát hành số báo này.

Chân thành cảm tạ các Chùa, Phật học viện, Đại tông lâm, Tự viện, Ni viện, Niệm Phật đường và các nhà văn hóa, báo chí đã gửi tặng sách, báo và tạp chí trong thời gian qua.



Danh sách quý Phật tử ủng hộ tịnh tài cho số báo Mừng Phật Đản 2642

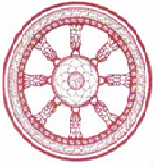
Thầy Phước Quảng	50	Tâm Thông	10	Đoàn Thị Phúc	5
Thầy Phước Viên	50	Diệu Phước	10	Diệu Ngọc	5
Sư cô Phước Trưởng	30	Diệu Huệ	10	Phổ Thuận	20
Sư cô Phước Chí	50	Tâm Thanh	10	Trí Dũng	20
Sư cô Phước Bình	50	Ngọc Càn	10	H/h cầu siêu Hl Nguyễn thị Sô	
Sư cô Phước Lễ	50	Diệu Phước 2	20	pd. Huệ Hiền	50
Sư cô Phước Chiếu	50	Diệu Cảnh	20		
Sư cô Phước Hương	50	Ngọc Cát	10	Đóng góp quỹ Take away	
Sư cô Phước Hòa	20	Ngọc Đăng	10	M. Quang & Diệu Nguyệt	50
Sư cô Phước Thọ	50	Tâm An	20	Ngọc Hồng	50
Sa di ni Vạn Kính	20	Huệ Trí	10	Ăn danh	200
Sa di ni Vạn Trang	20	Diệu Định	20		
Sa di ni Vạn Hiếu	20	Diệu An	10		
Sa di ni Diệu Liên	30	Diệu Bạch	10		
Quincy Trí Việt	30	Tâm Mãn	10		
Sư cô Phước Ngọc	100	Tâm An	10		
Trần Văn Ba pd. Tâm Ba	50	Tâm Quang	10		
G.đình thai nhi Jack Phạm	50	Diệu Hạnh	5		
Nguyễn Tú	30	Huệ Thành	10		
Tử Kim Quang	30	Tử Thịnh	10		
Ăn danh	20	Diệu An 2	10		
Diệu Ngọc	5	Diệu Vui	20		
Thanh Diệu	10	Huỳnh Thị Thu	20		

Danh sách ủng hộ Đại Tông Lâm Phật Giáo

Ken Van (300), Gđ. Trần Thị Khánh (100), Đoàn hành hương 2018 (2000), Gđ.h/l Bành Yêm (450), Gđ.h/l Hoàng Thị An (400), Nguyễn Tử Yên (300), Kim Nga Nguyễn (100), Nha sĩ Thảo Nguyễn (100), Gđ.h/l Nguyễn Thị Hoan (150), Đặng Kim Lan. Pd Tâm An ((100), Gđ.h/l Nguyễn Thị Bê (300).

Danh sách các cơ sở thương mại ủng hộ quảng cáo cho báo Phật Đản số 69

- | | |
|-------------------------------------|---------------------------------|
| - Nhà thuốc tây Mai | - Gạo thơm Hoàng Gia |
| - Tiệm vàng Mỹ Tín | - Nha sĩ Phương Thảo |
| - Tran's Aquarium | - Thực phẩm Á Châu Tường Phát |
| - Tiệm vàng Hưng Thành | - Huyện Motor Repair |
| - All-Villa Print | - Công ty kế toán Bùi Thanh Lân |
| - Công ty địa ốc ET | - AHC Trị liệu thính giác |
| - Fairfield Funerals of Distinction | - The Triumph Institute |



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT ÚC ĐẠI LỢI - TÂN TÂY LAN
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

Văn phòng: Chùa Quang Minh - 18 Burke Street, Braybrook VIC 3019. AUSTRALIA
Tel: +61393125729 +61395482215 Fax: +61393110278 Email: phuocan@quangminh.org.au

THƯ CẢM TẠ VÀ KÊU GỌI

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Chư Tôn Đức Tăng, Ni,
Kính thưa quý đồng hương phật tử,

Như quý vị đã biết, công trình xây dựng Trung Tâm Giáo Hội Phật Giáo Úc Châu tại Cairnlea, trong thời gian 8 tháng qua đã đạt được phân nửa đoạn đường với chi phí trên 2 triệu dollars Úc, đó là nhờ công đức của toàn thể chư Tôn Đức Tăng, Ni và quý ân nhân đồng hương phật tử xa gần, cũng như quý vị mạnh thường quân các nhà hảo tâm, đã nhiệt tình đóng góp bằng tài vật và công sức trong công cuộc vận động gây quỹ đợt 1 vừa qua. Đó là một thành quả khiêm tốn và cũng là một khích lệ lớn lao cho Ban vận động gây quỹ tài chánh chúng tôi.

Trước nghĩa tình cao đẹp đó, thay mặt Giáo hội, chúng tôi xin chân thành cảm tạ thâm ân và cũng xin tán thán công đức đóng góp của toàn thể chư Tôn liệt vị, và chúng tôi cũng không quên nguyện cầu hồng ân Tam bảo gia hộ cho chư Tôn liệt vị: Trí tánh thường minh, đạo tâm bất thoái, vạn sự hanh thông, tùy tâm mãn nguyện.

Kính bạch Chư Tôn liệt vị,

Hiện công trình xây cất vẫn đang được tiến hành tốt đẹp bao gồm: hội trường đa dụng, chánh điện, Bảo tháp Từ Bi và các Tăng phòng v.v... Tuy nhiên, hiện chúng tôi đang gặp trở ngại khó khăn về vấn đề tài chánh cho việc xây cất những nhu cầu thiết yếu nói trên. Do đó, nên Ban vận động gây quỹ tài chánh luôn nỗ lực tiếp tục gây quỹ bằng cách cho phát hành vé số và tổ chức các buổi Đại nhạc hội. Theo dự định sẽ cho xổ số vào ngày 29/7 DL năm 2018 tại chùa Quang Minh với các giải thưởng như xe BMW trị giá 63.000 Úc kim và vàng. Đồng thời, các buổi Đại nhạc hội cũng sẽ được tổ chức ở các địa điểm: Chùa Hoa

Nghiêm Melbourne và Chùa Phước Huệ Sydney, với sự đóng góp của hai danh ca nổi tiếng: Hà Thanh Xuân, Trường Vũ và MC Việt Thảo.

Kính bạch quý ngài,

Theo lời Phật dạy:

*“Xây chùa, tạo tượng, đúc chuông
Phước báo ba việc thập phương nên làm”.*

Để cho công cuộc xây cất sớm được hoàn thành như ý nguyện, một lần nữa, thay mặt Giáo hội, chúng tôi trân kính thiết tha kêu gọi toàn thể chư Tôn đức Tăng, Ni và quý đồng hương phật tử khắp nơi trong và ngoài nước, cũng như quý vị mạnh thường quân, các nhà hảo tâm, kính mong quý vị hãy vì tiền đồ của đạo pháp, và vì lợi ích chung, mà hoan hỷ tích cực phát tâm ủng hộ bằng cách mua vé số và tham dự các buổi Đại nhạc hội, cũng như thể hiện các cách cúng dường tài vật linh tinh khác. Bằng vào sự đóng góp ủng hộ tích cực nhiệt tình của quý vị, chắc chắn sẽ tạo cho chúng tôi mọi sự dễ dàng trong công cuộc xây cất và hy vọng công trình sẽ chóng được hoàn thành viên mãn tốt đẹp. Và nếu mọi việc đều được tiến hành an ổn suôn sẻ thì chúng tôi sẽ tổ chức một buổi lễ khánh thành vào đầu năm 2019.

Nhân mùa Phật đản lần thứ 2642, chúng tôi xin chân thành kính chúc Chư Tôn Đức Tăng, Ni cùng quý ân nhân đồng hương phật tử, và các mạnh thường quân, các nhà hảo tâm, trọn hưởng một mùa Phật đản an lành trong ánh hào quang của chư Phật.

Thân ái kính chào.

TM. Hội Đồng Điều Hành

Phó Chủ Tịch

Thượng tọa Thích Phước Tấn